

15 THÁNG 11 NĂM 1970

BACH KHOA

năm mười bốn

* TỪ TRÌ *chiến lược ngoại giao của Nga* * TRẦN
THIÊN *Alexander Soljenitsyne, giải Nobel văn chương*
1970 * CUNG GIỮ NGUYÊN *người không thể ngồi*
trên danh từ «ghế» * VÕ QUANG YẾN *quái thai*
* NGUYỄN VĂN TRUNG *giới thiệu «Từ một Thánh gia*
này đến một Thánh gia khác» của Raymond Aron
* VIỆT PHƯƠNG *thế giới Ả-rập sau Nasser* * BÁCH
KHOA *Nguyễn Cao Đàm và nhiếp ảnh Nhật bản*
* ĐẶNG TRẦN HUÂN *Cựu-kim-sơn, cửa châu Á* *
KINH DƯƠNG VƯƠNG *chuyến xe* * PHAN LONG YÊN
thư về xóm nhỏ * ĐÔNG TRÌNH *người ngồi nhớ núi* *

SINH HOẠT *thời sự*
thế giới * *thời sự khoa*
học * *thời sự văn nghệ*

333





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe* : — L-LYSINE
— VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
— PANTOTHENATE DE CALCIUM
— GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA** - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON



B Á C H

K H O A

Số 333 ngày 15-11-1970

TỪ TRÌ <i>chiến lược ngoại giao của Nga-sô</i>	05
TRÀNG THIÊN <i>Alexander Soljenitsyne giải Nobel văn chương 1970</i>	15
CUNG GIỮ NGUYỄN <i>người không thể ngồi trên danh từ « ghế »</i>	23
VÕ QUANG YẾN <i>quái thai</i>	31
NGUYỄN VĂN TRUNG <i>giới thiệu : « Từ một Thánh-gia này đến một Thánh-gia khác » của Raymond Aron</i>	35
VIỆT PHƯƠNG <i>thế giới Ả-rập sau Nasser</i>	43
BACH KHOA <i>Nguyễn Cao Đàm và nhiếp ảnh Nhật-bản (phỏng vấn)</i>	49
ĐẶNG TRẦN HUÂN <i>Cựu-kim-sơn, cửa châu Á (hồi ký)</i>	55
KINH DƯƠNG VƯƠNG <i>chuyến xe (truyện)</i>	61
PHAN LONG YÊN <i>thư về xóm nhỏ (thơ)</i>	74
ĐÔNG TRÌNH <i>người ngồi nhớ núi (thơ)</i>	75

SINH HOẠT

TỪ TRÌ <i>thời sự thế giới</i>	77
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	81
TRÀNG THIÊN, THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	83

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
Điện-thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ-ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật—Saigon
Giá : 50đ Công sở : 100đ
Cao Nguyên và Miền Trung
thêm cước phí máy bay

Sách báo mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ăn cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Gương danh nhân** của ông Nguyễn Hiến Lê do nhà sách Khai-Trí xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 190 trang gồm 7 tiểu sử danh nhân: H. Schliemann, Quản Trọng, B. Franklin, M. Gandhi, L. Tolstoi, Vương Dương Minh, A. Lincoln. Giá 180đ.

— **Gương hy-sinh** của ông Nguyễn Hiến Lê do nhà sách Khai-Trí xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày, 206 trang gồm tiểu-sử của 10 nhà bác-học, và phát minh danh tiếng: I. Newton, L. Pasteur, T. A. Edison, J.B. Dunlop, Ông Bà Curie, G. Marconi, R. Diesel, J. L. Baird, N. Wiener, I. P. Semmelweis. Giá 180đ.

— **Tableau économique du Vietnam aux 17e et 18e siècles** của Nguyễn-Thanh-Nhã do nhà xuất-bản Cujas Paris ấn hành và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 250 trang, gồm hai phần chính trình bày những hoạt động về nông nghiệp và ngoài nông-nghiệp (lâm sản, chăn nuôi, chài lưới, thủ công nghệ v.v...) những hoạt động kinh-tế tại thành thị, nội thương, ngoại thương... Tác giả là Phụ-khảo-trưởng tại Đại-học Luật-khoa và khoa-học Kinh-tế ở Paris và Giảng-sư tại viện nghiên cứu về Phát triển kinh-tế và xã hội.

— **Ca khúc cho ngày mai** của Phạm Duy (trong tập Hòa-Bình ca) do

Quảng-Hóa xuất bản và gửi tặng. Sách khổ 20×21 gồm 10 bài trong có những bài mới từ năm 1949 như «Cung chúc Việt Nam» «Một ngày một đời» và trường ca «Con đường cái quan». Phụ bản nhiều màu của Nguyễn Quỳnh ấn loát đẹp. Giá 200đ.

— **Nhi đồng ca** (tuyển tập những bài ca của tuổi thơ) do Quảng-Hóa, xuất bản và gửi tặng. Sách khổ 20×21 gồm 30 bài hát tuổi ngọc nổi tiếng của các nhạc sĩ: Nguyễn Xuân Khoát, Võ Đức Thu, Lê Thương, Phạm Duy, Hoàng Quý, Lưu Hữu Phước, Đức Quỳnh, Văn Thanh, Ngô Ganh, Phạm Trọng, Lê Cao Phan, Hùng Lân, Y Vân, Phùng Sừ, Lê Dinh, Minh Kỳ, Minh Lương, Hồ Tấn Vinh, Bùi Tuấn Anh, Lương Phương, Việt Chung. Phụ bản của Nguyễn Quỳnh. Giá 200đ.

— **Tình buồn tập thơ** của Cô Mai Linh do Bông Lau xuất bản và gửi tặng. Sách dày 84 trang gồm 56 bài thơ. Giá 120đ.

— **Một thế kỷ mấy văn thơ tập thơ** của Truy Phong do Chim Việt xuất bản và gửi tặng. Sách dày 90 trang gồm những lời thơ lồng trong một cuộc đối thoại dài giữa 3 thôn nữ và 3 nông phu. Giá 140đ.

— **Hiện tượng tuần báo thời sự văn học nghệ thuật số 1** ra ngày 6-11-70. Do các ông Đinh Bá Hoàn Chủ nhiệm kiêm Chủ bút, Phạm quang Khai Giám đốc Trị sự, Lê Đình Chung Quản lý. Lê Hoài Quỳnh Tổng thư ký. Tòa soạn đặt tại 258 Pasteur Saigon. Mỗi số dày 32 trang, khổ 21×28 , gồm nhiều bài nhiều mục của các nhà văn tên tuổi. Giá 30đ.

BÁCH - KHOA KỶ - NIỆM 14 NĂM cũng là **SỐ TẾT TÂN HỢI** sẽ ra ngày 15-1-71 như thường lệ. Quý bạn viết bài về số đặc biệt trên đây xin gửi về Tòa-soạn trước ngày 15-12-1970 để kịp sắp xếp. Chân thành cảm tạ.

Chiến lược ngoại giao của Nga - xô

Trong những năm gần đây một hiện tượng quan trọng trong đời sống quốc tế là thái độ hòa hoãn của Nga trước mọi vấn đề quốc tế. Nga đã không còn là một đe dọa cho nền hòa bình thế giới nữa. Ngược lại những quốc gia trước kia là đối thủ của Nga, ngày nay còn cố gắng liên-kết với Nga để tái lập hòa-bình trên các vùng còn bị chiến tranh hoành hành.

Chính-sách đối-ngoại mới của Nga xô gần như đã mất hẳn tính cách hiếu chiến, trong khi lực lượng Nga được tăng cường và củng cố hơn bao giờ hết. Thái-độ của Nga được các chuyên gia về vấn đề quốc tế giải thích bằng nhiều cách khác nhau. Người thì cho rằng sau khi bành trướng quá mau lẹ Nga đang mắc « bệnh trướng-thành » nên phải nghỉ ngơi một thời gian để củng cố nội bộ trước khi tính chuyện áp dụng lại chính-sách thôn-tính. Có người lại cho rằng Nga, sau khi trở thành một quốc gia phát triển trong lãnh vực kinh tế, đã trở thành « trướng-giả-hóa » nên đã mất tính chất cách mạng. Người thì cho rằng trong tình trạng hiện thời của bang giao quốc tế. Nga không dám dấn thân vào một cuộc chiến tranh thế giới có thể đưa cả Nga lẫn đối thủ của Nga vào một cuộc tự sát nguyên-tử tập-thể.

Mỗi cách giải thích trên đều có một phần sự thật nhưng không hoàn toàn đúng hẳn. Vì thật ra thì Nga vẫn còn những mục-tiêu bành trướng và mức phát triển hiện thời của Nga chưa cho

phép người dân Nga được hưởng thụ những kết quả do nhiều thế hệ trước đã tạo nên. Ngoài ra tuy không muốn chiến tranh nguyên-tử nhưng Nga vẫn không ngừng yểm trợ các cuộc chiến tranh địa phương để có thể mở rộng thành chiến tranh thế giới. Như vậy ta thấy Nga vẫn giữ nguyên những mục-tiêu cũ và chỉ thay đổi chiến lược ngoại giao để đạt tới những mục-tiêu này. Chiến lược ngoại giao hiện thời của Nga - xô là hậu quả của những thất bại trong thập niên 1950-1960. Sau những thất bại, nền ngoại giao Nga đã điều chỉnh lại những hoạt động của mình để thích ứng với một tình hình chính trị mới của thế giới. Với chiến lược mới, Nga mưu toan bành trướng trở lại về ba phía Đông, Tây và Nam.

Những thất bại của Nga trong thập niên 1950-1960

Chủ nghĩa Mác-xít là một chủ-nghĩa có « thiên - chức » quốc-tế. Theo Marx, lịch sử thế giới trùng hợp với lịch sử đấu tranh giai cấp. Cuộc đấu tranh giai cấp chỉ chấm dứt khi nào toàn thể thế giới đều theo xã-hội chủ-nghĩa. Nhiệm vụ của người Cộng-sản do đó không phải chỉ giới hạn trong việc thực hiện Cách-mạng vô-sản ở nước mình mà còn phải hoạt động để mở rộng Cách-mạng trên toàn thế giới.

Nếu Marx chỉ đưa ra một lý thuyết thì Lénine đã cho lý thuyết này một đất đứng khi ông thực hiện được Cách-

mạng ở Nga-la-tur. Sau khi cướp được chính-quyền ở Mạc-tư-khoa, thiết lập chính-thể độc-tài vô-sản và tàn sát cả hoàng-gia Nga, Lénine đã nghĩ ngay tới Cách-mạng thế giới. Từ Mạc-tư-khoa Lénine đã ngấm ngấm điều khiển các cuộc nổi dậy của những người Cộng sản tại Đức, Hung-Gia-Lợi và tại nhiều nơi khác. Theo Lénine, các cuộc Cách mạng này sẽ yểm trợ cho cuộc cách mạng vô sản của Nga. Nhưng, không đúng với những lời tiên tri của Marx và khác hẳn với những dự liệu của Lénine, các cuộc Cách-mạng vô sản ở Đông và Trung Âu đã bị thất bại nặng nề. Sau Thế chiến thứ nhất chỉ có hai quốc-gia bị xích hóa là Nga và Ngoại Mông. Tuy vậy Lénine cũng không nản trí ông đã lập ra tổ chức Quốc tế Cộng-sản (Komintern) để phổ biến tư tưởng Cách-mạng trên thế giới.

Sau khi Thế chiến thứ hai chấm dứt, người ta đã chứng kiến một bước tiến dài của Nga. Lợi dụng chiến thắng của phe đồng minh Staline đã đưa quân tràn vào Trung và Đông Âu chiếm các nước Đông Đức, Ba-Lan, Hung-gia-Lợi, Bảo-gia-Lợi, Lỗ-mã-Ni, Nam-Tur, Albanie v.v.. Về phía Đông, trong giai đoạn đầu của cuộc chiến, trước sự khẩn khoản yêu cầu của Roosevelt và Churchill, Staline khẳng không chịu tuyên chiến với Nhật. Roosevelt và Churchill cho rằng nếu Nga tham chiến ở Á Châu thì quân đội Anh Mỹ sẽ thắng Nhật một cách dễ dàng hơn và phải chịu ít hy sinh hơn. Trước sự khắt lằn của Staline, Mỹ đã dùng vũ khí mới là bom nguyên tử thả trên Hiroshima ngày 6-8-1945. Thấy rõ sự lợi hại của bom nguyên-tử, Nga sợ bị mất phần nếu để cho Mỹ một mình hành động nên ngày

8-8-1948 quân đội Nga đã ồ ạt kéo tới chiếm Mãn-Châu, Bắc-Cao và phía Nam đảo Sakhaline. Nhờ bom nguyên-tử của Mỹ, Nga đã chiếm được những lãnh thổ rộng mênh mông ở phía Á Châu mà không bị tổn thất gì.

Tại phía Nam, Nga cũng không kém hoạt động. Nếu tại các quốc gia Á-Rập Nga chỉ dùng tuyên truyền để lôi cuốn dân chúng, như dùng những người Hồi giáo Nga đến kích thích ý chí chống Anh thì tại Ba-tur, Nga đã kéo quân tới ngay từ năm 1941, tại Hy-lạp Nga cố gắng gây ra một cuộc nội chiến giữa hai phe Cộng, sản và quốc-gia, tại Thổ-nhĩ-Kỳ, Nga đòi lại hai tỉnh Kars và Ardahan trước thuộc về Nga.

Sau khi Đệ-nhi thế-chiến chấm dứt, Nga vẫn tiếp tục chính sách bành trướng. Tại Âu Châu, năm 1948, tại Pháp và Ý, nhiều cuộc đình công bạo động đã được đảng Cộng-sản tổ chức, khiến cho chính quyền của hai quốc gia này bị điên đảo. Cũng trong năm 1948, Nga phong tỏa Bá-Linh chặn đường thông thương giữa thành phố này với Tây-Đức. Tại phía Đông, Nga chiếm phần lãnh thổ phía Bắc Cao-Ly để thiết lập chính quyền Cộng-sản. Năm 1949, đảng Cộng-sản cướp chính quyền Hao-lục và năm 1950 Bắc Cao xâm lăng Nam Cao. Tại Đông Dương đảng Cộng-sản nổi dậy cướp chính quyền ở Việt-Nam từ tháng 8-1945. Về phía Nam, Nga ủng hộ đảng Cộng-sản Tudeh tại Ba-tur để lập một quốc-gia tự-trị tại vùng Azerbaidjan. Tại Thổ-nhĩ-kỳ, Nga đòi Thổ áp dụng một chính sách thân hữu với Nga và tại Hy Lạp cuộc nội chiến bùng nổ bắt đầu từ năm 1944 tới nay vẫn tiếp tục mở rộng.

Trước những hoạt động bành trướng của Nga, phe Tây-phương đã phản ứng lại mạnh mẽ. Tại Âu-châu các cuộc đình-công bạo-động bị đàn-áp không nương tay. Kế-hoạch Marshall ra đời năm 1948 đã đổ Mỹ-kim vào các quốc-gia Âu-châu để tái-thiết các nước này. Tại Bá-linh, cuộc phong tỏa của Nga hết hiệu lực trước cầu hàng-không của Mỹ. Sau hết năm 1949 Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương ra đời để chặn đứng sự bành-trướng của Nga. Tại Thổ-nhĩ-kỳ và Ba-Tur, trước sự can-thiệp của Liên-Hiệp-Quốc Nga đã phải nhượng-bộ. Và tại Hy-lạp, năm 1947, Mỹ đã phải thay thế Anh để đương-đầu với phe Cộng-sản. Tại Á-châu, chiến-tranh Triều Tiên vướng phải sức đối-kháng của Mỹ và tại Đông-Dương, phe Cộng-sản chỉ chiếm được một nửa lãnh-thổ Việt-Nam vào năm 1954.

Bước tiến của Nga đã bị chặn đứng trong thập-niên 1950-1960, nên Nga không còn hy-vọng bành-trướng bằng võ-lực được nữa. Vì vậy mà các lãnh-tụ điện Kremlin tính chuyện áp dụng một chiến-lược mới, mềm-dẻo hơn. Ngay từ năm 1956 Krouchtchev đã nói tới sống chung hòa-bình với Tây-phương. Năm 1964, Krouchtchev bị lật-đổ nhưng 1 tập-đoàn Brejnev, Kossyguine lên thay-thế vẫn tiếp-tục theo đuổi chiến-lược mới bằng cách cố-gắng sống chung với phe Tây-phương.

Những mục tiêu về phía Tây

Về phía Tây, Nga trước hết muốn phá vỡ lực-lượng hùng-hậu của khối Minh-ước Đại-Tây-Dương vì Nga biết

rằng Minh-ước Varsovie của phe Cộng-sản Đông-Âu không thể đương đầu nổi với lực-lượng của Mỹ. Phương tiện duy nhất để làm suy yếu Minh-ước Đại-Tây-Dương là phá vỡ tình đoàn-kết của các nước hội-viên của khối này. Bắt đầu từ năm 1958 khi Tướng De Gaulle trở lại cầm quyền ở Pháp, Nga đã cố hết sức khai-thác tinh-thần quốc-gia cực đoan của ông. Năm 1960, khi Krouchtchev sang thăm-viếng chính-thức Pháp, ông đã tỏ ra hết sức kính-trọng đối với tướng De Gaulle, và đồng-thời ông dùng đủ lời lẽ để hạ nhục Tổng-Thống Eisenhower sau vụ phi cơ thám thính U2 của Mỹ bị hạ ở Nga. Đến năm 1966, khi De Gaulle sang thăm Nga, ông đã được chính-phủ Nga đón tiếp nồng hậu đến nỗi ông tin rằng chính ông là người đã có công nhiều nhất trong công cuộc giải tỏa tình-trạng căng-thẳng trên thế-giới. Ông tuyên bố rằng: « Cả vũ-trụ đều biết rõ tầm quan-trọng của cuộc viếng-thăm này ». Và De Gaulle đã quyết-định rút quân-đội Pháp khỏi Minh-ước Đại-Tây-Dương. Kết quả là Tổng-hành-dinh của quân-đội đồng-minh Đại-Tây-Dương đã phải chuyển từ Pháp qua Bỉ. Ngoài ra, Nga còn cố súi bầy De Gaulle chống lại Mỹ để giành lại chủ-quyền.

Sau khi ve vãn De Gaulle, Nga lại quay sang o bế Tây-Đức. Cuối năm 1969 khi ông Willy Brandt lên nắm chính quyền ở Tây-Đức, ông được các lãnh-tụ Nga hết sức quý trọng. Từ khi Đức bị bại-trận tới nay, nước này luôn luôn bất mãn trước qui-chế đàn em trong Minh-ước Đại-Tây-Dương. Hơn nữa sự cạnh-tranh giữa Pháp và Đức để nắm

quyền lãnh-đạo Âu-châu là một hiện tượng cổ-truyền mà Nga muốn khai-thác để ly-gián hai nước. Tháng 8-1970 vừa qua Nga đã ký với ông W. Brandt một hiệp-ước cam-kết không dùng võ-lực. Việc ký hiệp-ước này đã mang lại cho Nga rất nhiều quyền-lợi. Trước hết Tây-Đức thừa nhận những lãnh thổ Nga chiếm bất hợp pháp tại Âu-Châu. Sau đó nhờ có hiệp-ước này mà Nga sẽ được hưởng viện-trợ kinh-tế của Tây-Đức để phát-triển vùng Sibérie khiếm khai. Ngoài ra Nga ký một hiệp - ước với Tây - Đức là coi Tây - Đức ngang hàng và thân hữu với mình, do đó tình đoàn-kết giữa Anh, Pháp Mỹ và Tây-Đức sẽ bị thương-tổn. Thật vậy, Anh, Pháp, Mỹ có cảm tưởng rằng Tây-Đức muốn xé lẻ, theo Nga chống lại họ. Hơn nữa, Pháp từ trước tới nay muốn đóng vai trò hòa giải giữa hai khối Đông và Tây, nay thấy ông Willy Brandt cướp mất vai trò này, nên Tổng-thống Pháp tỏ ra hết sức giận dữ đến nỗi từ chối không chịu gặp ông Willy Brandt.

Không những thế, Nga lại còn cố tình tạo nên sự thù nghịch giữa Pháp và Đức. Tháng 10 vừa qua khi Tổng-thống Pháp Pompidou sang thăm Nga, chính-phủ Nga đã tiếp rước ông một cách nồng hậu, đến nỗi ông Pompidou có cảm tưởng rằng uy-tín quốc-tế của ông không kém gì tướng De Gaulle. Trong các cuộc hội-dàm với ông, các lãnh-tụ Nga đã chính thức yêu cầu ông đóng vai hòa giải Đông-Tây coi như không có ông Willy Brandt. Họ lại còn xin Pháp viện trợ cho Nga để khai khẩn vùng Sibérie khiến cho Pháp và Tây-Đức trở thành hai

quốc-gia cạnh-tranh trong việc viện-trợ cho Nga.

Nhưng về vấn đề Pháp và Nga-Đức chỉ có mục-dịch làm ly-gián Âu-châu và Hoa-kỳ mà thôi. Khi nào có vấn đề trọng đại thì Nga lại trực tiếp nói chuyện với Mỹ để bàn cách giải-quyết. Đường dây « điện-thoại đỏ » giữa Bạch-ốc và điện Kremlin luôn luôn hoạt-động. Mặc dầu Pháp nhiều lần đòi hợp tay tư để giải-quyết vấn đề Trung-Đông, nhưng Nga vẫn làm thinh mà chỉ thương-thuyết với Mỹ. Thái độ này khiến cả Anh lẫn Pháp đều oán Mỹ là đơn phương hoạt-động, bất kể đồng-minh.

Những hoạt-động của Nga nhằm làm thương-tổn tình đoàn-kết giữa Tây-Âu và Hoa-kỳ đã có một phần nào kết-quả. Từ nhiều năm nay, các quốc-gia Tây-Âu luôn luôn chống đối Hoa-kỳ và nếu không có vụ Nga xâm-lăng Tiệp-khắc thì có lẽ khối Bắc Đại-Tây-Dương đã bị tan rã vì sự rút lui của nhiều quốc-gia hội-viên. Nhờ có chiến-lược mới, Nga đã đạt được nhiều mục-tiêu tại phía Tây.

Những mục tiêu về phía Đông

Về phía Đông các mục-tiêu của Nga cũng không kém quan-trọng vì tại Cao-ly, và Đông-Dương, sức bành-trướng của Nga luôn luôn bị Mỹ ngăn chặn. Hơn nữa tại đây Nga gặp thêm một khó-khăn là thái-độ thù-nghịch của Trung-Cộng. Do đó tại Á-châu cuộc tranh-giành ảnh-hưởng không còn có tính cách tay đôi giữa Nga và Mỹ nữa mà có tính cách tay ba giữa Nga - Mỹ và Trung-Cộng. Ngoài sự cạnh-tranh của Mỹ và Trung-

Cộng, Nga còn phải đương đầu với vấn đề Nhật.

Từ trước tới nay Nhật luôn luôn là một đe dọa đối với Nga. Năm 1905 Nga đã bị Nhật đánh bại. Năm 1917 quân đội Nhật đã lợi dụng cuộc Thế-chiến thứ nhất kéo tới chiếm đóng vùng Sibérie, và khi chiến-tranh chấm dứt, chính-phủ Đông-kinh nhất định không chịu rút quân về.

Sau khi Thế-chiến thứ hai chấm dứt nhờ có Mỹ dùng bom nguyên-tử đánh bại Nhật mà Nga trở thành một quốc-gia chiếm đóng ở Á-châu. Nga đã chiếm nửa đảo Sakhaline, có nhiều mỏ dầu hỏa, và đồng thời Nga cũng chiếm luôn cả quần đảo Kouriles của Nhật. 25 năm trôi qua, Nhật đã khôi phục được qui-chế quốc-tế cũ. Nếu hiện thời Nhật chưa là một lực-lượng quân-sự đáng kể thì Nhật cũng đã trở thành một đại-cường quốc kinh-tế. Chính sách của Nga đối với Nhật trở nên hết sức tế-nhị. Trước hết là phải ngăn cản những tư-tưởng bành-trướng của Nhật. Sau là phải tìm cách liên-kết với Nhật để Nhật không làm cản trở những hoạt-động của Nga ở Á-châu.

Tại Á-châu cũng như tại Âu-châu, về phía Đông cũng như về phía Tây, chiến-lược ngoại-giao của Nga hiện thời là dùng đòn ly-gián, lấy lực-lượng này chống lại lực-lượng kia.

Trước hết để chặn giữ bước tiến của Trung-Cộng, Nga đã bắt tay với các đối-thủ của nước này. Nga đã ủng-hộ Ấn-độ khi Ấn bị Trung-Cộng tấn công năm 1962. Không những Nga lớn tiếng tố-cáo Trung-Cộng xâm-lăng mà còn cung-

cấp vũ-khí cho Ấn-Độ. Khi Trung-Cộng tìm cách gây xích mích giữa Ấn-Độ và Hồi-Quốc trong vụ Cachemire, thì Nga lại cố-gắng triệu-tập hội-nghị Tackent để hòa-giải hai nước này. Làm như vậy Nga không những khuyến khích Ấn-Độ chống lại Trung-Cộng mà Nga lại còn lấy lại được thiện-cảm của Hồi-quốc, khiến nước này trước kia là một đồng-minh của Mỹ đã dần dần tách xa Mỹ và rút khỏi Minh-ước Bagdat (CENTO) do Anh và Mỹ lãnh đạo.

Để mặc cho Mỹ tự-do hành-động tại Việt-Nam, Nga đã đặt Mỹ vào một cuộc tranh-chấp trực-tiếp với Trung-Cộng. Nếu Mỹ thắng tại Việt-Nam thì Nga cũng không thiệt hại gì mà lại có lợi, vì Bắc-Việt lúc này vẫn còn nằm trong vòng ảnh hưởng của Trung-Cộng. Do đó thắng lợi của Mỹ ở Việt-Nam sẽ là một đe dọa không nhỏ đối với Trung-Cộng khiến nước này sẽ phải đương-đầu với Mỹ mà quên chuyện tấn-công Nga.

Nga theo sát sự tiến triển của bang-giao Mỹ-Nhật. Mỗi khi Nhật tỏ ra bướng-bỉnh với Mỹ thì Nga biểu lộ sự hài-lòng rõ rệt, nhưng bắt đầu từ năm 1969 với thuyết Nixon được áp dụng tại Á-châu, Nga lo ngại khi thấy Mỹ tìm cách trao cho Nhật vai trò canh-sát Á-châu và trả lại cho Nhật đảo Okinawa. Vì vậy mà cuối năm ngoái Nga đã phát-động một chiến-dịch tuyên truyền chống Nhật. Người ta nhận thấy có một điểm khôi-hài là trong khi Nga tố-cáo Nhật « thông đồng » với Mỹ để làm bá-chủ Á-châu thì Trung-Cộng cũng không kém lớn tiếng tố cáo « Nga bắt tay với Mỹ và Nhật » để xâm lăng lục-địa của

Sau hết, cuối năm ngoái Nga lại còn đưa ra một đề-nghị hết sức lạ-lùng là thành lập một khối Liên-phòng tại Á-châu. Khối này, theo Nga, có thể đón nhận mọi quốc-gia muốn gia-nhập. Thật ra khi đưa ra đề nghị này Nga nhắm hai mục-tiêu. Mục-tiêu thứ nhất là để thăm dò dư-luận các quốc-gia Á-châu vào lúc Hoa-kỳ sửa soạn rút lui khỏi Á-châu. Thật vậy, từ giữa năm 1969 Hoa-kỳ đã tuyên-bố ý-định trao lại trách-nhiệm cho các dân-tộc Á-châu. Nga muốn lợi dụng dịp này để lấp chỗ trống. Hơn nữa là một khối Liên-phòng dưới quyền lãnh-đạo của Nga sẽ là một hàng rào cản những tham-vọng của Nhật. Mục-tiêu thứ hai của Nga là tách rời Trung-Cộng khỏi các quốc-gia lân-cận. Nếu các quốc-gia lân-cận của Trung-Cộng như Ấn-độ, Hồi-quốc, Miến-Điện gia nhập Minh-ước thì không những họ sẽ trở thành đối-thủ của Trung-Cộng mà họ còn giúp cho Nga bao vây Trung-Cộng nữa. Có lẽ Trung-Cộng hiểu rõ quĩ kế của Nga nên họ đã là nước đầu tiên đã kích đề-nghị lập Minh-ước như một hành động đề-quốc.

Ngược lại với Âu-châu, tại Á-châu, chiến-lược của Nga chưa mang lại cho Nga được những kết quả mong muốn vì tại Á-châu các quốc-gia, tuy muốn có chính sách độc lập đối với Mỹ, nhưng vẫn chưa tin-tưởng vào Nga. Phong-trào Cộng-sản Á-châu, vì có tính cách bạo-động, nên luôn luôn là một đe dọa cho lục-địa này. Vì vậy người ta muốn độc-lập đối với Mỹ nhưng vẫn không chịu chấp-nhận liên-kết với Nga.

* * *

Những khẩu hiệu « sống chung hòa

binh» với phe tư bản, những nhượng-bộ của Nga trong những năm qua chỉ là những thành-phần của một chiến-lược ngoại-giao tổng-quát. Tham vọng bành-trướng của Nga vẫn còn mục-tiêu thôn-tính của Nga vẫn được giữ nguyên vẹn. Chiến-lược ngoại giao mới chỉ là một phương tiện mới để thực-hiện những mục-tiêu bất biến. Chiến-lược ngoại-giao mới này có đặc điểm chính là reo mồm chia rẽ giữa các đối thủ để xúi dục nước nọ chống lại nước kia. Nhưng khi nào có sự cạnh-tranh trực-tiếp giữa Nga và Mỹ thì Nga giả bộ bắt tay với Mỹ để tranh-thủ thời-gian. Đó là trường hợp ở Trung-Đông cũng như trường hợp các cuộc hội đàm giới-hạn sản-xuất vũ-khí chiến-thuật và trường hợp Cuba. Trong 3 trường hợp này vì chỉ có sự tranh chấp tay đôi Nga - Mỹ, nên Nga đã cố-gắng sống chung với Mỹ để kịp thời giờ chuẩn bị, hầu sau này sẽ có ưu thế trong một cuộc đụng-độ tương-lai. Tại Cuba, Nga đã nhượng bộ Mỹ năm 1962 bằng cách rút hỏa-tiến về. Tại Trung-Đông Nga buộc Ai-cập phải chấp nhận kế-hoạch hòa-bình Rogers. Nhưng chính Nga đã vi phạm thỏa-hiệp với Mỹ bằng cách tăng-cường quân-đội Ai-Cập. Giờ đây địa vị của Nga đã được củng-cố ở Trung-Đông với sự hiện diện của 12.000 quân Nga trên đất Ai-Cập nên chiến-lược ngoại-giao của Nga hướng về hai phía Đông và Tây hơn là về phía Nam.

TỪ TRÌ

Alexander Soljenitsyne

NOBEL VĂN CHƯƠNG 1970



II. CON NGƯỜI

Nhiệm vụ nhà văn

Văn tài của Soljenitsyne không ai phủ nhận, nhưng sự chọn lựa của hội đồng giải Nobel vẫn có người xem là có tính cách chính trị.

Hai năm trước đây, tại Kiev, tiểu thuyết gia Victor Nekrassov đã bảo ký giả Jean François Kahn: «*Hãy nói rõ rằng tại đây có một nhà văn, nhà văn lớn nhất, tên là Soljenitsyne.*» Và ở Moscou, tại phạm điểm của Hiệp hội nhà văn, thi sĩ Andrei Vozniessenski lại xác nhận: «*Vâng, Soljenitsyne là nhà văn lớn nhất.*»

Nekrassov đã từng được giải thưởng Staline, còn Vozniessenski là một trong số vài ba thi sĩ được phái trẻ ở Nga-xô hăm mộ nhất: những người văn nghệ ấy đã chọn Soljenitsyne từ lâu, bấy giờ chưa có vấn đề giải Nobel.

Tuy nhiên; câu chuyện «tính cách chính trị» được nêu lên hiện nay không phải không có lý do. Bởi vì

chính những kẻ cấp giải Nobel văn chương cho Soljenitsyne cũng tuyên bố rằng họ đã tán thưởng một «sức mạnh tinh thần»: như vậy không phải họ chỉ chọn một công trình văn nghệ mà còn chọn một thái độ, không phải họ chỉ chọn một nhà văn mà còn chọn một con người.

Văn chương của Soljenitsyne có thể rất xứng đáng, nhưng trong sự quyết định của ban tuyển trạch giải thưởng đã có những yếu tố phi văn chương ảnh hưởng vào.

Và quả nhiên Soljenitsyne là một con người lạ lùng, có một thái độ lạ lùng không thể không đập vào sự chú ý của những độc giả thưởng thức tác phẩm văn chương ông.

36 năm sau khi Jdanov qui định đường lối sáng tác hiện thực xã hội cho văn nghệ sĩ, Soljenitsyne phát biểu giữa phiên họp ngày 22-9-1967 của Hiệp hội nhà văn Xô-Việt quan niệm sáng tác của ông như sau:

« Nhiệm vụ của một nhà văn nói chung không phải là bênh vực hay chỉ trích một phương pháp phân phối sản phẩm xã hội này hay một phương pháp khác, cũng không phải là bênh vực hay là chỉ trích một hình thức tổ chức chính trị này hay một hình thức khác. Nhiệm vụ một nhà văn là chọn lựa những đề tài phổ quát và trường cửu hơn: các bí ẩn của lòng người và các uẩn của tâm đề, các cuộc xung đột giữa sự sống và cái chết, biện pháp vượt qua các nỗi thống khổ của tâm hồn, các định luật từng hướng dẫn lịch sử nhân loại, những định luật đã phát sinh từ nghìn xưa xa thẳm và sẽ chỉ tiêu diệt ngày nào mà mặt trời tiêu diệt. »

Một nhiệm vụ như thế làm cho nhà văn hóa ra một phần tử khó «lãnh đạo» quá, cơ hồ bất trị. Không bênh vực chế độ chính trị xô-viết? Không ca tụng đường lối kinh-tế xã hội? Lại đi tìm các định luật của lịch sử! Nhà văn là cái thá gì mà ghê gớm thế?

Ngày 8-3-1963 Khrouchev, (chính ông Khrouchev đã phát động phong trào xét lại chính sách Staline, đã chủ trương một đường lối cởi mở, đã đích thân cho phép Soljenitsyne xuất bản cuốn *Một ngày của Ivan Denis-sovitch*), chính ông Khrouchev ấy, sau những cuộc đụng đầu rắc rối với giới văn nghệ, đã quyết định: « Ủy ban Trung ương sẽ bắt buộc mọi văn gia và nghệ sĩ, hạng lớn lao lỗi lạc cũng như hạng mầm non mới xuất thân, tất cả phải theo đúng đường lối của Đảng một cách chặt chẽ. »

Đảng giữ vững đường lối bằng chế độ kiểm duyệt. Soljenitsyne chống kiểm duyệt: « Nền văn nghệ không phải là hơi thở của xã hội hiện tại, không dám phô diễn các nỗi khổ đau và các niềm khiếp hãi, không báo động, một nền văn nghệ như thế không xứng đáng gọi là văn nghệ. »

Xứng đáng hay không xứng đáng, Đảng vẫn giữ đúng phép «lãnh đạo» văn nghệ của Đảng. Khi Soljenitsyne cho in truyện *Căn nhà của Matryona*, người ta hạch hỏi: Bên cạnh Torphopridukt có một nông trường phát triển tốt, tại sao tác giả không chọn tả nông trường « điển hình » này và lại chọn một nông trường tồi? Tại sao tác giả viết về một làng dưới chế độ xô-viết mà lại phô bày cảnh đói khổ?

Trước những hạch hỏi khắc khe nhỏ nhặt như thế, quan niệm về nhiệm vụ tìm « định luật hướng dẫn lịch sử nhân loại », của nhà văn có vẻ huyênh hoang, lớn lối, buồn cười.

Trò hề của bộ trưởng

Nhưng Soljenitsyne không nói đùa. Ông nghiêm chỉnh, nhất định viết theo quan niệm của mình.

Sự mâu thuẫn giữa ông và giới cầm quyền đã rõ rệt: Nhà nước trấn áp, ông chống đối.

Chủ trương của nhà nước xô-viết từ 1964 về sau, một mặt nhằm xóa hẳn tên tuổi của Soljenitsyne: cấm xuất bản mọi tác phẩm mới, quét dấu mọi tác phẩm cũ của ông, không

nhắc nhớ đến ông trên báo chí, trên đài phát thanh, truyền hình v.v... Mặt khác, phao đồn những câu chuyện xấu xa về đời tư của ông : chẳng hạn cho rằng ông đã từng bị bắt làm tù binh hồi đệ nhị thế chiến và đã cộng tác với quân Đức, rằng ông đã đào ngũ ở Ai-cập, đã bỏ quốc tịch Nga, rằng ông đã trốn khỏi một đoàn du khách và ở lại bên Anh v v... Những điều bịa đặt ấy do các cán bộ tuyên truyền phao ra đây đó, mà khi Soljenitsyne yêu cầu cải chính, thì nhà chức trách lại không chịu cải chính. Một mặt khác nữa, có dư luận ngờ rằng chính cơ quan mật vụ. K.G.B. đã nhúng tay vào việc chuyển các bản thảo của Soljenitsyne ra ngoại quốc. Làm như thế, người ta có thể sửa đổi ít nhiều những đoạn quá tai hại đối với chế độ, lại có thể tạo ra bằng cớ để buộc tội Soljenitsyne. Theo điều 70 Hình luật Nga-sô, một tội như vậy bị kết án tối đa là 7 năm tù. Rồi thì, người ta bắt đầu kết án : cựu bộ trưởng Semitchastney có lần tuyên bố : «Soljenitsyne đã đóng góp một viện trợ vật chất vào thế giới tự bản. Thực thế, tại sao ông ta không bán đề lấy tác quyền về cuốn sách xuất sắc vẫn được xuất bản đây đó ấy ?»

Soljenitsyne chống đối thẳng thắn và quyết liệt. Đối với sự cấm đoán, ông gửi một bức thư cho Đại-hội lần thứ IX của Hiệp hội nhà văn, cực lực phản kháng sự áp chế không thể chịu nổi mà chế độ kiểm duyệt đã đặt lên nền văn nghệ của chúng ta từ mấy chục năm nay. » Trong khi chờ đợi

phá dỡ sự cấm đoán ấy, ông tiếp tục viết lách ngày đêm, viết đề rồi cắt vào ngăn kéo, vào tủ. Nhưng bạn cũng như thù đã không để yên cho các tác phẩm ấy, họ tìm cách phổ biến. Đối với các vụ phổ biến ra ngoại quốc, mỗi lần được tin ông đều tố cáo và phản đối. Ngày 18-4-68, hay tin cuốn *Khu bệnh ung thư* được xuất bản ở Âu châu, ông viết : «Việc này, bắt buộc chúng ta phải suy nghĩ về những đường lối kỳ cục và ám muội, đã đưa các bản thảo của văn sĩ Xô-viết lọt ra ngoại quốc. Nó thành ra một cảnh cáo khắt khe đối với chúng ta: Văn chương không còn có thể đồn mãi vào một tình thế khiến cho các tác phẩm văn nghệ biến thành những món hàng mà tên con buôn nào có được tấm giấy thông hành cũng trục lợi được. Tác phẩm của các nhà văn nước ta phải được xuất bản tại nước ta, không thể bị phó thác cho sự cướp giật của những nhà xuất bản ngoại quốc.» Đối với những điều bịa đặt vu cáo, Soljenitsyne đòi Hiệp-hội nhà văn phải lên tiếng cải chính. Hiệp-hội đưa ra một điều kiện, buộc ông trước tiên hãy công khai tuyên bố phủ nhận vai trò thủ lĩnh đối lập chính trị mà Tây-phương đã gán ghép cho ông. Soljenitsyne cho rằng đó là một sự phi lý không cần phủ nhận : một nghệ sĩ và một lãnh tụ chính trị đối lập, hai bên không có tí gì dính líu nhau, ông không thể tuyên bố một điều vô văn như thế. Và đối với lời kết án của nguyên bộ trưởng Senitchastny thì Soljenitsyne thẳng tay chế giễu : « Đó là

một trò hề lỗ bịch : Kẻ nào nhận tác quyền của Tây phương thì bảo là bị tư bản mua chuộc ; kẻ nào không nhận thì lại bảo là viện trợ vật chất cho tư bản. Semitchastry không còn làm bộ-trưởng nữa, nhưng ý kiến của ông ta tiếp tục lưu hành. Và bất cứ ai vẫn còn có thể lặp lại những điều ngu xuẩn kiểu ấy. »

Người tù số 232

Thật quá quắt : Không phải bất cứ ai ở Nga-xô, kể cả nhà văn, có thể dùng tiếng « ngu xuẩn » để nói về một ông bộ trưởng của Nga-xô.

Nhưng Soljenitsyne không phải như ai.

Ngày 16-5-67, Soljenitsyne gửi một lá thư cho Đại-hội các nhà văn, đệ nhất bí-thư của Hiệp-Hội Fédine đã phải kêu rằng : « Không một ai trong chúng ta chối cãi thiên tài của anh ấy, nhưng lời lẽ của anh ấy vang vào tai chúng ta như thể là một cái tát đập vào mặt. Cứ như anh ấy viết thì chúng ta chỉ là một lũ ngu ngốc đần độn không hề đại diện chút nào cho trí thức nghệ sĩ. »

Tại « phiên tòa » xét xử ông ở

Hội-nghị các nhà văn ngày 22-9-67, Soljenitsyne đồng đặc tranh luận suốt năm giờ đồng hồ với phe kết tội, không một chút nhượng bộ.

Hai năm sau, ngày 12.11-69, Hiệp-hội nhà văn khai trừ Soljenitsyne. Bị xua đuổi ra khỏi tập tập-thể, tại Nga-xô, là điều có ý nghĩa trọng đại. Trong một tác phẩm của V. Gheorghin, một nhân vật từ xứ Cộng Sản tiến qua Mỹ, chẳng bao lâu lại xin trở về. Được hỏi lý do hồi hương, anh ta thú thực : Ở Mỹ có tự do, có no ấm, ở Mỹ sung sướng, nhưng bơ vơ. Chính vì được tự do mà cá nhân đâm bơ vơ giữa xã hội. Một người như anh ta, quen sống ở nước Cộng Sản, mọi việc có tổ, có chỉ bộ, có tập thể quyết định, hướng dẫn ; anh ta quen sống trong một môi trường ấm cúng như thế, bỗng nhiên nhảy sang Mỹ anh ta chơi vơi, không chịu nổi...

Ngay đối với một người như B. Pasternak, biện pháp cô lập của Hiệp hội cũng gây xúc động sâu xa. Nhưng Soljenitsyne thì ông ta lớn tiếng quát tháo, mĩa mai ngay cả những kẻ xua đuổi ông, mời họ « lau mặt đồng hồ »,

ĐÓN ĐỌC :

Một ngày của Ivan Denisovitch

của Alexander Solzenitsyn Giải Nobel 1970

Bản dịch của NGUYỄN-MINH-HOÀNG

TRÍ-ĐĂNG xuất bản

mời họ « *vẹt những tấm màn nặng nề* » ra, chê họ là lạc hậu, là thiên cặn v.v... Ông cảnh cáo nhóm lãnh đạo : *Bây giờ không còn là cái « thời kỳ của sự khép nép và cái thời buổi giá rét mà các anh vừa khai trừ Pasternak vừa quát đuổi om sòm.* »

Về cái tinh thần bướng bỉnh bất khuất ấy, có người nhắc đến thái độ của một người tù trong cuốn *Vòng ngực thứ nhất*. Người tù ấy là kỹ-sư Bobynine. Khi bộ trưởng Abakoumov găm lên sấm sét, đòi tù nhân Bobynine phải hoàn thành chiếc máy điện-thoại đặc biệt kịp thời hạn đề dâng lên nguyên soái Staline, tù nhân Babynine tỉnh bơ :

— *Công dân bộ-trưởng ạ, nếu ông cộc cằn với tôi, tôi sẽ không thêm nói với ông nữa. Ông hãy quát tháo bọn đại tá và tướng lãnh của ông. Họ có nhiều thứ và họ sợ bị mất.*

— *Chúng tôi sẽ dùng áp-lực đối với anh đúng mức.*

Bobynine, cũng mắt loé lên ánh căm hờn, đáp lại :

— *Công dân bộ-trưởng, ông làm rồi ! Tôi không có gì cả, ông hiểu không ; hoàn toàn không có gì cả ! Ông không thể động tới vợ tôi, con tôi : một trái bom đã giết chết cả rồi. Cha mẹ tôi qua đời rồi. Trên đời này tôi chỉ có với vẹn một chiếc khăn tay ; còn bộ quần áo lưng tung với bộ đồ lót không có nút này là do nhà nước cấp phát (Anh ta phanh ngực, bày đồ lót ra). Đã từ lâu ông tước đoạt tự-do của tôi và ông không có quyền trả lại tự-do cho tôi vì chính ông cũng không được*

tự do. Tôi bốn mươi tuổi, và ông giảng cho tôi một bản án hăm lăm năm tù. Tôi đã từng làm khổ-sai, tôi đã từng đi với con số tù in trên lưng, với còng sắt trên tay, với lũ chó cảnh-sát bao vây bốn phía, và tôi từng nếm chề độ trong các đội lao công. Đó, như vậy ông còn thề đe dọa tôi cách nào được nữa ? Ông còn có thể tước đoạt của tôi cái gì được nữa ? Ông có thể tước đoạt công việc kỹ-sư của tôi chăng ? Như thế ông sẽ thiệt hại nhiều hơn tôi».

Về phần Soljenitsyne, sau 1962 nếu ông muốn ông rất có thể hưởng ân sủng của chế độ, đạt địa vị cao sang như ai. Nhưng Soljenitsyne đã không màng đến giải thưởng Lénine, vẫn giữ nguyên cái bướng bỉnh đối lập của người tù, người tù số 232. Con số 232 ấy, ở Tây-bá-lợi-á, có một thời gian ông đã mang nó trên lưng áo, trên mũ, trên tay áo, trên ngực áo v.v... ; người ta bảo rằng rồi ông còn mang nó suốt đời trong tim.

Không đến nỗi tàn tệ như thân phận nhân vật Bobynine, nhưng Soljenitsyne cũng khá túng bấn. Sách không in được, cả gia đình ông sống tằn tiện với món tiền lương dạy toán và vật lý. Trước kia, khi một số tác phẩm còn được đăng trên tạp chí *Novy Mer* (Thời mới), thì chủ bút là Alexandre Tardovski thường phải ứng trước nhuận bút đề tác giả chi tiêu. Bây giờ, tình cảnh ngặt nghèo hơn, Soljenitsyne thỉnh thoảng phải viết thư xin bạn bè gửi cho giấy và bút chì nguyên tử.

Đối với một người thanh bạch

như thế, quả nhiên chế độ xô-viết chẳng tìm ra cái gì để tước đoạt.

Mỗi nhà văn là một chánh phủ

Nghệ-sĩ văn hay nông nghênh, và hay phô trương cái nông-nghênh. Nhưng được cái là họ cũng tinh ý lắm : liệu gặp cái thể làm cao được thì Lý Bạch đòi Cao Lực Sĩ cỡi giày, mà gặp hoàn cảnh khắt khe thì Quách Mạt Nhược lại dám mọp đầu sát đất, tự xỉ vả thậm tệ lắm.

Tìm cho được một nét cao ngạo của nghệ-sĩ trong nước Cộng Sản thật là hiếm hoi. Nếu không khiếp hãi qui lụy như Quách-Mạt-Nhược, Chu-Dương, Đinh-Linh v.v..., thì cũng ần nhần qua ngày như Erhem-bourg, Pasternak..., uất quá cũng đến tự tử như Essénine, Maïakovski... là cùng. Trong văn giới Nga-xô, bạn bè mến mộ Soljenitsyne rất nhiều, thế mà đến khi nhóm lãnh đạo Hiệp-hội nhà văn quyết định khai trừ ông, trong số 6.790 hội viên chỉ có 8 kẻ dám bênh vực một văn-hữu xấu số.

Giữa mọi thế giới như vậy, Soljenitsyne sừng sững như một hiện-tượng quái dị. Không cần so sánh với những trăng sao xa vời như một thi hào đời Đường, Soljenitsyne tự sánh với nhà nước : *« Có thể nói một nhà văn lớn là một cái gì tựa hồ như một chính phủ thứ hai. Vì vậy bất cứ ở đâu, không chế độ nào thích những nhà văn lớn, mà chỉ thích những văn sĩ cỡ bé thôi. »*

Sống trong phạm vi quyền hạn của **những** ông chúa tể Mao-Trạch-Đông,

Kossygime, Brejnev, sống trên quê hương của Staline, mà nói năng như thế là cả một xác lão không tưởng tượng được.

Nhưng thực ra, chính ở dưới những chế độ ấy, sự xuất hiện một ý-nghĩ như của Soljenitsyne mới lại càng thích hợp, cần thiết. Dưới những chế độ ấy không còn có tòa án độc-lập, không còn có uy quyền tôn giáo nào để giới hạn những tham vọng độc đoán của nhà cầm quyền, nếu nhà văn đóng được vai trò lương tâm của quần chúng, của dân tộc, thì thật quý hóa.

Nguy hiểm hơn Pasternak

Cuộc đương đầu của cái "chính phủ thứ hai" chống lại chính phủ thứ nhất về vụ giải Nobel hiện nay rất gay cấn.

Thoạt tiên, nghe bạn bè báo tin ông được giải Nobel, Soljenitsyne không tin. Mãi tới khi một phóng viên Na-Uy tìm đến phỏng vấn, ông vẫn thận trọng, dè dặt. Phóng viên phải thúc dục : *« Thế giới đang chờ đợi thái độ của ông. »* Bấy giờ Soljenitsyne mới nói, và nói thật đầy đủ những điều cần thiết : *« Tôi bằng lòng nhận giải thưởng. Nếu được tùy tiện, tôi muốn đích thân đi nhận giải vào đúng ngày ấn định theo thông lệ. Tôi khoẻ mạnh. Cuộc du hành không hại gì cho bệnh ung thư của tôi. »*

Chừng ấy lời sẽ chặn họng tất cả những ai muốn viện lẽ này lẽ nọ để ngăn cản ông đi Stockholm:

Nhà cầm quyền có định ngăn cản Soljenitsyne chăng ? Điều ấy đến nay

chưa thể biết đích xác.

Ai nầy nhớ lại trường hợp của Pasternak năm 1958. Nhưng Soljenitsyne không phải là Pasternak, mà chính sách Nga-xô năm 1970 cũng khác chính sách năm 1958.

Lần này, chính quyền Nga-xô thận trọng, khéo léo hơn. Họ không phản ứng vội vàng và chính thức. Tin Soljenitsyne được giải Nobel chỉ đăng trên báo *Izvestia* ở một góc nhỏ trang trong, với một lời chỉ trích «âm mưu chính trị» của Hội-đồng tuyên-trạch. Ngoài ra, có lời phản đối của Hiệp-hội nhà văn Xô-viết, mà không có lời phản đối của chánh phủ.

Tất nhiên giữa giới lãnh đạo của Hiệp-Hội và giới lãnh đạo chính-quyền có mối liên hệ chặt chẽ: sau phiên họp ngày 22-9-67 của Hiệp-hội đề «xử án» Soljenitsyne, đệ nhất bí thư Fedine đến gặp mặt Brejnev đề hội ý, và sau đó đích thân Brejnev ra lệnh cấm xuất bản cuốn *Khu bệnh ung thư*. Đối với từng việc nhỏ nhặt như thế còn có sự thỏa thuận của cấp lãnh đạo chính-trị tối cao, hưởng hồ chuyện phản đối giải Nobel. Bởi vậy phản ứng của Hiệp-hội cũng là phản ứng của chính quyền; nhưng chính quyền Nga-xô đã đẩy Hiệp-hội lên tiếng thay mình, có lẽ để dò dẫm dư luận, để có thì giờ quyết định một cách chín chắn.

Sự toan tính của chính quyền Nga-xô, người ta cho rằng không ngoài ba giải pháp:

Hoặc cấm Soljenitsyne xuất ngoại,

đồng thời phát động chiến dịch tố cáo ông ta, để rồi cuộc đim hãm ông vào bóng tối, và có thể vào tù ngục

Đàn áp Soljenitsyne vẫn là một mong ước từ lâu của giới lãnh đạo Nga, vì đối với họ ông là một nhà văn rất nguy hiểm. Trong cuộc họp ngày 22-9-67, Alexis Sourkov đã nói toạc ra rằng Soljenitsyne nguy hiểm hơn Pasternak, hơn cả Svetlana Aleiouiéva. Pasternak trong bản chất là một thi sĩ, có óc mơ mộng, một người xa cuộc sống thực tế. những điều ông ta nói lên thuộc lãnh vực triết lý xa vời. Còn Soljenitsyne có bản tính nồng nhiệt, có tinh thần tranh đấu, có ý thức hệ rõ rệt, những điều ông ta viết ra phơi bày một thực tại ghê tởm, với dụng ý đả kích quyết liệt. Ngay cả những điều mà người con gái Staline tố cáo trong các trang hồi ký, Sourkov cho rằng cũng không nguy hại bằng cuốn *Khu bệnh ung thư* của Soljenitsyne.

Đối với một nhân vật nguy hiểm như thế, bấy lâu nhà cầm quyền Nga xô còn lưỡng lự: đây phải chăng là cơ hội khiến họ có quyết định đổi phỏ thẳng tay? Nhưng hành động như thế Nga xô sẽ gây ác cảm đối với dư luận quốc tế.

Bởi vậy, hoặc cũng có thể Nga-xô phớt tỉnh, cho phép Soljenitsyne đi Stockholm nhận giải rồi về, coi như không có gì quan trọng. Làm như vậy dư luận Tây-phương chắc chắn sẽ tán thưởng; nhưng ở trong nước, Nga-xô sẽ có thể gặp rắc rối. Từ 1958 đến nay, tại Nga, hàng ngũ những kẻ

ri thức và văn nghệ sẽ chống đối mỗi ngày mỗi đông đảo thêm, hình thức chống đối của họ mỗi ngày nổi táo bạo thêm: hoặc gây ra những vụ án làm chấn động dư luận quốc ngoại, hoặc tổ chức cả một hệ thống phổ biến văn hóa phẩm bí mật v.v... Nay, nếu nhà cầm quyền nhượng bộ trước uy tín của Soljenitsyne, giới chống đối cảm thấy được khuyến khích, và sẽ tiến lên...

Hoặc có thể nhà cầm quyền Nga-xô cho Soljenitsyne ra đi với điều kiện không được trở về.

Pasternak đã đầu hàng trước điều kiện ấy. Pasternak thiên về tình cảm. Nhân vật khả ái tên Lara trong cuốn *Bác sĩ Jivago* là hình ảnh người bạn thân của tác giả, Olga Ivinskaya. Ông không muốn bỏ rơi Olga lại giữa một Nga xô thù nghịch mà không có ông bên cạnh. Ông nghĩ rằng ngày nào ông còn ở lại trên đất Nga, ông còn có thể dùng uy tín riêng để che

chở cho Olga (Quả nhiên sau khi Pasternak qua đời, Olga Ivinskaya bị tù).

Soljenitsyne cũng một lòng tha thiết với xứ sở. Vũ trụ của ông là xã hội Nga, tất nhiên ông không muốn xa rời chút nào. Ông nói: « *Tất cả cuộc đời tôi lồi là ở đây: trên đất nước quê hương, lắng nghe những khổ đau của đất nước, tôi chỉ viết về những khổ đau ấy mà thôi.* »

Tuy vậy, Soljenitsyne là người quả quyết, không để cho ai bắt chẹt. Người tù số 232 cũng phảng phất nét tâm lý quyết đi đến cùng của người tù Bobynine, và sẵn sàng chịu cảnh lưu đày. Còn Natalya, ai cấm được ông mang theo người vợ chính thức?

Nhưng từ đây đến 10 tháng 12, biết đâu nhà cầm quyền Nga xô không tìm ra được một giải pháp thứ tư, quý quai hơn ba giải pháp trên?

TRĂNG THIÊN

NHA TU-THƯ VÀ SƯU-KHẢO
VIỆN ĐẠI-HỌC VẠN-HẠNH

đã phát hành:

TỪ ĐIỂN PHÁP VIỆT PHÁP-CHÍNH KINH-TÀI XÃ-HỘI

của Giáo-sư **VŨ-VĂN-MẪU**

Giá nhất định: 1.300\$00

Các tỉnh xa thêm: 200\$00

Thư từ ngân phiếu xin để:

ĐD Chân-Pháp (Nguyễn-hữu-Hiệu)
222, Trương minh Giảng, Saigon

Nơi phát hành duy nhất:
Vạn Hạnh Thư quán

Người không thể ngồi trên danh-từ « ghế »

Sự nghi ngờ về giá-trị của ngôn-ngữ khiến một số học-giả cố tìm, không những các nguyên-nhân của hiện-tượng phá giá ấy, mà cả phương-pháp để ngăn ngừa và trị-bệnh loạn ngữ, loạn danh. Không muốn cho từ-nghĩa-học chỉ làm một phần trong ngôn-ngữ-học, Korzybski (1879-1950), người Hoa-Kỳ gốc Ba-lan, đã cố gắng đưa từ-nghĩa-học tổng-quát trở thành một triết-ý rộng rãi, một quan niệm mới về vũ-trụ và nhân-sinh.

Năm 1915, thời thế-chiến thứ nhất, khi quân-đội Đức hăm dọa Paris, quân-đoàn hai của Nga và Ba-lan được lệnh mở cuộc tấn-công lạc hướng tại Đông-Phổ. Bá-tước Korzybski, một kỹ-sư làm sĩ-quan tham-mưu, có nhiệm vụ nghiên-cứu địa-hình để chuẩn bị hành quân. Nhưng bản-đồ được dùng không ghi một cái hồ sâu mà tại đây Đức đặt sẵn đại-liên, và vì đó, cuộc tấn công đã thất bại thê thảm.

Sự việc ấy khởi đầu cho một suy nghĩ sâu rộng. Korzybski nhận thấy cùng với nhiều thức-giả rằng con người bước vào thế - kỷ 20 không còn thích ứng với một thế giới đã biến đổi và tiếp tục

biến đổi không ngừng. Với những phương-tiện sát hại mới mẻ, khác hẳn phạm-vi và khí-cụ tương-đối tầm-thường của các cuộc chém giết giữa một số ít quốc-gia trước kia (tuy sẽ thua xa thế-chiến thứ hai), chiến-tranh với sự tàn sát vô-nghĩa đám thường-dân vô tội, với sự sụp đổ các giá-trị tinh-thần, đã làm cho người hoài-nghi tiến-bộ khoa-học vì chính khoa-học đã cho phép lối diệt chủng và tái-diễn những cảnh vô cùng dã man. Nhân-loại tạo nên được nhiều phát-minh kỹ-thuật nhưng không đủ trí-khôn để xử dụng, chẳng khác trẻ con vó được diêm tìm được trò chơi đốt nhà, biết được súng vui sướng bắn bừa bãi những người chung quanh. Người không tiến-bộ kịp khoa-học, và sự khác biệt ấy là nguyên nhân thái-độ điên-cuồng và khuynh-hướng tự-diệt của phần đông. Khoa-học có đáng chê bỏ không ? Hay con người phải thay đổi để chế-ngự và hưởng-thụ công-trình của khoa-học ? Vấn-đề đã được bàn đến nhiều. Lỗi không phải tại khoa-học, lỗi chỉ ở nơi người. Korzybski chọn lựa sự thay đổi con người làm phương-thức, và tin-tưởng sự thay đổi này có

thể có, Korzybski tìm phương pháp giúp cho sự thay đổi thể hiện.

Điều thiết yếu là tìm hiểu nguồn gốc nguy-cơ đang diễn ra và hăm dọa sự sống còn của loài người. Sách đầu tiên của Korzybski, *Manhood of Humanity* (Tuổi trưởng-thành của nhân-loại) nói lên nỗi băn khoăn ấy. Là một kỹ-sư, không phải nhà siêu-hình, tác-giả không quan-tâm đến thể-tính của nhân-loại. Nhưng nhà vật-lý đã tiến-bộ khi không còn nghiên-cứu những thể-chất mà chỉ nghiên-cứu các hiện-tượng. Khoa-học về con người, muốn có kết-quả, cũng chỉ nên nghiên-cứu những tâm-cử, thái-độ, mọi hiểu-lộ. Phương-pháp ấy mới cho thấy những cơ-năng đặc biệt của người, nhất là điều mà Korzybski gọi là *time-binding* (kết nối của thời-gian). Khả-năng của loài người, của mỗi người là hưởng-thụ được kinh-nghiệm đã qua của mình và của giống loài, là ghi nhớ và sắp đặt sự hiểu-biết thành cơ-cấu. Tiến-bộ nhân-loại nhờ công-trình các thế-hệ trước.

Nhưng, cũng như sĩ-quan Korzybski phải dùng những bản-đồ do người khác đã lập nên, người đi sau phải dùng đến những kinh-nghiệm không còn thích-ứng với thật-tế đổi mới. Người lập bản-đồ một vùng đã đến tận nơi để ghi lại địa-hình. Ta thường quên rằng họa-đồ không phải là địa-hình, không phải là lãnh-thổ. Tuy nhiên, lẽ nào ta lại hủy bỏ tất cả những bản-đồ? Việc gì phải từ bỏ sự tích-trữ sở-biết mà thời-gian kết hợp đã cho phép có? Nhưng mỗi khi dùng bản-đồ, cần nhớ bản-đồ không biểu-thị tất cả chi-tiết, những đặc-điểm của địa-thể vì bao nhiêu yếu tố có thể biến-

đổi, cần tránh việc tin-tưởng mù quáng nơi bản-đồ để khỏi gặp sự bất ngờ tai hại.

Tử địa-đồ, Korzybski nghĩ đến ngôn-ngữ, như một hệ-thống mật-hiệu chung mà người dùng để chuyển thông sở-biết. Chính ngôn-ngữ dẫn ta đến chỗ sai lầm. Ai cũng khuyên bảo coi chừng lời nói, có kẻ khuyên từ bỏ lời nói. Nhưng làm sao hủy bỏ một công-trình quý giá đã có sẵn, việc gì phải oán trách danh-từ khi người không buộc phải tôn-thờ và tin-tưởng hoàn-toàn nơi danh-từ? Danh-từ chỉ là công cụ, hay hay dở tùy người sử dụng. Đáng oán trách là cách người dùng ngôn-ngữ và tổ-chức ngôn-ngữ. Đáng lo ngại là cơ-cấu của ngôn-ngữ và luận-tý của chúng ta.

Ta thường có nhurag xét đoán sai lầm, nông nổi, về người và về đời. Ta rất dễ tin nơi những lời khoác lác, sáo-ngữ, câu phù chú. Chẳng phải vì ta đặc-biệt ngu-xuẩn mà vì luận-lý, một thứ luận-lý nào đó, đã chế-ngự tư-tưởng ta và cấu-tạo ngôn-ngữ của ta. Korzybski tìm ra được con vật tế-thần, con tằm để đồ trăm dâu, nguyên-nhân của bao nhiêu ngộ-nhận, đó là thuyết của Aristote!

Từ trên hai mươi bốn thế-kỷ nay, tư-tưởng Âu-Tây dựa trên những nguyên-tắc mà nhà hiền-triết Hy-lạp đã vạch ra, nào nguyên-tắc đồng nhất cùng các hệ-luận, một vật không thể vừa là mình vừa tương-khác của mình, A là A không thể vừa A vừa phi-A. Đàn bà là đàn bà, đàn ông là đàn ông, và chẳng có gì mới dưới ánh mặt trời! Nhưng chắc hẳn ai cũng nhận thấy, trên mặt đất, trong đời sống của nhân-

loại, đã có nhiều điều mới lạ. Người đối phái, đàn bà hóa ra đàn ông, không phải là một huyền-thoại hay phi-lý hay trái với thiên-nhiên. Bên cạnh hình-học theo Euclide, đã có nhiều hình-học khác. Vật-lý thời Newton chỉ là một trường hợp riêng giữa nhiều trường-hợp khác đối với vật-lý-học hiện-đại. Phương-pháp quan-sát đã cho thấy đối-vật một cách khác, và đối-vật còn thay đổi tùy theo người quan-sát.

Tuy thế, trong ngôn-ngữ, chúng ta vẫn giữ một thứ lý-luận, Theo Korzybski, đã sống trong thời-đại không còn theo Euclide hay Newton, người ta, về nhận-thức và lập-luận, phải không theo Aristote nữa. Tuổi trưởng-thành của nhân-loại bắt đầu khi ta trở thành những người « phi-A ». Luận-lý-học phi-A đã được Korzybski phác họa nguyên-tắc trong một cuốn sách 806 trang, xuất-bản năm 1933 dưới nhan-đề *Science and Sanity. An Introduction to non-aristotelian systems and general semantics*. (Khoa-học và quân-bình. Hành-trình vào những hệ-thống phi-A và từ-nghĩa-học tổng-quát). Tác-giả đã mất mười năm để viết sách ấy, mục-lục sách tham-khảo gồm 619 cuốn, trong đó phần lớn là những công-trình quan-trọng về vật lý-học hiện-đại, sinh-lý-học, sinh-vật-học, thần-kinh-lý. Korzybski nói: « Aristote có tài-năng chỉ một mình ảnh-hưởng đến một số người đông nhất từ trước đến nay. Những thảm cảnh của chúng ta bắt đầu từ khi nhà sinh-vật-học « đồng-chỉ » Aristote thắng triết-gia toán-học « hàm-thị » Platon và ấn-định tất cả những đồng-nhất-hóa đầu tiên, tất cả tiên-liệu của hữu-thể

thành một hệ thống quan-trọng, mà chúng ta trải trên hơn hai ngàn năm nay không được phép xét lại mà chẳng bị đàn áp... Vì lẽ đó, tên Aristote được dùng cho các thuyết theo ông ta, những thuyết chỉ có hai mặt giá-trị mà thôi, và danh-từ phi-Aristote được đặt cho những thực-tại với nhiều mặt giá-trị của khoa-học hiện-đại ».

Ở Pháp, năm 1883 Michel Bréal dùng chữ *sémantique* với nghĩa « môn nghiên cứu nghĩa của chữ ». Một số nhà luận lý Ba-lan dùng danh-từ ấy với nghĩa rộng hơn: khoa-học về những ý-nghĩa tượng-trưng ». Đến 1962 Gabriel Véraldi, chịu ảnh-hưởng của Korzybski định nghĩa *sémantique générale* (từ-nghĩa-học tổng-quát) là một môn-học không theo Aristote, lý-thuyết và thực-hành, về những nghĩa-lý trong toàn-thể của chúng, về những phương-pháp và quá-trình tiến-hóa (*une science non aristotélicienne, théorique et appliquée, des significations dans leur ensemble, des méthodes et des processus*).

Nguyên-tắc chính-yếu của từ-nghĩa-học có vẻ đơn-giản. Địa-đồ không phải là lãnh-thổ. Korzybski còn nói: Từ thế-kỷ nay người ta vẫn nghĩ có thể ngồi trên danh-từ « ghế » được. Danh-từ không phải là sự vật. Điều đó hiển nhiên. Nhưng trong thật-tế, danh-từ gây rất nhiều tai-hại, sinh nhiều rắc rối. Lỗi my-dân bằng lời nói, chiến-tranh gọi là tâm-lý, quảng-cáo, tuyên-truyền, chứng tỏ giá-trị ma-thuật của ngôn-ngữ và cho thấy con người, dù thuộc hạng thông minh, cũng không

ngăn ngừa được khuynh-hướng xem danh-từ như những sự vật hay sự-kiện thật sự có..

Danh-từ cố định. Nhưng sự vật biến đổi. Tại sao lại phải dựa vào danh-từ một cách mù quáng để phải gặp những cập-lụy bất ngờ? Danh từ có vẻ giản-dị. Nhưng sự vật rất phức-tạp rong các đặc-điểm cấu-tạo nên chúng. Điều ta nói một vật không hẳn là vật ấy, chưa gồm hết các vật ấy. Chữ «ghế» không chỉ là một cái ghế, đó là một cơ-cấu vô cùng phức-tạp về hóa học, về nguyên-tử, về điện-tử. Như vậy, nghĩ về một vật, xem đó là một cái ghế, là giam cầm hệ-thống thần-kinh nơi điều mà Korzybski gọi là một định-danh. Toàn-thể những định-danh đã sinh bệnh tâm-thần, làm con người bệnh-hoạn. Miêu-tả một sự vật không bao giờ thấu triệt được tất cả đặc-điểm, đặc-tánh của sự-vật. Vậy nên dùng chữ vân vân, để mở cửa cho điều gì chưa nói đến hay không nói được. Korzybski khuyên coi chừng động từ: *là* (chữ mà trong tiếng Việt thường được lược đi). Đừng nói một người (là) buồn rầu, chỉ có thể nói người ấy có vẻ buồn rầu, có nét mặt buồn rầu. Đừng phân-tách điều gì không phân-tách được. Không-gian với thời-gian có gạch-nối liền. Một con người không phải là một sự liên-hợp máy móc và hình-thức giữa tâm-thần và thể-xác, người là một toàn-thể không ngót biến-đổi vì những yếu-tố của khung cảnh và ngày tháng.

Những nguyên-tắc của Korzybski có vẻ nông cạn cũng như luận-lý được dùng đến, Nhưng chúng ta vẫn không

áp dụng được dễ dàng vì tâm-trí chúng ta đã bị nhiễm độc vì một văn-hóa hai ngàn bốn trăm năm, mà đối với Korzybski, điều quan-trọng không phải là lý-thuyết mà là thực-hành. «Im đi, hãy làm điều anh định nói.»

Sau khi viết sách xong, Korzybski lo đào tạo những người phi-A. Năm 1938, một Viện Từ-nghĩa học được lập tại Lakeville (Connecticut, HK) và cho đến ngày tạ-thế năm 1950, Korzybski đã gia-công cải thiện phương-pháp truyền-bá luận-lý mới. Nhiều lớp từ-nghĩa được lập tại các viện đại-học Hoa-Kỳ, một số ít ở Âu-Châu, và đã có nhiều hội-nghị quốc-tế về từ-nghĩa-học tổng quát.

Tại một khóa huấn-luyện, một cán bộ điều khiển hỏi :

— Cái gì đây ?

Mọi người nhô nhô trả lời :

— Cây bút chì.

— Chắc không ?

— Chắc. Có vẻ như thế.

Cái được gọi là bút chì rơi xuống. Chỉ là một thanh sắt được rèn và sơn giống như bút chì. Những người tham dự, kỹ-sư, tâm-lý-học, y-sĩ, kỹ-nghệ-gia... vừa được kinh-nghiệm rất trẻ con nhận thấy danh-từ không phải là vật.

Tất cả bài tập đều có mục-dịch loại khỏi trí ta tập-quán định-danh, đồng-nhất-hóa, dùng danh-từ để nhận ra vật. Sau đó mới có thể xây dựng ngôn-ngữ mới.

Huấn-luyện-viên hỏi :

— Cái bàn này chắc không ?

— Đối với chúng tôi, có vẻ chắc.

— Là nghĩa gì? Bàn này có chắc không?

Nhiều lời bàn tán. Có ý kiến: Phải, nó chắc. Nó gồm những nguyên-tử.

— Nói vu vơ. Im đi và hãy rời cái bàn.

Cái bàn chúng ta rời mó không phải là bàn chúng ta gọi tên, và bàn này khác với cái bàn chúng ta làm đề-tài tranh-luận. Cứ một tầng trừu tượng, chúng ta đã xây dựng một vật khác, chúng ta nhớ vài đặc-điểm và quên một số đặc-điểm khác. Trước một sự vật có thật, gồm nhiều nguyên-tổ, nhiều đặc-tính, tri-giác của mỗi người nhận thấy một phần nhiều hay ít. Dùng danh-từ chỉ vì bất-chước-dùng, hay không có kinh nghiệm đầy đủ và đôi mới thì chỉ biết đến hay tưởng-tượng một số đặc-điểm nghèo hơn đều được tri-giác. Rồi những lý-luận về sự vật (còn nói gì về những danh-từ trừu-tượng) nối tiếp chừng nào, thì điều nói đến càng xa lẫn sự thật. Cơ-cấu vi-phân của ngôn-ngữ và luận lý cho thấy sự mong-manh của nội-dung các danh-từ chúng ta dùng đến.

Nói một cái bàn này chắc, là cho một câu trả lời vừa đúng vừa sai. Đúng đối với cái bàn chúng ta rời, sai đối với cái bàn là toàn-bộ quá-trình nguyên-tử. Một chữ là một nơi gặp gỡ rất nhiều ý-nghĩa, vì mỗi chữ có thể dùng trong vô số tương-quan. Khi áp dụng nguyên-tắc đồng nhất, chúng ta sẽ lập luận và phán-đoán như thể danh-từ rời mãi mãi có một ý-nghĩa mà thôi. Vì đó mới có sự bế-tắc về tri-thức, có

những vấn-đề đặt sai, những sự ngộ-nhận, và cũng vì đó, mới có vô số cải-chính, đính-chính, thanh-minh, giải-thích, sau một lời tuyên-bổ nào đã quá chú-trọng đến một danh-từ. (Điều đã thấy quá nhiều đẽ: chán ngấy trong đời sống chính-trị hiện-đại, không những tại các nước chậm tiến mà kể dốt nát vì thời cuộc phải học đòi làm chính-khách, là hạng đáng được tha thứ, mà còn tại các nước gọi là văn-minh tân-tiến, lời nói của hạng có trọng trách cần thận uốn lười nhiều lần trước khi nói, càng vẫn sinh ra sự đôi chối về chữ và nghĩa, không mấy tốt đẹp. Một thứ lời nói bấp bênh, có thể thay đổi nghĩa từ ngày này qua ngày sau, hay có nghĩa nghịch với nghĩa lúc đầu, thứ lời nói ấy chẳng có giá-trị gì nữa, chỉ khiến cho người ta, vì không thể gán cho sự dốt nát về ngôn-ngữ, phải nghĩ đến sự xảo-trá và manh-tâm của người tuyên-bổ).

Huấn-luyện về từ-nghĩa có cao-vọng giúp phá vỡ sự cứng rắn khô khan của trí-tuệ, đánh đổ lối tự kiêu tự mãn với một số ngữ-vựng mới học được hay tánh-cách ấu-trĩ của những phán-đoán hay mệnh-đề tưởng là cao siêu và nhất quyết trong khi chỉ là những xác chết của danh-từ được ghép lại một cách máy móc. Luận-lý phi-Aristote có khả-năng giải mê không khác phương-pháp của các thiền-sư. Mục-đích là xây dựng những trí óc cởi mở, không còn giam cầm trong khung-khổ chật hẹp và tai hại của thành-kiến, sáo-ngữ, của sự biếng nhác về suy nghĩ, của sự sợ hãi bệnh-hoạn trước những điều thật nhưng có vẻ mới lạ. Thế-giới trong kỷ-nguyên

mới, với những phát-minh kỳ-diệu của khoa-học và kỹ-thuật, đòi hỏi sự thay đổi tương xứng của trí óc con người. Lỗi suy nghĩ lạc-hậu chỉ có thể tồn tại trong những xã-hội lạc-hậu. Tiếc rằng trong thứ xã-hội ấy, tánh-cách lạc-hậu lại được xem như một giá-trị !

Ảnh-hưởng của Korzybski trong tư-tưởng-giới Hoa Kỳ khá sâu đậm, ít ra cũng trong một thời. Một tiểu-thuyết khoa-học dã-tưởng của A.E. van Vogt nói lên điều đó. Nhan-đề quyển truyện là « Thế-giới phi-A » (*The World of Null-A*, New York, Simon and Schuster, 1945). Năm của truyện là năm 2650. Địa-cầu là một không-tưởng. Những lãnh-tụ của địa-cầu được chọn lựa nhờ một cái máy toàn-năng. Dân địa-cầu nhờ một triết-lý khoa-học chặt chẽ, hình như được che chở mãi mãi khỏi sự xung đột và chiến-tranh. Nhân vật chính, Gilbert Gosseyn, đương đầu với một sự kiện vượt khỏi luận-lý mà anh ta đã tiếm-nhiệm. Đứng trước cái xác của chính mình đã được phóng đi, anh ta nhận thấy mình sống trong một thể xác in hệt mình, có một phần nửa hiểu biết, đủ để nuôi hy-vọng cứu thái-dương-hệ khỏi những lực-lượng bên ngoài thôn tính. Nhiều chương của truyện đặt lên đầu những câu của các nhà từ-nghĩa-học, nhiều nhất là của Korzybski.

● Lý-luận phi-Aristote có thể giải-thoát tư-tưởng và hành-động. Trước Korzybski, những nhà toán-học cũng đã từng không vâng lời Aristote để bày ra những ảo-số, những số transfini (quá số giới-nội) v.v... mà nhờ đó đã có nhiều tiến-bộ trong vật lý-học. Nhưng Korzybski, (được danh vọng lưng lẩy một

thời đến nay đã sa sút), cũng như biết bao nhà tư-tưởng, mắc cạm bẫy của giản-quy, muốn đem mảnh chân-lý mà mình nhận thấy làm thành một triết-lý phổ quát, một triết-lý của thời-đại, một phương-tiện đơn-giản để giải-quyết mọi vấn-đề. Tất nhiên chủ-thuyết không bao trùm tất cả mọi sự và tỏ rõ dần dần phần thiếu sót. So với một vài nhà từ-nghĩa-học khác, thì Korzybski còn là người ôn-hòa. Ví dụ Hayakawa (*Language in thoughts and action*, New York 1949) đảo ngược thuyết của Saussure (có dấu hiệu chuyên-chế và hệ-thống hình-thức), cho ngôn-ngữ trở thành một sự chuyên-chế thuần-túy và tánh-cách hệ thống đã chuyển qua sinh-lý thần-kinh. Ví dụ Chase (*The Tyranny of words*, New York 1952) cho rằng nhiều danh-từ trừu-tượng như các tiếng : tư-bản, tiền-bạc, tự-do, dân-chủ, chia rẽ con người và phủ nhận giá-trị thật-tế của chúng. Theo quan-điểm ấy, có thể đi đến kết luận rằng sở dĩ người ta ghen tuông chỉ vì có danh-từ ghen và người ta thương yêu nhau chỉ vì có danh-từ yêu. Korzybski chú-trọng đến ảnh-hưởng của ngôn-ngữ đối với thần-kinh-hệ và dùng phân-tâm-học như một phương-thuốc trị bá bệnh. Theo Korzybski, những sự gay cấn, xung đột, những bệnh thần-kinh hay bệnh xã-hội là do những sự ngộ-nhận và sai lầm về danh-từ. Từ-nghĩa-học tổng-quát không còn là thành-phần của ngôn-ngữ-học. Uy-quyền của danh-từ rất lạ lùng trên hai phương-diện, một mặt ngôn-ngữ liên-quan đến những điều kiện sinh phản-xạ, một mặt vì ngôn-ngữ thường được hiểu lầm, mà chính ngôn-ngữ dựng lên cảnh-vực hay môi-

trường cho người và cho xã-hội. Từ-nghĩa-học là môn-học về phản-ứng thần-kinh-ngôn-ngữ của cá-nhân hay nhóm, đối với môi-trường của mình. Korzybski cũng như nhiều nhà từ-nghĩa-học khác nhận thấy sự vong-thân vì ngôn-ngữ nhưng không móc nối với những hình-thức vong-thân khác như ý-thức-hệ, giai-cấp xã-hội, chế-độ thư-lại, v.v., mà chỉ đứng trên một điểm để tìm phương-thuốc áp-dụng cho tất cả. Đi từ những tiền-đề khả-dĩ chấp nhận được, họ đã đi đến những kết luận không nghiêm chỉnh nữa. Chỉ trích nguyên-tắc đồng nhất, người ta thường quên rằng một vật A có thể là phi-A nhưng *không cùng một lúc*. Dĩ nhiên,

một danh-từ không phải là một vật và người không thể ngồi trên danh-từ «ghế» được. Nhưng trong những danh từ — kể cả danh-từ chỉ những vật cụ thể nằm dưới sự kiểm-chứng của kinh-nghiệm giác-quan —, vẫn có một sự trừu-tượng. Người ta cũng hay quên rằng danh-từ hay ngữ-vựng không phải là tư-tưởng. Một chữ chỉ có nghĩa lý nhờ *nơi tương-quan* giữa chữ ấy với chữ khác trong câu. Đọc được *thiên trời, địa đất, cử c ất, tồn còn*, chẳng nó lên gì cả, trừ phi muốn nói: *Thiên trời, địa đất*, là những chữ bắt đầu cuốn *Tam Thiên Tật* chẳng hạn.

CUNG GIỮ NGUYỄN

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 93.741 — 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

QUÁI THAI

Người đàn bà có mang lỡ vấp té hay gặp chuyện đón đầu bất thường có thể sò thai. Nhưng thai bị mất còn vì nhiều duyên cớ khác ở phía trong cơ thể như ngẫu tật bên bà mẹ (chẳng hạn cổ tử cung quá lớn), thiếu kích thích-tổ, trứng không đóng dính vào tử cung, có khi vì những chứng bệnh như rubéole, herpes, có khi vì đã có sự thác loạn trong số lượng nhiễm-sắc-thể.

Duyên cớ sau đây chiếm gần tới 70% số thai bị sò trong khoảng sáu tuần đầu của cuộc hoài thai. Rủi thay người ta chưa biết được vì sao số lượng nhiễm-sắc-thể bị thác loạn như vậy và cũng chẳng biết làm sao để ngăn ngừa. Đáng tiếc mặt khác là tất cả các thai bất thường đều không bị dọa và một số con trẻ sinh ra không này nọ được điều hòa, về bên cơ thể cũng như về phía tinh thần. Ví dụ thường được thấy nhất là những con trẻ bị chứng mongolisme, nhưng chứng này chỉ là một trong những chứng mà người ta đã phát giác ra trong những năm gần đây.

Những chứng bệnh do hỗn loạn nhiễm-sắc-thể gây ra

Nếu nguyên do chứng mongolisme chỉ được tìm ra cách đây mười ba năm thôi, thì từ lâu người ta đã biết số lượng và cách sắp đặt các nhiễm-sắc-

thể của con người. Tế bào thường của sinh vật gồm có một số nhiễm-sắc-thể nhất định, ví dụ ruồi: 18, ếch: 28, châu chấu: 30, gà: 32, chuột: 42, cừu: 54, chó: 78, bầy: 20, hoa huệ: 24, lúa mì: 42, thuốc lá: 48,... Tế bào con người gồm có 46 nhiễm-sắc-thể, sắp thành 23 cặp. 23 cặp này có 23 chiếc từ tinh trùng và 23 chiếc ở tiểu noãn kết lại với nhau. Tế bào đầu tiên này được dùng làm mẫu để cơ thể chế tạo các tế bào khác cho con người mới.

Muốn cho giống nòi vẫn luôn được tồn tại, cuộc chế tạo các tế bào cần phải được hoàn toàn, minh bạch, không chút lầm lẫn, sai hư. Và như vậy từ lúc tế bào chia đôi để làm thành tinh trùng hay tiểu noãn, cho đến lúc thụ thai hai mảnh kết lại thành một và cả sau này lúc sanh sôi nảy nở thành ra nhiều tế bào khác để kết tạo nên con người. Thêm, bớt một nhiễm-sắc-thể hay trộn lẫn một nhiễm-sắc-thể này qua một cặp khác tất nhiên có cuộc hỗn loạn, sinh ra quái thai.

Vậy thì trong một tế bào bình thường, 46 nhiễm-sắc-thể sắp đặt thành 23 cặp được đánh số từ 1 đến 22 (các số này còn phân chia ABCDEF tùy theo hình-thức và tầm vóc các nhiễm-sắc-thể) còn cặp sau cùng thì được gọi là cặp tính phái (bên gái hai

chiếc giống nhau: XX, bên trai thì khác nhau: XY).

Thác loạn đầu tiên dễ thấy là mỗi «cặp» nhiễm-sắc-thể lại gồm có ba chiếc (nghĩa là tất cả có đến 69 nhiễm-sắc-thể) hay bốn chiếc (tất cả 92 nhiễm-sắc-thể). Người Âu thường gọi là triploidie và tetraploidie để phân biệt với diploidie là trường hợp thường. Những quái thai loại này không sống được lâu và người ta chỉ thấy ở các thai bị sỡ.

Thác loạn có thể chỉ nhắm vào một cặp nhiễm-sắc-thể mà thôi: hoặc «cặp» chỉ có một nhiễm-sắc-thể (monosomie) hoặc trong «cặp» có đến ba nhiễm-sắc-thể (trisomie). Thác loạn có tiếng nhất là «cặp» nhiễm-sắc-thể số 21 gồm có ba chiếc nên gọi là trisomie 21: đây là chứng mongolisme. Thường cứ sáu thai loại này thì đã có năm bị đọa. Còn có hai mẫu trisomie khác cũng thường gặp là trisomie 13 và 18 nhưng thai chỉ sống được vài tháng. Bên phía monosomie thì chứng đặc biệt được biết nhiều nhất là bệnh trung Turner: «cặp» tính phái chỉ có một nhiễm-sắc-thể mà thôi. Còn hơn chứng mongolisme, ở đây số thai bị sỡ rất lớn: cứ 40 thai bị hư thì người ta mới thấy được một con trẻ sinh ra, nhưng là một con trẻ gầy yếu, trí tuệ bạc nhược.

Đây là những thác loạn dựa lên số lượng nhiễm-sắc-thể. Còn có những chứng thuộc về hình thù các nhiễm-sắc-thể. Bệnh trung thường được thấy nhất là một nhiễm-sắc-thể rời cặp mình và di chuyển qua một cặp khác. Ví dụ ở bệnh trung 21 VD, một mẫu

nhiễm-sắc-thể số 21 dính vào một nhiễm-sắc-thể của nhóm D. Lắm khi đây là duyên cớ cho chứng mongolisme sau này: người có 21 VD chẳng bị thác loạn nhưng con cái rất dễ mắc phải trisomie 21.

Cuộc khảo-cứu hỗn-loạn nhiễm sắc-thể đang tiến hành

Hiện nay người ta đang khảo cứu về những liên quan giữa sự hỗn loạn nhiễm-sắc-thể và các vụ sỡ thai. Người ta nhận thấy phần lớn khi thai bị thác loạn thì hư rất sớm và rất ít sống cho đến mãn kỳ. Có nhiều thai bị hư ngay sau khi thụ nhưng những trường hợp này rất khó khảo sát vì chính ngay bà mẹ cũng chẳng biết và tưởng là một kỳ kinh-nguyệt thường. Người ta lại dễ ý thấy khi thai bị hư thì lắm lúc không bị thầy ra ngoài ngay mà còn được tử cung giữ lại nuôi nấng thêm ít lâu: thường thai bị hư vào khoảng ba bốn tuần mà trung bình thai chỉ bị sỡ sau mười một tuần. Ngoài ra, liên quan giữa cuộc thác loạn và thời gian này nở cũng được xác-định: ở các chứng trisomie, tetraploidie, thai không sống quá ba tuần; ở nhiều chứng khác thì thai tồn tại được lâu dài hơn.

Dù sao thai bị thác loạn thì thể nào cũng nảy nở chậm chạp: như tuồng một giếu-tổ bị thiếu nên cuộc chế tạo tế-bào bị dừng đứng. Mà người ta lại biết thường giếu-tổ được cấu nên ở một thời gian nhất định để dùng vào một công tác chính xác cho nên thai bị phá cũng xảy vào một lúc cố định.

Khảo sát khoảng ban đầu cuộc hoài thai cho đến lúc sò thai, người ta có đưa ra được nhiều nhận xét của một cuộc hư thai vì thác loạn nhiễm-sắc-thể. Trước tiên là những vụ băng huyết bên trong, không đều nhưng rất sớm, giữa ba và tám tuần. Đồng thời số kích-thích-tổ cũng sụt xuống vào khoảng mười tuần. Thường hể số kích-thích-tổ tiểu-noãn sụt xuống thì thai-bàn lại thay thế cho sản-xuất kích thích-tổ của mình, nhưng khi thai bị thác loạn thì cuộc thay thế này không diễn ra, trừ trường-hợp thai không bị sò và sống cho đến mãn kỳ thì thai-bàn mới chịu tiết ra, tuy có phần chậm nhưng dần dần cũng đủ cho thai.

Các nhà khảo-cứu hiện đang muốn tìm biết cuộc thác loạn nhiễm-sắc-thể là một chuyện tình cờ hay là có những nguyên do xác định. Nhiều bản câu hỏi cận kề dùng để làm thống-kê đã được phát cho những bà đã bị sò thai hay có con trì độn. Người ta đã xin biết những chứng bệnh di truyền trong gia-đình, những định kỳ nguyệt kinh, ngày tháng trứng rụng cũng như ngày tháng giao-cấu hay những phương pháp ngừa thai thường dùng.

Người ta thường bảo chẳng hạn đàn bà lớn tuổi dễ có con bất thường. Thật ra, tuổi tác chỉ thấy có ảnh hưởng lên các chứng trisomie E hay G tức là chứng mongolisme mà thôi. Tuổi trung bình đàn bà hay có con loại này là 35. Còn trong các trường hợp khác, tuổi bà mẹ như tưởng không dính dấp gì đến cuộc thác loạn.

Người ta thường tin những thuốc uống ngừa thai cũng có ảnh hưởng lên thai sẽ cấu tạo sau này. Không, những thuốc viên pilule không đưa lại quái thai, có điều kinh nguyệt sẽ mất điều hòa và từ đây có thể gián tiếp có ảnh hưởng lên thai.

Có nên hay không phá thai khi thai bị hỗn loạn ?

Nếu kinh nguyệt thất thường là chuyện không tốt, định kỳ kinh nguyệt kéo dài tất nhiên dừng chậm thời kỳ phi-noãn cũng có thể đem lại kết quả không hay. Thật vậy, vai trò của những tế-bào sinh - dục già nua đã được chứng minh. Nhiều cuộc thác loạn đã xảy ra vì thời-gian giữa cuộc thụ thai và cuộc phi-noãn quá dài; hoặc cuộc thụ thai diễn ra quá lâu sau khi trứng rụng nên tiểu-noãn quá già, hoặc cuộc giao-cấu diễn ra quá trước khi trứng rụng nên đến lượt tinh trùng lại quá già. Thí nghiệm với thỏ, cho tinh trùng đợi lâu trước khi thụ thai, người ta đã phát giác chứng triploidie.

Chắc ai cũng muốn biết cuộc hỗn loạn nhiễm-sắc-thể có tính chất gia truyền không. Đến nay người ta có nhận thấy vài trường hợp nhưng rất hiếm. Đây là trường hợp có nhiễm-sắc-thể di chuyển qua cặp khác: họ chẳng bị gì nhưng con cái có thể thành bất thường.

Nói chung tạo hóa luôn luôn duy trì di sản truyền thống của con người, hể có tí vết ở thai thì kiếm cách hủy bỏ, loại thải ra ngoài; chỉ có ở những cuộc hỗn loạn ít ỏi mới cho sinh ra con trẻ trì độn. Vì vậy cho nên ở nhiều bệnh viện hiện nay các bác sĩ cũng

không kiểm cách cầm giữ cho được thai nếu những triệu chứng đã chứng minh một cuộc hỗn loạn nhiễm-sắc-thể.

Ở bên Hoa-Kỳ, người ta vừa mới đưa ra một kỹ-thuật để xem thai có bị hỗn loạn không. Khoảng mười hai-mười bốn tuần sau khi thai thụ, người ta lấy từ tử cung ra một chút chất lỏng đã chứa đựng những tế bào từ thai thảy ra. Từ đấy người ta đem trồng và khảo sát các nhiễm-sắc-thể. Như vậy nếu có hoài nghi trước thì hoặc bà mẹ được yên tâm hoặc bà ta biết chắc chắn thai bị thác loạn và cần quyết định gấp. Phương pháp này còn được dùng để tìm biết những chứng bệnh khác của phôi thai và tính phái sau này của đứa trẻ. Tuy

nhien cũng nên biết kỹ thuật này vừa đặt tiền vừa nguy hiểm. Có lẽ chỉ nên dùng vào những trường hợp đặc biệt cần thiết, ví dụ những bà mẹ đã b sô thai nhiều lần hay đã từng có con bị chứng mongolisme.

Nhưng vấn đề còn quan trọng hơn là nếu biết được thai bị hỗn loạn thì bà mẹ có quyền làm sô thai không? Ở nhiều nước pháp luật cấm những cuộc trụy thai cố ý này. Vẫn biết sinh mạng là quý nhưng có con tật nguyên liệu có là một nguồn vui cho cha mẹ không? Đây là một vấn đề lương tâm không những cho những thầy thuốc mà còn cho những nhà làm pháp luật.

VÕ-QUANG-YẾN

Tài liệu : Catherine Laurent

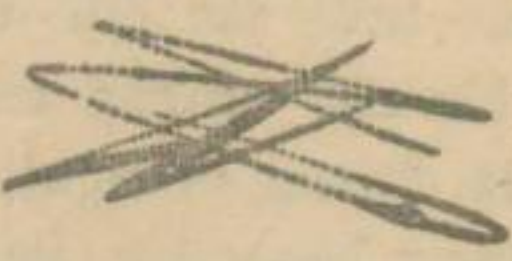
Rượu bổ
QUINQUINA



Quina 'Q'
CỎ ACIDE GLUTAMIQUE

*khai vị,
ăn thêm ngon.*

BỔ OC
bồi dưỡng
cơ thể





BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN 2071.8YV

« Từ một Thánh gia này, đến một Thánh gia khác » của RAYMOND ARON

Raymond Aron sinh năm 1905, viết thường xuyên cho tờ Figaro và phụ trách những giảng khóa về xã-hội học ở Sorbonne. Ông đã xuất bản nhiều sách về Triết-lý chính-trị, kinh-tế, có lập-trường chống đối những tri-thức khuynh tả Pháp, đặc biệt chống Sartre, M. Ponty, những người cùng tuổi, cùng trường và đã có lúc đã cùng một lập-trường (hồi 1945). Trong cuốn sách giới thiệu dưới đây R. Aron phê phán thái độ của Sartre với mác-xít và nhất là thái độ của Althusser một người mác-xít hiện đang được nói tới nhiều ở Pháp vì muốn dùng thuyết cơ-cấu để giải-thích lại chủ-nghĩa Mác.

Với giọng văn chỉ-trích nặng nề đôi khi đượm màu sắc chính-trị hơn là khảo-cứu và tranh-luận, với nhan-đề mỉa mai ngoài bìa, Aron đã dành cuốn sách trên để phê-bình lối nhìn của Sartre và của Althusser về chủ-nghĩa Mác-xít. Raymond Aron dùng lại một từ-ngữ mà Mác đã dùng để chỉ-trích các triết-gia theo tả phái Hegel : chỉ biết chỉ-trích suông mà không biết nhìn vào thực-tại, tìm hiểu thực tại. Sartre và Althusser cho rằng mình là người đã đem lại sinh-lực cho chủ-nghĩa Mác-xít, Raymond Aron mỉa mai, đó chỉ là những chủ-nghĩa mác-xít tưởng-tượng, lý-thuyết chẳng khác gì phái Thánh-gia mà Mác phê-bình trước kia.

(*) « D'une Sainte famille à l'autre » Essais sur les marxismes imaginaires của Raymond Aron. Nhà xuất bản Gallimard 1969.

1) Nói chung, Aron muốn gì ?

Raymond Aron trách Sartre (trong Critique de la Raison dialectique) và Althusser (trong Pour Marx và Lire le Capital) là đã lấy lý-luận thay cho phân-tích, phê-phán thực-tế khi nói về chủ-nghĩa Mác-xít : Do đó cả Sartre lẫn Althusser, dù vẫn tưởng mình tiến-bộ, hiểu được tinh-túy của chủ-nghĩa Mác-xít, thật ra chỉ xây dựng những chủ-nghĩa tưởng tượng. Sartre đã nhìn chủ-nghĩa mác-xít qua chủ-nghĩa hiện sinh, còn Althusser, qua thuyết cơ-cấu, đã chẳng đem lại điều gì đúng đắn, độc-đáo và quan-trọng » (R. Aron, sđd, tr. 8.)

Dự-định viết của Sartre và của Althusser rất hạn hẹp, họ không muốn gửi tới những đám đông, hay muốn tuyên chọn chiến-sĩ cho chủ-nghĩa họ

bàn luận về những vấn-đề chỉ một thiểu số lãnh-hội được. Những vấn-đề của thiểu-số, cho thiểu-số và vì thiểu-số.

Sartre và Althusser ít hiểu biết về kinh-tế, không chú ý đến những vấn-đề thường ngày như thị-trường, giá-cả, kế-hoạch, họ chỉ là những triết-gia, những giáo-sư triết-học, tìm hiểu các vấn-đề lý-thuyết. Theo đúng tinh-thần mác-xít, người ta phải phê phán đi từ thực tại không phải lý-luận suông một cách lý thuyết, trừu-tượng. Sartre và Althusser đều chỉ lý-luận một cách triết-học, xa rời thực-tại, do đó, họ chỉ xây-dựng được những chủ-nghĩa mác-xít tưởng tượng.

2) Raymond Aron phê bình Sartre

Theo Raymond Aron, Sartre đã mượn những khái-niệm của chủ-nghĩa mác-xít để xây-dựng một lý-thuyết, nhưng lý-thuyết này không phải mác-xít cũng không căn cứ trên thực-tại đúng như tinh-thần của Mác. Lý-thuyết này không có tính-cách xã-hội-học, kinh-tế-học hay khoa-học, Nó chỉ là một lý-thuyết triết-học.

a) Sartre muốn làm sống lại chủ-nghĩa mác-xít nhưng thực ra đã chỉ nhìn chủ-nghĩa đó qua chủ-nghĩa hiện-sinh. Trong cuốn *Critique de la Raison dialectique*, Sartre đã đặt ưu tiên cho chủ-nghĩa hiện-sinh của mình, đã để chủ-nghĩa hiện-sinh lấn-át, làm lu mờ chủ-nghĩa mác-xít (tr. 8).

Sartre đã sai lầm khi muốn nhìn Bộ-Tư-bản-luận của Mác qua lăng-kính triết-học, Mác có dự định phân-tích

một cách khoa-học guồng máy tư-bản. Việc làm của Sartre đã phủ-nhận ý hướng của Mác. Aron viết :

«Bộ Tư-bản nhằm phê-phán nền kinh-tế trưởng-giã, Mác cũng muốn chứng-minh điều-kiện vong thân của con người trong guồng máy tư-bản. Nhưng trước hết và nhất là Mác muốn tìm hiểu một cách khoa-học, sự điều-hành của chủ-nghĩa tư-bản cũng như muốn tiên-đoán những bước tiến-hóa không thể tránh được. Khám phá ở Bộ Tư-bản-luận, trước hết một phân-tích hiện-sinh có thể bảo-toàn điều quý nhất đối với chúng ta hiện nay nhưng chắc chắn đó là phủ-nhận chính ý hướng của Mác (tr. 42).

Mác đã viết cuốn Tư-bản với tư-cách một nhà kinh-tế-học, xã-hội-học và sử-học, ông cũng đã viết cuốn đó trong một tinh-thần phân-tích thật khoa-học. Do đó, theo Raymond Aron, Mác sẽ không thể chấp nhận được khi người ta đem những công-trình phân-tích có tính khoa-học đó ném trả lại phạm-vi triết-học.

b) Mặc khác, Sartre ít hiểu biết về kinh-tế-học. Sartre là giáo-sư triết nên ít chú ý đến những vấn-đề kinh-tế, đúng ra ông coi thường vấn-đề này. Do đó, khi Sartre nói về kinh-tế, lập luận của ông dễ bị các nhà kinh-tế coi là thiếu sót hay sai lầm (Đây cũng là nhược điểm của Althusser, ông này cũng đã nhắc đến những khái-niệm kinh-tế không được cả phe Cộng-sản lẫn Tư-bản nhìn nhận, tr, 216).

Vài thí dụ về Sartre và vấn đề kinh tế :

Khi nói về chủ-nghĩa mác-xít và căn-

lao, Sartre viết trong *Critique de la Raison dialectique* :

« Khám phá căn-bản của chủ-nghĩa mác-xít, đó là coi lao-động, xét như một thực-tại lịch-sử và như sự sử dụng dụng-cụ nhất-định trong một hoàn-cảnh xã-hội và vật-chất nhất-định, chính là nền tảng thực-sự của tổ-chức các quan-hệ xã-hội » (trích lại theo Aron, tr. 32).

Theo Raymond Aron, cho rằng khám phá độc đáo của chủ-nghĩa mác-xít là coi lao-động như « nền-tảng thực-sự của tổ-chức các quan-hệ xã-hội » thật ra không độc đáo gì. Nói như vậy còn có tính hạn-hồ, ai cũng có thể nói được, không hẳn phải là một người mác-xít mới khám phá ra điều đó.

Bàn về chủ nghĩa duy vật, Sartre viết :

« Chúng tôi chấp nhận hoàn toàn công-thức của Bộ Tư-bản-luận trong đó Mác định nghĩa chủ nghĩa duy-vật của mình : Cách thể sản-xuất trong đời sống vật-chất chế-ngự nói chung lên sự phát triển của đời sống xã-hội chính-trị và tinh-thần ».

Raymond Aron cho rằng hai chữ chế-ngự và nói chung không thể có được trong một định-nghĩa chính xác, Hai chữ đó làm mất giá trị của định nghĩa.

Thế nhưng Sartre, vì ít chú ý đến những vấn-đề kinh tế nên đã không ngần ngại chấp nhận hoàn toàn chân-lý nêu lên trong Bộ Tư-bản-luận. Về điểm này, Raymond Aron đã nói một cách mỉa mai :

« Tại Pháp, từ sau 1945, những

trí-thức muốn là xã-hội cấp-tiến hay cộng-sản đã đi ngược lại con đường của Mác. Mác đi từ một thứ hiện-sinh chủ-nghĩa theo lối Hegel để tiến tới một lý thuyết xã-hội, kinh-tế ; những người trí-thức kia đã đi ngược lại từ xã-hội kinh-tế trở về chủ-nghĩa hiện-sinh. Chỉ vì họ dốt về kinh-tế-học » (tr 43).

c) Về khái niệm tri hành (praxis) :

Quan niệm của Sartre cũng không chấp nhận được. Theo Sartre, praxis chỉ hành động của từng cá nhân. Praxis cá-nhân chính là ý-thức, là dự-phóng, nhớ lại quá khứ và phóng về tương lai. Lịch-sử có tính biện-chứng và có thể hiểu được trọn vẹn nếu hòa làm một với lịch-sử một người. Hiểu được vì nó do hành động của con người làm ra, mỗi hành động có thể hiểu được xét như một praxis cá-nhân.

Theo triết-học Sartre, con người không nhìn nhận nhau. Cái nhìn của người khác là hỏa-ngục đối với ta và ngược lại.

Trong cuộc sống bình thường hàng ngày, con người sống trong tình trạng thực tế, sống trong cơ-chế máy móc của xã-hội và không thể tự do nếu không tiêu diệt tự-do của kẻ khác. Sống thành đám, thành bầy nhưng vẫn cảm thấy cô đơn, xa lạ với người khác chẳng khác gì những hành khách xếp hàng chờ xe buýt tại Saint-Germain-des-Prés. Họ giống nhau vì thiếu chỗ ngồi. Sự khan-hiếm khiến họ trở thành kẻ thù, hỏa ngục của nhau.

Khái niệm dãy, chuỗi, xếp hàng (série) diễn tả tình-trạng lệ-thuộc vào cơ-chế xã-hội, tình trạng thực tế ù lý của những tri-hành cá-nhân.

Vậy làm sao tri-hành (praxis) cá-nhân biến thành tri-hành tập-thể để có tri-hành cách-mạng (praxis révolutionnaire)?

Nhờ một công cuộc chung mà các tri-hành cá-nhân từ bỏ tình trạng cô đơn, tranh-giành, lệ thuộc lẫn nhau cũng như lệ-thuộc cơ-chế xã-hội... để có một hành động tập thể. Công cuộc chung đây là một dự phóng chung (projet collectif), một mục-đích chung. Những người xếp hàng làm đuôi tại bến xe là tập thể xếp hàng, tập thể chuỗi (collectifs sériels), còn những người cùng nổi dậy chiếm ngục Bastille là quần chúng (groupes). Trong cả hai trường-hợp, người ta biết nhường nhau hoặc cùng nhau đạt tới một mục-đích nào. Từ tri-hành cá-nhân ta đi đến tri-hành tập-thể.

Về điểm này, Raymond Aron nhận xét :

«Cái biện-chứng giữa chuỗi (série) và quần chúng (groupe) giữa thực tế ù lý (practice inerte) và thực-tiến cách-mạng (praxis révolutionnaire) dĩ nhiên là của Sartre chứ không phải là của Mác» (tr. 56),

d) Sau hết, Raymond Aron cho rằng việc làm của Sartre không có-tính cách Mác-xít như ông tưởng. Nếu muốn giải-nghĩa một cách tinh vi tế nhị chủ-nghĩa Mác-xít léninít thì cuốn Critique de la Raison dialectique chỉ nối tiếp cuốn Humanisme et Terreur và cuốn Les Communistes et la Paix mà thôi.

Điều này có lợi cho chính - trị hơn là cho chủ-nghĩa Mác-xít. Nếu muốn làm mới tư-tưởng Mác-xít tại Âu châu, nên phân-tích chính xã-hội này ở thế kỷ XX như Mác đã phân tích xã-hội hồi thế-kỷ XIX chứ không nên lý-luận xuông, trừu tượng, mà lại nhân danh tinh-thần Mác-xít. Aron viết :

« Người ta không thể làm mới chủ-nghĩa Mác-xít bằng cách đi từ Bộ Tư-bản-luận đến Thủ-bản « kinh-tế triết-lý », hay muốn một sự dung-hòa không thể có được giữa Kierkegaard và Mác. Tóm lại, thay vì tuyên-bố trung thành với Bộ Tư-bản-luận của thế-kỷ XIX, tốt hơn nên viết Tư-bản-luận của thế kỷ XX (Sđd trang 64)

3) Althusser dưới mắt Raymond Aron :

Raymond Aron đã so sánh nhà Mác-xít trẻ tuổi Althusser với Jean Paul Sartre và mỉa mai cả hai đều lý thuyết suông, đều triết-lý thay vì phê-phán khảo-cứu từ thực tại. Ông nói : «Con, cũng như cha, chỉ muốn tư tưởng lại một cách triết-lý chủ-nghĩa duy-vật lịch-sử » (t. 87). Tuy ở nhập-đề, Aron có nói ông chỉ nghiên - cứu Althusser vì tò mò nhưng thực ra ông đã dành hơn 200 trang để chỉ-trích Althusser với giọng văn gay gắt, khinh người và trịch thượng.

a) Những điểm giống nhau giữa Sartre và Althusser :

Althusser có nhiều điểm khác Sartre, nhưng Althusser đã mượn ở Sartre « lối hành văn, tham vọng và sự ngu dốt » (tr 72).

Trước hết, cả Sartre lẫn Althusser đều không hiểu biết gì về kinh tế, về thị-trường giá cả. Căn-cứ trên những tác-phẩm đã viết, cả Sartre lẫn Althusser đều không hiểu biết về kinh-tế và không chú ý gì đến vấn-đề kế-hoạch và thị trường" (tr 73).

Ở một đoạn khác, ông viết:

"Althusser cũng không hiểu gì hơn Sartre về Bộ Tư-bản-luận, về kinh-tế tư-bản hay kinh-tế Nga-sô" (tr 75).

Mặt khác, cả hai đều không muốn theo con đường của các nhà mác-xít trung-thành với chủ-nghĩa mác-xít là phân-tích, phê-phán từ thực-tại nhưng lại chỉ muốn tiếp nối những phân-tích phê-phán Bộ Tư-bản cho đến ngày nay.

Sau hết cả hai đều không xét tương quan giữa những gì Mác đã viết với thực tại hiện nay, nhưng lại đặt những câu hỏi mà trước kia Hegel gọi là tiểu-tư-sản như làm sao chủ-nghĩa mác-xít có thể có được? Làm sao có thể trở thành mác-xít? Làm sao có thể không là mác-xít? (tr. 73).

b) Sự khác biệt giữa Sartre và Althusser:

Trước hết về quan-điểm. Sartre theo quan-điểm liên-tục, chủ-trương tác-phẩm thời trẻ là quan trọng và Bộ Tư-bản luận phải được tìm hiểu bằng cách trở lại khung cảnh những năm 1844 khi Mác viết bản kinh-tế triết-lý. Althusser trái lại, theo quan-điểm gián-đoạn, cho rằng tác-phẩm trưởng-thành mới quan-trọng. Bộ Tư-bản-luận có tính khoa-học, tự nó có giá-trị không cần trở lại những dự-phóng nền tảng lúc đầu.

Sau nữa là khác biệt về các chủ-đề và ngôn-ngữ. Chủ-nghĩa mác-xít-hiện-tượng-luận-hiện-sinh của Sartre nhắc tới những thực tiễn, vong thân, nhân-bản chủ-nghĩa, lịch-sử, lịch-sử-tính... Chủ-nghĩa mác-xít cơ-cấu của Althusser từ chối nhân-bản chủ-nghĩa, lịch-sử-tính, (praxis) cũng tạm thời không được nói tới...chỉ có những cơ-cấu là quan-trọng.

Sự khác biệt thứ ba liên quan đến thái-độ sống. Sartre cũng như Merleau Ponty chưa khi nào gia-nhập đảng C.S. Họ bàn về chính-trị vì bị những biến-cổ sống động hàng ngày thúc đẩy chứ không phải với tư cách một đảng-viên. Althusser trái lại, đã và đang là đảng viên Cộng-sản. Althusser, và những người thuộc Trường-phái của ông, suy nghĩ lại, đọc lại chủ-nghĩa mác-xít leninít, nhưng vẫn ở trong đảng. Sartre không đứng trước hoặc chống lại đảng C.S. nhưng ông cũng không hẳn đứng tách biệt ra ngoài, ông đứng gần đảng, cạnh đảng. Đứng gần, đứng cạnh để tranh đấu và tư-tưởng nhưng không chịu đứng trong như Althusser.

c) Mác trưởng thành hay Mác tuổi trẻ?

Trước vấn-đề Mác nào mới thực sự là mác-xít, Mác thời trẻ hay Mác trưởng thành? Aron cho rằng không phải là Mác trẻ tuổi cũng không hẳn Mác trưởng thành. Jean Hyppolite Fessard, Sartre... muốn đề cao tác-phẩm Mác thời trẻ, Althusser nhấn mạnh đến tác-phẩm trưởng thành sau 1845. Với Aron, chủ trương giải-nghĩa tác-phẩm trưởng thành bằng cách đặt trở lại dự-phóng nền tảng lúc trẻ tuổi, vừa đúng

vừa sai. Đúng vì cơ cấu tư - tưởng lý-luận của Mác từ đầu đến cuối đều xoay quanh vấn-đề vong thân, vấn đề đặt thân... Sai vì dự-phóng trên có tính cách triết-học trong khi tham vọng của Mác là đạt đến sự phân-tích thật khoa-học. Chính tham vọng khoa học này đã khiến Mác bỏ 30 năm trời để viết Bộ Tư-bản (tr 49). Tóm lại, theo một nghĩa nào đó có sự liên-tục và Mác trẻ tuổi là mác xít, nhưng theo một nghĩa khác thì có sự gián-đoạn và Mác trưởng thành mới là mác-xít.

d) Mác và Hegel

Có quan-niệm cho rằng Mác nối tiếp chịu ảnh hưởng của Hegel, Gurvitch và Althusser chủ-trương ngược lại. Mác gần gũi Kant và Fichte hơn là Hegel.

Raymond Aron cho rằng thực ra Mác gần gũi Hegel hơn là Kant và Fichte; Mác đã xây dựng học-thuyết của mình bằng cách chống lại từng điểm một học-thuyết duy-tâm, trừu-tượng của Hegel.

Các triết-gia chỉ giải nghĩa vũ trụ, bây giờ phải biến đổi nó. Các triết-gia chỉ biến đổi bằng tư tưởng, lý-thuyết, bây giờ phải biến đổi bằng thực-tiến cách-mạng.

Tương-quan giữa Mác trẻ tuổi và Mác trưởng-thành, thực ra chỉ là tương quan giữa những bài phê-phán triết-học, tôn-giáo của Mác hồi 1843 và sự phê-phán kinh-tế-học trong bộ Tư-bản-luận. Có sự đoạn-tuyệt thực sự, tuyệt đối, toàn diện vào năm 1845, như Althusser chủ-trương không?

e. Raymond nghi ngờ sự đoạn-tuyệt tuyệt đối, toàn diện đó. Ông cho thấy

cách đặt vấn-đề trước 1845 và sau đó vẫn có sự liên tục, giống nhau.

Trong Thủ-bản kinh-tế triết học, Mác cho rằng chủ-thể (thợ) đánh mất yếu-tính trong đối-tượng. Đối-tượng làm tư bản lớn mạnh dần và trở thành chủ-thể đồng thời biến thợ thành đối-tượng. Trong Tư-bản-luận cũng có lập-luận tương-tự: Thợ là nguồn gốc của sản-xuất và tương-quan sản-xuất nhưng bị giản-lược thành đồ vật, nâng đỡ tương quan sản-xuất trên. (tr 228)

e) Khoa-học hay không khoa-học?

Althusser muốn đem lại tính cách khoa-học cho chủ-nghĩa mác-xít cũng như cho chính học-thuyết mác-xít cơ-cấu của mình nhưng ông có đạt được dự định đó không?

Theo Aron, Althusser đã dùng nhiều khái-niệm có tính cách triết-học hơn là khoa-học hay đúng hơn ông tưởng là khoa-học, kinh-tế-học những gì các nhà kinh tế hiện đại chỉ coi là lý-thuyết triết-học mà thôi. Tại sao? Một phần vì kém về kinh-tế-học, phần khác vì muốn đem lại tính cách khoa-học cho chủ-nghĩa mác-xít để áp dụng nó vào quan-niệm cơ-cấu đang thịnh-hành tại Pháp (tr. 235).

Những khái-niệm như cơ-cấu, thặng-dư giá-trị... của Althusser cũng ít có giá-trị khoa-học nhưng lại được Althusser dùng như những khái-niệm toàn năng, mới mẻ. Mác-xít chủ-nghĩa của Althusser là một thứ mác-xít tưởng tượng.

« Luận-cứ của Althusser về sự đoạn-tuyệt trí-thức (nơi Mác) được xây

trên tính cách khoa-học của khái niệm thặng-dư giá-trị, nói khác, trên tính cách khoa-học của cái mà kinh-tế-gia hiện nay coi là triết-học (hoặc siêu-hình-học)» (tr 264).

oOo

Tóm lại, theo Aron. Althusser đã muốn coi chủ-nghĩa Mác như một khoa-học và chỉ những tác phẩm thời trưởng-thành phản-ảnh tính chất khoa-học đó. Nhưng thực ra Althusser phản bội Mác.

Thay vì đọc Mác như một nhà kinh-tế-học, xã-hội-học, Althusser đã đọc như 1 nhà triết học, 1 nhà thần-học. Đáng lẽ phải làm những điều-tra về thực-tế xã-hội kinh-tế theo tinh thần của Mác, Althusser lại chỉ muốn giải-thích Mác bằng cách căn-cứ vào những câu của Mác đã được lựa chọn phù hợp với những gì Althusser muốn nói, y hết phương-pháp giải-thích của các nhà thần-học (s.đ.d. trang 85).

Ngoài ra, theo Aron, Mác cũng chẳng

để ý đến những phân biệt kinh-tế-học, xã-hội-học và triết-học trong những cuốn viết vào thời trưởng-thành như «Nền tảng phê-bình kinh-tế chính-trị» và bộ «Tư-bản», Mác vẫn nhắc lại hai đề-tài ông đã phê-phán nhiều trong thời-kỳ trẻ tuổi : đề-tài về vong-thân và ý-thức sai lầm.

Vấn-đề chính đối với Mác không phải là phân-biệt nhân-bản với khoa-học, nhưng là «thiết-lập một tương-quan giữa người với người thay thế cho tương-quan giữa sự vật với sự vật» (sđd. trang 223).

Do đó, sự từ chối nhân-bản và lịch-sử của Althusser chỉ là một nỗ-lực thích nghi chủ-nghĩa Mác với thuyết cơ-cấu đang được nói đến như một thời-trang của trí-thức Paris mà thôi.

NGUYỄN VĂN TRUNG

Trích trong : «*Tinh túy của chủ-nghĩa Mác*» sắp xuất bản

ĐÍNH CHÍNH

Trong bài *Một tiếng nói của châu Á* Bách Khoa số 331 ngày 15-10-70, trang 36, cột 2, hàng 11 đếm từ dưới lên, xin đổi :

Phòng Á châu ở Liên Hiệp Quốc ra :

Phòng Liên Hiệp Quốc tại Á châu, Đoạn sau cũng vậy.

NGUYỄN HIỂN LÊ

PHÁT HÀNH THÁNG 12

VÒNG ĐAI XANH

tiểu-thuyết NGÔ THẾ VINH

Bìa Nghiêu Đề — Thái Độ xuất bản



GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

trên bán nguyệt san BÁCH-KHOA

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	3800đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	2000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2800đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1400đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	700đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty quản-lý tạp-chí Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

Thế-giới Ả-rập sau Nasser

Ngày 28-9-1970, Tổng Thống Nasser, người hùng xứ Ai-cập không còn nữa. Ông đã nửa đường dứt gánh để lại cho những người kế nghiệp ông một di sản nặng nề. Thật vậy, ông chết đi trong niềm thương nhớ của cả trăm triệu người Ả-rập, sự nghiệp dở dang, giữa tuổi 52 là tuổi mà nhiều chính-trị-gia mới bắt đầu sự nghiệp. Tuy vậy, 18 năm cuộc đời của ông cũng đã làm nổi cơ đồ, biến nước Ai-cập, từ một thuộc-địa yếu kém thành một quốc gia lãnh đạo khối Ả-rập, uy tín lẫy lừng trên thế giới.

Ông chết đi đúng vào lúc Trung-Đông đang cần đến một người như ông để dập tắt ngọn lửa chiến tranh giữa lúc thế giới Ả-rập đang cần đến uy tín của ông để hàn gắn mọi rạn nứt.

Trước cái chết của ông, Thủ-tướng Kossygine phải rơi lệ đến viếng tang. Tổng-thống Nixon phải bàng hoàng hủy bỏ cuộc thao diễn của hạm đội 6. Bà Golda Meir, Thủ tướng Do-thái cũng phải giật mình vì người Ả-rập đầu tiên chịu chấp nhận ngưng bắn là ông, nay đã nằm xuống. Vua Hussein xứ Jordanie và lãnh tụ du kích quân Palestine, Arafat, cũng phải ngán ngoso vì không biết còn người nào có đủ uy tín - như Nasser để dập tắt ngọn lửa chiến tranh huynh đệ tương tàn đã nhóm khởi lên giữa những

người Ả-rập không ?

Thời hạn ngưng chiến ba tháng giữa Do-thái và Ả-rập sang tháng 11 này là hết. Không biết những người kế nghiệp Nasser có đủ quyền uy và tinh thần hòa giải của ông để ngăn chặn chiến tranh Trung-Đông khỏi tái phát không ?

Các cường quốc liệu có lợi dụng khoảng trống chính trị đó để xen vào tình hình nội bộ các nước Ả-rập để lái các nước này theo một đường hướng có lợi cho họ không ? Đó là những câu hỏi lớn, không những người Ả-rập, mà bất cứ ai quan tâm đến thời sự quốc tế cũng phải đặt ra, vì lò lửa Trung-Đông là mối nguy hại lớn lao cho hòa bình thế giới.

Những sự việc xảy ra gần đây chứng tỏ giới lãnh đạo Ả-rập vẫn muốn tiếp tục đường lối của Nasser :

— Mặc dầu Nasser không còn nữa, thỏa hiệp ký kết giữa Hussein và Arafat vẫn được tôn trọng. Tuy các phần tử quá khích của du kích quân Palestine vẫn đe dọa, nhưng tiếng súng đã im bật giữa 2 bên.

— Hai bên Ả-rập và Do-thái, với sự trung gian của ông Jarring, đại diện LHQ, đã tính tới chuyện kéo dài ngưng bắn thêm một kỳ hạn nữa nhưng vẫn chưa đi đến đàm phán về hòa-bình. Cuộc đàm-phán này có



kết quả thì vấn đề ngưng bắn mới được coi là vĩnh viễn. Bên Do-thái hiện còn đang đòi Ai-cập phải rút hết các dàn hỏa tiễn do Nga trang bị và điều khiển dọc kinh Suez, còn phe Ả-rập thì đòi Do-thái phải rút hết quân khỏi khu vực kênh Suez, điều kiện tiên-quyết của một cuộc đàm phán.

Hai bên không bên nào chịu nhúc nhích, mặc dù cả 2 bên đều không muốn tiếp tục nổ súng vì vậy mà ngưng chiến có cơ kéo dài thêm một kỳ hạn nữa.

— Từ khi Nasser chết, các cường quốc Nga-Mỹ đều tỏ rõ ý định muốn giữ nguyên trạng ở Trung-Đông, Mỹ không cung cấp thêm vũ khí cho Do-thái và Nga cũng không cung cấp thêm vũ khí cho Ai-cập. Cả 2 cường quốc cùng khuyến khích 2 bên kéo dài cuộc ngưng chiến.

— Ngày 15-10, Ai-cập đã tổ chức trưng cầu dân ý để tìm người kế nghiệp Tổng thống Nasser. Người được bầu làm Tổng-thống là ông Anouar El Sadate, người xưa kia đã cùng Nasser « uống máu ăn thề » quyết giải phóng Ai-cập. Phong trào sinh viên Ai-cập, lấy tên là « Liên-hiệp Sinh-viên Ai-cập » ủng hộ Nasser, đã đóng một vai trò quyết định trong cuộc trưng cầu dân ý này. Một bản tuyên-ngôn của phong-trào này được đài phát thanh Le Caire truyền đi quả quyết là chỉ có những người cách-mạng xã-hội là có chỗ đứng thôi. Phong trào lên án liệt những kẻ nửa đường từ bỏ chủ-nghĩa Nasser, những kẻ phản động cực hữu. « Trung thành với chủ nghĩa

Nasser tức là trung thành với hiến-chương của Liên-hiệp xã-hội Ả-rập, ảnh đạo tất cả những hoạt động cách mạng của quần chúng nhân dân ».

Đến nay chính phủ mới của Ai-cập cũng đã được thành lập với những nhân vật thân Nasser. Vậy ta có thể tin được là đường lối ôn hòa của Tổng-thống Nasser sẽ được tiếp tục trong tương lai. Tình thế Trung-Đông tuy vẫn còn rất nhiều khó khăn nhưng chưa đến nỗi tuyệt vọng vì cả hai đại cường quốc Liên-xô và Hoa-kỳ đều không muốn cho chiến tranh thực sự bùng ra.

Tuy nhiên còn một ẩn số nữa khiến cho tình hình Trung-Đông rất dễ bị đảo lộn vì những yếu tố bất ngờ : Ẩn số đó là Bắc-kinh.

Chúng ta đều biết là trong khi đang tiến hành cuộc cách-mạng văn-hóa (1967-1969), Trung-Cộng đã rút hết các đại-sứ của mình ở thế-giới Ả-rập về nước, chỉ còn có mỗi một người, Đại-sứ Huang Hua, là còn ở lại Le Caire. Các sứ-quán khác ở Algérie, Maroc, Soudan, Syrie, Irak, Yemen, chỉ hoạt động nửa chừng vì không có đại sứ. Còn đối với Tunisie, Trung Cộng đã cắt đứt quan-hệ ngoại-giao từ năm 1967. Cả đến văn phòng của Tổ-chức giải-phóng Palesline ở Bắc-kinh-thành lập từ năm 1965, cũng không còn hoạt động.

Đột nhiên giữa năm 1969, có một sự thức tỉnh toàn diện và mau chóng bất ngờ. Có lẽ cuộc cách-mạng văn-hóa kết thúc rồi, Bắc-kinh lại chú trọng đến việc nối lại với các nước

Ả-rập mỗi dây liên lạc thân hữu trước kia đã bị chặt đứt tan tành. Trong thời gian đó tình hình ở thế giới Ả-rập cũng đã có nhiều biến chuyển thuận lợi cho Bắc-kinh hơn. Cuộc chiến tranh chống Do-thái đã làm cho các nước Ả-rập trở nên căm thù thêm «đế-quốc Mỹ» hơn vì Mỹ đã tiếp tay cho Do-thái. Từ tháng 4 đến tháng 7-1969, các đại-sứ Trung-cộng lại có mặt ở Syrie, Algérie, Yemen, Soudan. Một tòa đại-sứ mới được thành lập ở Aden thủ-đô của Nam Yemen. Các tòa đại-sứ ở Irak và Rabat lại hoạt động trở lại mặc dầu chỉ trên cấp bậc đại-lý đại-sứ.

Tòa đại-sứ Ai-cập ở Bắc-kinh từ lâu không có đại-sứ, đến tháng 7-69 lại có một đại-sứ mới. Các tòa đại-sứ Trung-Cộng ở các nước Ả-rập lại tích cực hoạt động trở lại, trừ các nước Liban, Lybie, Jordanie là Bắc-kinh chưa có đại-diện.

Về phương diện thông tin, các phóng viên của Tân-hoa-xã đều có mặt thường trực ở 6 nước Ả-rập là Algérie, Ai-cập, Irak, Yémen và Nam Yemen.

Trung-Cộng đã đặc biệt ủng hộ phong trào du kích quân Palestine El Fath, do lãnh tụ Yasser Arafat cầm đầu. Tháng 3-70, ông Arafat đã đi thăm Moscou và Bắc-kinh. Ở Moscou ông chỉ là thượng khách của «Ủy ban đoàn kết Á-Phi». Nhưng ở Bắc-kinh, ông đã được đón tiếp trọng thể với sự có mặt của Chu-Ân-Lai và Lý-Tiên-Niệm, Thủ tướng và Phó Thủ tướng quốc-vụ-viện Trung-Cộng. Ông

đã được Bắc-kinh hứa hẹn giúp đỡ rất nhiều. Về phương diện vật chất, có lẽ vì quá xa xôi và phương tiện chuyên vận yếu kém nên sự viện trợ rất hạn chế: phần nhiều là về vũ khí nhẹ. Nhưng về phương tiện tinh thần, sự viện trợ đó rất quan trọng: Bắc-kinh đã đảm nhận việc huấn luyện cho du kích quân Palestine, huấn luyện về chính trị và về tuyên truyền. Bắc-kinh đặc biệt chú trọng đến cánh tả của phong trào El Fath là «Mặt-trận Dân-chủ Nhân-dân Giải-phóng Palestine» mà lãnh tụ là ông Hawatmeh, tự coi mình là đồ đệ của Mao-trạch-Đông.

Dĩ nhiên ở đây cũng như ở các nước Ả-rập khác, lập trường quyết liệt của Bắc-kinh chống Mỹ và Do-thái đã gây khó khăn cho Liên-xô vì Liên-xô không muốn ai tranh quyền lãnh đạo thế-giới Ả-rập của mình. Ngay từ khi Trung-Cộng bắt đầu tích cực hoạt động ở Aden (thủ đô Nam Yemen), Liên-xô đã mở một chiến dịch tuyên truyền chống Bắc-kinh quyết liệt. Đại khái lập luận như sau: «Trung-Cộng đã đưa Cộng-sản Indonésia đến thảm bại, bây giờ nếu các ông nghe theo Trung-Cộng tức là cả phong trào giải phóng Ả-rập sẽ đi đến chỗ tiêu tũn».

Tổng thống Nasser, có lẽ thấm lời can ngăn đó và cũng vì đã chịu rất nhiều sự giúp đỡ «chí tình» của Liên-xô (giúp xây dựng đập nước Assouan, giúp việc huấn luyện và trang bị quân đội Ai-cập, đặt các giàn hỏa tiễn cho Ai-cập để chống Do Thái)

nên cảm thấy không thề nào xa rời Liên-xô mà theo đường lối Bắc-kinh được. Vì thế cho nên vào tháng 2-70 khi nhận được một điện-văn của Chu-Ân-Lai hứa hẹn ủng hộ hết mình phong trào giải phóng quốc gia Ả-rập và hô hào trường kỳ kháng chiến chống Do-Thái, T.T. Nasser chỉ gửi thư cảm ơn một cách lầy lẹ.

Thái độ dè dặt của Ai cập đã không ngăn được một số các nước Ả-rập khác xích lại gần Bắc-kinh hơn, nhất là các phong-trào giải-phóng.

Trung-Cộng thắt chặt bang-giao với Nam Yemen. Tháng 8 vừa qua, một phái đoàn Nam Yemen do Tổng-thống Salem Robaya Ali dẫn đầu đã đi thăm Bắc-kinh và đã được Mao-Trạch-Đông tiếp. Hai bên có ký kết với nhau một thỏa ước kinh-tế và một thông cáo chung nhắc lại sự ủng hộ của Trung-Cộng đối với cuộc chiến đấu của nhân-dân Palestine và của nhân dân khu vực vịnh Ả-rập.

Riêng tại khu vực này đã có 2 mặt-trận giải phóng được thành lập :

— 1) Mặt trận nhân-dân giải-phóng vịnh Ả-rập bị chiếm đóng

— 2) Mặt trận dân tộc dân chủ giải phóng Oman và vùng vịnh Ả-rập

Tòa đại sứ Trung-Cộng ở Aden (Nam Yemen) đã giúp đỡ rất nhiều cho các phong trào giải phóng này. Nhiều lãnh tụ đã qua thăm Bắc-Kinh. Nhiều đợt thanh niên đã được gửi qua con đường Aden sang Trung-Cộng huấn luyện và vũ khí cũng đã được chuyên chở vào khu vực của

du kích quân Ả-rập qua con đường này. Những tin tức về hoạt động của du kích quân Ả-rập cũng được phòng Thông-tin Trung-Cộng ở Aden đánh đi.

Nói tóm lại, trong vòng một năm nay, Trung-Cộng đã tỏ ra tích cực hoạt động trở lại tại khu vực Trung-Đông, tích cực nâng-đỡ các phong trào du kích quân cực tả, tích cực cổ vũ cuộc chiến đấu của các quốc gia Ả-rập chống lại Do-Thái, «Đế-quốc Mỹ» và «bọn xét lại» Liên-xô mà Bắc-kinh cho là đã phản bội lại quyền lợi của các dân tộc bị áp bức. Như chúng ta đã biết, tuyên truyền của Bắc-Kinh đã lôi cuốn được những phong trào Ả-rập cực đoan nhất.

Lúc còn sinh thời, với uy tín cá nhân của mình, với đường lối đứng đắn và ôn hòa của mình, Tổng thống Nasser đã lôi cuốn được đa số các nước Ả-rập nghe theo. Tuy cũng có chống Mỹ và các đế-quốc phương Tây nhưng sự chống đối đó không quyết liệt lắm và vẫn đề ngỏ cửa cho những cuộc thương-thuyết. Chứng cứ là TT Nasser khi đi dưỡng bệnh ở Nga-sô vào tháng 8-70 đã chấp nhận đề nghị ngưng bắn của Hoa-Kỳ. T.T. Nasser chủ trương đi với Nga đề nhờ sự giúp đỡ của Nga về phương diện kinh tế và quân sự trong cuộc chống đối Do-thái, nhưng không chấp nhận chủ-nghĩa Cộng-sản của Nga. TT Nasser có một chủ nghĩa xã-hội riêng biệt cho các nước Ả-rập mà các sinh viên và thanh niên Ả-rập đã hứa hẹn trung thành trước linh cửu của ông. Sự dè dặt của ông

đối với Trung-Cộng chứng tỏ là ông không muốn chấp nhận đường lối cách mạng của Bắc-kinh và cũng không muốn chiến đấu theo kiểu Bắc kinh.

Ông muốn được sự giúp đỡ tích cực của Nga để có thể chiến thắng Do-Thái và sau này kiến thiết thế-giới Ả-rập theo đường lối xã hội của ông. Chỗ đứng của ông là thế giới thứ ba chứ không phải là sau lưng Mạc-tur-khoa hay Bắc-kinh. Vì ông đã biết lợi dụng những mâu thuẫn giữa các cường quốc ở Trung-Đông mà nước Anh đã phải dứt khoát cuốn gói ra đi khỏi kinh Suez. Hoa-kỳ đã không lợi dụng được ông để củng cố vai trò của mình ở Trung-Đông nên đã phải nhất quyết chơi con bài Do Thái. Nga-sô tuy là chỗ dựa của ông nhưng cũng không phát triển được chủ nghĩa Cộng-sản trên đất nước ông. Bắc-kinh cũng không lợi dụng được mâu thuẫn Nga—Mỹ để chen chân vào được.

Nhưng sau 18 năm hoạt động, ông mới chỉ đi được có một quãng đường. Thế-giới Ả-rập, do cuộc chiến đấu chống Do-Thái, nay đã đoàn kết hơn và đã trở thành một lực-lượng xứng đáng được các cường quốc kiêng nê.

Nhưng thế giới đó vẫn chưa có được lý tưởng chung nào ngoài lý tưởng chống Do-thái. Có lẽ vì thế mà những người kế nghiệp TT Nasser vẫn phải dùng chiêu bài chống Do thái để duy trì và củng cố khối Ả-rập, khối này vẫn lỏng lẻo vì thiếu một lý-tưởng xây dựng xã-hội chung từ Nam chí Bắc,

từ Đông sang Tây, và do vị-trí địa-dur, hoàn cảnh kinh tế và chính-trị khác nhau tạo nên.

Nhưng vấn-đề này lại là một cái ngòi lửa đáng sợ của chiến tranh thế-giới thứ 3 nên các cường-quốc có trách-nhiệm (Nga, Hoa-kỳ) phải ra sức ngăn cản và dập tắt. Ngăn cản cuộc chiến tranh này thì lại vấp phải sự chống đối quyết liệt của các phong trào kháng chiến cực đoan Ả-rập được Bắc-kinh nhiệt liệt nâng đỡ và cổ vũ. Thế « tam cường đối diện » sẽ mỗi ngày một rõ hơn ở Trung Đông.

Một lãnh-tụ ôn hòa và có uy tín như T.T. Nasser rất cần thiết cho cục diện Trung-Đông trong lúc này. Vì thế cho nên không những các bạn mà các kẻ thù của ông cũng tỏ vẻ mến tiếc, không biết người kế tiếp sự nghiệp của ông có đủ uy tín và tài ba để cho các nước Ả-rập khác nghe theo không.

Trung - Đông sau Nasser sẽ đi về đâu? Chiến tranh Do-Thái, Ả-rập có cơ kết liễu được không? Những phong trào du kích quân, nếu không được hoàn toàn thỏa mãn, liệu có chịu bỏ súng không? Ảnh hưởng của Bắc-kinh liệu có sẽ bành trướng mạnh mẽ hơn bây giờ không? Ảnh hưởng của hai đại cường Nga Mỹ sẽ ra sao? Vị trí của Do-thái sẽ như thế nào? Nếu chiến tranh Trung-Đông có thể kết liễu được, làm thế nào để có thể giữ được sự đoàn kết trong khối Ả-rập vì lúc đó, ngoài những nước không liên-kết sẽ có những nước thân Cộng-sản, những nước thân

Tây-phương. Muốn thực hiện được sự đoàn kết trong khối, có lẽ người ta phải nghĩ tới một cuộc cách-mạng xã-hội có tính cách rộng khắp. Lúc đó Ai-cập có còn đóng vai trò lãnh-đạo nữa không? Chủ-thuyết xã-hội của Nasser có được các nước Ả-rập khác theo không?

Biết bao vấn-đề trọng-đại được đặt ra mà cốt yếu là vấn-đề hòa-bình Trung Đông và vấn đề thống-nhất khối Ả-rập dưới một lý-tưởng xã-hội chung.

Con đường đó, Nassermới đi được có một phần rất nhỏ, tuy cuộc đời và sự nghiệp của ông cũng đã khá dài. Những người kế tiếp ông liệu có tiếp tục được sự-nghiệp đó của ông không?

Điều đó tùy thuộc một phần nhỏ vào vai trò lãnh tụ, một phần lớn hơn vào ý-chí tự-lực tự-cường của các dân tộc Ả-rập và một phần nữa cũng vào sự giằng co giữa các đại cường ở khu vực này của thế-giới.

Liệu đã đến lúc các đại-cường thấy cần phải chấm dứt cả 2 lò lửa chiến tranh ở Trung-Đông và Việt-Nam chưa? Thiện-chí thì bên nào cũng đã có. Nhưng còn quyền lợi? Làm sao phải có được sự dung hòa như T.T. Nasser đã bắt đầu nhưng chưa kịp thực hiện, thì mới hy vọng có hòa-bình như cả nhân dân Do-Thái và Ả-rập đều ước muốn.

Những người kế nghiệp TT Nasser liệu có quyết tâm đi vào con đường đó không? Các cường quốc Nga Mỹ sẽ có những hành động gì để cho chiến tranh Trung-Đông khỏi tái phát, sau ba tháng ngưng chiến và có cơ kéo dài thêm một thời-hạn nữa?

Đó là những câu hỏi cấp bách mà những người quan tâm đến hòa-bình của Trung-Đông và của thế-giới đều phải đặt ra. Vì đằng sau 2 cuộc chiến-tranh Trung - Đông và Việt-Nam ta đều thấy những bộ mặt quen thuộc xuất hiện, chỉ khác ở Trung Đông, Hoa-kỳ không đứng ra đóng vai chánh đề lãnh đủ.

Tuy vậy, vai trò của Hoa-kỳ vẫn không kém phần quan trọng. Còn vai trò của Bắc-kinh ở Trung Đông không ghê gớm như ở Việt-Nam, nhưng cũng không phải là không đáng kể.

Sự thỏa hiệp giữa các đại cường ở một phần đất nào, trên một lãnh-vực nào sẽ giúp đỡ giải quyết được nhiều vấn đề, kể cả vấn đề chiến-tranh và hòa-bình ở phần đất đó và lãnh-vực đó của thế-giới và nó sẽ đem lại niềm hy vọng cho các nơi khác.

Ước mong rằng T.T. Nasser chế đi sẽ có được người kế nghiệp xứng đáng để cho hòa-bình sớm được lập lại ở Trung Đông cũng như hòa-bình cũng sẽ được văn hồi ở Việt-Nam đúng theo ước vọng của Tổng-thống Nixon : thế-giới sẽ có một thể-hệ hòa-bình.

VIỆT - PHƯƠNG

Đàm thoại với tác-giả « *Việt-nam quê hương yêu dấu* »

BÁCH-KHOA

Nguyễn Cao Đàm và nhiếp ảnh Nhật bản

(Xin xem Bách Khoa từ số 331)

BÁCH KHOA: Ở Nhật-bản tất cũng phải có Hội nhiếp-ảnh của Nhật, vậy hội này có đến tiếp xúc với anh trong dịp triển lãm trên đây không? Và xin anh cho biết về nhiếp ảnh ở Nhật bao nhiêu hội tất cả, mỗi hội có chừng bao nhiêu hội viên, tổ chức và hoạt động của họ ra sao?

NGUYỄN CAO ĐÀM: Thưa anh, tại Nhật-bản chỉ có một Hội nhiếp-ảnh mang tên là « Hội Nhiếp-ảnh Nhật-bản ». Thấy cuộc Triển lãm nhiếp ảnh của tôi, Hội liền nhờ cơ quan ARDO dàn xếp cho Hội tiếp xúc với tôi. Và tôi đã tới thăm trụ-sở của Hội tại một căn lầu rộng tại Đông-kinh. Ở đây ông Chủ-tịch Hội Nhiếp ảnh Nhật-bản, một số vị trong Ban Chấp-hành và một số hội viên đã tiếp tôi rất vui vẻ, cởi mở.

Hội chỉ có hơn 600 hội viên, nhưng những hội viên này gần như là chuyên nghiệp ở các ngành của họ mặc dầu vẫn tài tử trong nghệ thuật.

Hội chia làm 5 ngành: Báo chí, Xí nghiệp, Thương mại, Chân dung và Nhiếp ảnh tài tử.

Ngành Báo chí cung cấp không những hình ảnh cho báo chí mà cả chuyên viên nhiếp ảnh nếu tờ báo cần đến. Báo chí ở Nhật số ấn hành lớn lao như vậy, các báo định-kỳ về hình ảnh lại nhiều, nên ngành Báo-chí là ngành quan trọng số 1 của Hội.

Ngành Xí nghiệp giới thiệu cho các xí nghiệp những chuyên viên nghệ sĩ nhiếp ảnh mà các xí nghiệp cần đến. Nước Nhật là một nước mà công kỹ nghệ phát triển kinh khủng thì việc quảng cáo các sản phẩm công kỹ nghệ là một việc tối cần thiết. Rồi trong các xí nghiệp này có xí nghiệp dựa vào nhiếp-ảnh mà phát triển như cơ quan du lịch. Riêng hãng sản-xuất bưu-ảnh (carte postale) đã mượn cộng tác hầu như gần hết các nhiếp-ảnh-gia danh tiếng ở Nhật. Hãng bưu-ảnh mà thấy một nhà nhiếp ảnh nào vừa được Hội khám phá là mời ký ngay hợp-đồng trong một thời gian và cung cấp mọi phương tiện để nhà nhiếp ảnh làm việc xem có thấu lượm được cái nhìn mới mẻ

nào đối với sự vật và phong cảnh hay không. Ngoài ra còn ngành làm lịch cũng cần đến nhiếp ảnh rất nhiều nữa. Mỗi năm chính chúng ta cũng đã thấy các loại lịch hình ảnh của Nhật tràn vào đây như thế nào rồi.

Ngành *Thương mại* có các tiểu-ban như tiểu-ban ấn-loát-phẩm. Tiểu-ban này có thể thực hiện những đề-tài như « Phong-trào hippies tại Nhật-bản », « Sự khóa-thân tại Nhật-bản » v.v... và in thành tác-phẩm rồi tung những sách này sang các thị-trường Âu-Mỹ, làm ngạc nhiên những người Âu-Mỹ về khoe nhìn của Nhật-bản. Lại còn tiểu ban thương mại thuần túy trông nom những việc như bảo vệ bản quyền các tác phẩm nhiếp ảnh, bán rẻ giấy ảnh hay phim ảnh cho hội-viên để làm kinh-tài cho Hội, khi Hội được tặng các thứ này để thử... Cũng ở trong ngành này có tiểu ban giao dịch quốc tế. Có cuộc triển lãm quốc tế nào, Hội nên tham dự đồng đảo hay lạnh nhạt, hoặc cạnh tranh ráo riết hay buông xuôi đều do sự ngiên cửu và hoạt động của tiểu ban này. Với các nước chậm tiến thì sự giao dịch quốc tế, trong địa hạt nhiếp ảnh, đứng hàng đầu mà với Nhật-bản thì họ cho là hàng thứ yếu, đủ hiểu họ tự tin đến thế nào.

Ngành *Chân dung* thường liên-hệ đến các nhà nhiếp-ảnh chuyên nghiệp mở các tiệm chụp hình, nhưng không phải chỉ có thực hiện những chân-dung chính thức của nhà cầm quyền, chân dung của khách hàng mà còn thực hiện cả những đề-tài như « Chiến-tranh Việt-Nam qua chân-dung », dùng chân dung một số người Việt với nét mặt buồn khổ, âu lo hay thân hình tàn phế, thương tật, để mô tả cuộc chiến ở Việt-Nam.

Ngành *Nhiếp ảnh tài tử* thường mở các cuộc diễn thuyết về nhiếp ảnh hay những lớp cấp tốc trong 1 tiếng đồng hồ, thí dụ về mùa hạ thì chụp biển thế nào, về mùa đông thì chụp hoa anh-đào sao cho đẹp... mục đích để đầy nghệ thuật nhiếp ảnh đi sâu vào đại chúng.

Anh xem như vậy thì 600 hội viên của Hội-nhiếp-ảnh Nhật-bản đều hoạt động trong năm ngành này và thành cán bộ nòng cốt của Hội rồi còn gì nữa ?

BÁCH KHOA : Ở tại Nhật-bản các hãng sản xuất máy chụp hình nhiều như nấm : Canon, Nikon, Pentax v.v... Vậy những nhà sản xuất này có liên-lạc chặt chẽ với Hội Nhiếp-ảnh Nhật không ?

NGUYỄN CAO ĐÀM : Liên lạc chặt chẽ lắm chứ, ngành Thương mại và ngành Nhiếp ảnh tài tử hẳn cũng giúp cho sự phát triển của các nhà sản xuất này vì nhiếp ảnh càng được đại-chúng-hóa thì càng nhiều người cần mua máy chụp hình.

Tôi xin kể anh nghe một tin này : Đại-hàn dân-quốc mới đặt ngành Ấn-phẩm của Hội Nhiếp-ảnh Nhật-Bản làm cho một việc là xin gửi một số

chuyên viên nhiếp ảnh Nhật sang Đại-hàn để thực hiện một cuốn sách nói về Đại-hàn bằng hình ảnh.

Tôi nghĩ đến Việt-Nam chúng ta, và muốn kêu gọi các nhà nhiếp ảnh Việt-Nam hãy bắt tay vào việc thực hiện một cuốn sách nói về Việt-Nam bằng hình ảnh ngay đi. Không có tới trường hợp cần đến, lại phải kêu gọi người ngoài như trường hợp Đại-hàn trên đây thì khổ quá.

BÁCH KHOA : Rất cảm ơn anh đã kể cho độc-giả của Bách-Khoa biết đủ mọi chuyện về Hội-chợ Osaka, về nhiếp ảnh... qua cuộc đàm-thoại cởi mở này. Sau hết xin anh sau cho biết cảm nghĩ của anh những ngày tháng đã lưu lại trên đất Nhật.

NGUYỄN CAO ĐÀM : Chính tôi phải cảm ơn anh ! Qua tờ Bách-Khoa, tôi đã trút nhẹ được nhiều điều đáng nói. Nhất là Biểu tượng cho Việt-Nam, tôi tưởng là vấn đề chung của tất cả những người làm văn-ngệ hiện-đại phải đặt ra cấp thời. Chúng ta vẫn tự hào về truyền thống, chúng ta không thua ai về sáng tạo, chúng ta đang mở cửa « đi ra quốc tế »... Vậy mà nói đến Việt-Nam chúng ta chưa nắm được cái gì cụ thể để người ta biết chúng ta và ta tự nhận là ta.

Đến ngày chúng ta có biểu-tượng rồi, chúng tôi đứng trong bộ-môn nhiếp-ảnh chắc dễ xoáy vào đó mà ca tụng đất nước như những nhiếp-ảnh gia Nhật-bản đã và đang làm : Cái gì cũng có hoa anh đào, núi Phú-sĩ hoặc mặt trời — cò kính thì mặt trời lặn, tân tiến thì mặt trời bình minh ló rạng, núi Phú-sĩ cứ cao ngất oai hùng, hoa anh đào cứ đua nở — Qua Hội-chợ Osaka, họ còn đưa năm cánh hoa anh đào để làm biểu-tượng cho năm châu, anh thấy độc đáo chưa ?

Quay về ta, anh cũng như tôi muốn nói về Việt-Nam chúng ta có cái gì ? ?

BÁCH-KHOA

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ TRẺ

NHẬP CUỘC

Số hai : TRẦN HỮU NGHIÊM — NGÔ CANG — NGUYỄN ĐẮC NGÂN — LÊ T. DŨNG.

Số ba : Chủ đề : Nỗi tình cho Huế. Nhiều người viết quen.

Liên lạc : Trần Hữu Nghiêm, Hộp thư 77 Huế.

Số một còn rất ít, gởi 100đ. về địa-chỉ trên, Nhập Cuộc trả cước phí.

THIỀN LUẬN

tác giả : ZUZUKI

dịch giả TRÚC THIÊN

nhà xuất bản :

AN TIÊM



Soạn phẩm « THIỀN LUẬN », Suzuki không nhằm riêng vào người học Phật, mà chung cho cả người Công giáo, người Hồi giáo v. v... hơn thế nữa, cho toàn giới trí thức, Đông cũng như Tây, triết gia cũng như nghệ-sĩ, chánh-khách cũng như khoa-học gia. Đó là một trong số tác-phẩm của thế kỷ XX gây chấn-động sâu và bền nhất trong lòng người. Người ta đua nhau đọc « Thiền-Luận » càng đọc càng đụng đầu với cái phi-lý, và càng húc đầu vào cái phi-lý càng đâm ngẩn-ngơ — càng như đang đọc cuốn sách bên trong của chính mình.

Tác động phi-thường ấy một phần do tác-giả không phải chỉ là học, giả mà còn là hành-giả.

Là đọc-giả, Suzuki đặt Thiền vào hệ-thống tư-tưởng Phật-giáo, và hệ-thống Đại-Thừa-Giáo, và cả vào hệ-thống tư-tưởng chung của Trung-hoa và của loài người.

Là hành giả, Suzuki vượt lên tất-cả hệ-thống mà thề-nghiệm biến-cổ chứng bạo của Đức Như-Lai ở cõi bồ-đề — biến-cổ thu gọn trong thành-ngữ « kiến tánh thành Phật ». « Hành giả tương ứng », tác phẩm trình bày phần huyết và phần hành quán quít nhau như một khối thuần nhất. Thuyết thì

toàn là phản lý, đi từ phủ-nhận-cái-phủ-nhận của giáo ty Bát Nhã đến "pháp bất nhị" của Pháp Bảo Đàn Kinh. Hành thì nhẹ như gió thổi, như máy bay, nhón nhơ, vô sự, không có vấn đề nào đặt ra, mà cũng không có cứu cánh nào đạt tới. Hầu hết những vấn đề lớn của Phật giáo — nghĩa là của tư tưởng, của nhân sinh — đều được nêu lên, và được giải đáp một cách thoả đáng bằng ánh sáng riêng của tác giả, nghĩa là giải đáp bằng cách không giải đáp gì hết, có như thế, theo Phật giáo, mới thực là giải đáp. Những vấn đề lớn ấy là: thực chất của giác ngộ nghi tình và đốn ngộ, cơ duyên phát huệ, ngôn ngữ Thiền, tri và hành, nội dung của tu chứng, kỹ thuật công án, thông điệp của Bồ Đề Đạt Ma, Thiền và pháp giới Hoa nghiêm, Thiền và không tông Bát Nhã, Thiền và văn hoá Đông phương (kể cả võ thuật, kiếm pháp, chưởng), Thiền trong văn-hóa Tây phương, Thiền và hiện đại tư tưởng, tôn giáo, xã hội, văn nghệ, sanh hoạt v. v...

Sách in công phu, đặc biệt có ảnh các vị tổ Huệ Năng, Lâm Tế Bồ Đề Đạt Ma, Đức Sơn... những ảnh rất khó tìm này đều có in trong Thiền Luận.

Sách mới do An Tiêm xuất bản :

- ★ **ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HAY LÀ VĂN MINH MIỆT VƯỜN**
biên khảo của Sơn Nam
- **CÂU CHUYỆN DÒNG SÔNG (in lần thứ tư)**
của Hermann Hesse
- **KHUNG TRỜI NHỎ HẸP**
của W.S. Maugham
- ✱ **TRIẾT HỌC VỀ TÁNH KHÔNG**
của Tuệ Sỹ
- **NÓI CHUYỆN VỚI KRISHNAMURTI**
do Carlo Suares thực hiện



THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

Cựu Kim Sơn, cửa châu-Á

(Tiếp theo Bách Khoa số 322)

Ngày hôm sau chúng tôi đã khá quen thuộc với thành phố và chia ra từng nhóm nhỏ tự do đi chơi theo chương trình của nhóm không cần phiền tới người hướng dẫn. Cô Padel-ford đã từ già chúng trở tôi về Đồi Vui từ mười giờ đêm hôm qua để tiếp tục cuộc sống độc thân.

Thái và tôi lần lượt sử dụng hết cả ba loại xe điện và xe buýt điện cable car, streetcar, trolleybus dạo chơi trên các đường Sutter, Powell, Grant, Market trước khi đi tới bờ biển. Chúng tôi tản bộ theo lề đường Embarcadero tiến về phía Bến Cá (Fisherman's Wharf) một khu lung danh của những người ham nhậu. Trước khi đi Mỹ bạn tôi, Thái, vẫn ấp ủ hai mộng ước mà anh thề quyết tâm thực hiện một khi được đặt chân lên lục địa Hoa kỳ, Đó là mua một chiếc tàu thuốc Dunhill và nhậu một bữa cua Mỹ no say. Về chiếc tàu anh đã bằng lòng bỏ nửa tháng lương để nhờ mua tại Sài Gòn nhưng không có. Về cua, thì mỗi lần giờ những cuốn du ký nói về nước Mỹ, nói về king crabe lười từ vùng Alaska mang về mỗi con đo từ càng nọ sang càng kia dài gần một thước anh lại thấy nước rãi dâng lên trong miệng như nước thủy triều.

Mộng ước thứ nhất của Thái chiều qua đã bừng bừng lên khi anh trông thấy chiếc tàu lý tưởng của anh trong tủ kính một tiệm bách hóa trên đường Sacramento. Nhưng chỉ hai phút sau đó anh ỉu xiu từ tiệm trở ra đường tay không khi biết chiếc tàu Dunhill bé nhỏ đó trị giá đúng bốn mươi lăm đô la chưa kể thuế.

Hôm nay Thái rủ tôi đi về hướng biển để thực hiện mộng ước thứ hai vì anh tin rằng mộng ước này giá rẻ hơn.

Bến Cá đã hiện ra trước mặt. Từng dãy tiệm bán đồ biển san sát nối tiếp nhau, những tiệm ăn có vẻ bình dân chứ không phải không khí của các cao lâu xa hoa sang trọng. Những bác đầu bếp khoác khăn choàng trước bụng chăm chỉ cắt thái các sơn hào ngay trên quầy hàng trông ra đường, ở mặt tiền của tiệm. Thức ăn được trình diện ngay trên quầy ngoài để quyến rũ thực khách. Nào mực tươi, cá biển đủ loại, tôm hùm đỏ như gạch to bằng cánh tay người. Rùa sống ngộ nguậy trong những chiếc chậu sên sệt nước chờ đợi giờ lên bếp theo com măng của khách làm tôi nhớ tới những quán chuyên bán thịt rùa tại Cần Thơ giờ đây xa hàng chục ngàn cây số.

Nhưng món mơ ước của bạn tôi và cũng là món ăn lần lượt tất cả những

món khác ở vùng Bến Cá này vẫn là cua. Trên mỗi quầy hàng, cả trăm con cua luộc hoặc hấp sẵn được xếp thành hàng ngay ngắn như chờ đợi lệnh xuất quân. Những con cua này tuy không to bằng cua mô tả trong sách mà bạn tôi đã đọc nhưng cũng có những vóc dáng lớn quá khổ mà tôi chưa từng thấy tận mắt lần nào. Những con cua Vũng Tàu, Nha Trang hay Maxim's, Bát Đạt so với cua ở đây chỉ đáng gọi là những chú dĩa tràng.

Thái nhìn tiệm Fish Grotto ngay trước mặt và bảo tôi:

— Thôi dõ đây chứ!

— Có cần liếc qua giá cả trước không? Nhớ lại như ông điều Dunhill chiều qua thì tính sao?

— Thái làm theo lời tôi. Chúng tôi cũng khá xúc động khi được biết giá một còng cua – còng không thôi chứ chưa nói tới toàn vẹn thân thể kiểu diêm của nó—thay đổi từ hai tới bốn đô la tùy theo còng to, nhỏ và tùy theo tiệm. Thái gật gù nói:

— Thôi cứ vào. Tôi với anh thằng nào cũng còn nguyên vẹn bốn mươi đô la đổi theo giá chính thức và mấy trăm traveller check. Cũng phải xuất kho cho ví tiền của mình đỡ tủi chứ!

Chúng tôi ngồi ở bàn ăn gần cửa để có thể vừa nhắm nháp vừa ngắm phố xá. Người đi lại khá đông. Các tiệm ăn tấp nập. Nhiều hàng tranh bày bán ngay ở lề đường, tranh vẽ thành phố Cựu Kim Sơn và khu Bến Cá trải qua nhiều giai đoạn lịch sử nhất là cảnh tàn phá sau trận động đất năm 1906. Phía biển những thuyền đánh cá

có động cơ đầu san sát bên nhau cột buồm thẳng tắp cắt trên nền trời xanh mờ mờ sương. Một mùi hôi pha chút tanh nồng của nước biển bao phủ vùng Bến Cá khiến khu này trở nên có một hương vị đặc biệt, độc đáo mà các thành phố Mỹ khác không có.

Kể cả ăn uống xong chúng tôi rời khỏi tiệm lúc mặt trời đứng bóng. Nhìn lên hàn thử biểu cạnh chiếc đồng hồ lớn trên nóc cao ốc trước mặt tôi thấy kim chỉ 53 độ F, khoảng 12 độ VN. Tuy vậy trời không rét mà chỉ vừa lạnh dịu dịu như Đà Lạt, ánh nắng vẫn le lói.

Thái có vẻ hả hê. Dù phải cùng tôi chi một bữa ăn đắt giá nhất trong đời mình nhưng ít ra anh cũng đã thực hiện được trọn vẹn mộng ước thứ hai mà anh hằng ôm ấp và sau này dù có chết đi anh cũng không ân hận đã phụ lòng ông thần khẩu.

oOo

Buổi chiều Thái và tôi mở một cuộc Nam tiến về phi trường Cựu Kim Sơn băng qua quận Dala. Bắt đầu từ quận này trở xuống thành phố có vẻ buồn và tiêu điều. Nhà cửa thấp, nhỏ, phần lớn chỉ có hai hay ba tầng. Lác đác những cư xá xây ngay trên sườn đồi ẩn hiện trong cây trồng không khác gì cảnh một buổi sương mù Đà Lạt.

Nhà cửa ở Mỹ có thể tạm chia thành ba loại chính: cao ốc chọc trời thường thấy ở trung tâm thành phố, nơi đất hẹp mà cần chứa nhiều người. Nhà chệt hay lầu nhỏ hai tầng có vườn xung quanh là loại nhà lý tưởng của người Mỹ ngoại ô và vùng quê.

Loại thứ ba, bình dân và rẻ tiền là những nhà xe kéo. Nhà này có hình dáng như một toa xe lửa với nhiều bánh xe phía dưới. Trong nhà cũng đủ tiện nghi tối thiểu như ti vi, tủ lạnh, bếp điện, nhà cầu. Nhà xe kéo được tập trung ở 1 khu đất rộng cho thuê đã thiết trí sẵn sàng hệ thống điện nước. Mỗi khi phải di chuyển đi làm ăn xa, chủ nhân toa nhà xe kéo thuê hãng thầu lái cả toa nhà và bầu đoàn thể tử của mình đi theo như chiếc xe của đoàn cải lương lưu diễn miền quê.

Ở những con đường xung quanh phi trường Cựu Kim Sơn là nơi ta dễ gặp nhiều người VN nhất. Họ mới tới Mỹ hoặc sắp trở về cũng như nhiều người Á châu khác.

Thực vậy, một toán sáu người vận quân phục đang đi về hướng chúng tôi. Trông sáu bộ quần áo mùa đông bằng ga ba đin xám do ngành quân nhu thực hiện không lấy gì làm đẹp để cho lắm chúng tôi biết ngay đó là những sĩ quan đồng hương của chúng tôi sang du học.

Thái nảy ra một ý nghĩ nghịch ngợm:

— Anh để yên tôi xem bọn này nếu không có ai quen tôi rờn chơi họ một chút cho đỡ buồn.

— Rờn cách nào?

— Yên trí, chờ đấy coi.

Nhưng Thái chưa kịp thực hiện ý định thì nhóm sĩ quan du học đã rẽ vào tiệm cafeteria gần đấy. Họ xếp hàng

một sau những người Mỹ để chờ lấy khay, chén, đĩa mua thức ăn theo lối self service. Trời không lạnh lắm, những người địa phương chỉ mặc thêm một áo len hoặc áo choàng mỏng. Trong lúc ấy những sĩ quan VN mới tới và còn phải đi nữa chưa tiện mở va ly để thay đồ vẫn phải đeo đẳng bộ quân phục tiết chế hàn, chiếc ba dờ xuy còn nặng nề cấp trên tay. Có người mặc luôn trên mình cho tiện mặc dầu dầy cộm và có vẻ không hợp thời trang.

Sự hiện diện của những người châu Á, áo rét cùng mình giữa đám quần chúng 7 phục mùa thu cũng có vẻ đặc thù, lôi cuốn sự chú ý của nhiều người. Nhưng sự chú ý của những người Mỹ này biểu lộ cảm tình hay lãnh đạm thì hơi khó đoán vì những cặp mắt màu xanh lơ dờ của họ chẳng biểu lộ một nét tình cảm nào dù yêu, dù ghét.

Phía trái chúng tôi hai sĩ quan khác đang tiến tới. Một người mang cấp hiệu thiếu úy và một trung úy. Tôi để ý trên tay áo hai người miếng phù hiệu ghi hai chữ VIỆT NAM thường lệ đã được gỡ đi còn trơ lại ba nút cúc bấm cô đơn. Có một vài sĩ quan Việt Nam tới Mỹ đã phải giấu quốc tịch mình nếu nơi đang đi qua phong trào phản chiến quá mạnh hay là họ phải giải quyết những vấn đề quan trọng ngang hàng với ăn và ngủ mà không có ghi trong chương trình du học.

Thái tới trước mặt hai người giao tay chào bằng tiếng Anh:

— Chào hai ông; hai ông là sĩ quan Việt Nam?

Ông thiếu úy hành diện:

— Phải tôi vừa từ Sài Gòn qua. Còn hai ông chắc ở đây lâu rồi ? Các ông là Phi Luật Tân hay Thái Lan ?

Thái trả lời ngay không suy nghĩ, vẫn bằng tiếng Anh :

— Tôi là người Thái. Tôi khâm phục sĩ quan Việt Nam lắm.

Ông thiếu úy có vẻ đặc ý :

— Ông nhận xét đúng lắm. Các sĩ quan VN đều giỏi vì họ đều trưởng thành trong khói lửa. Ví dụ như tôi tuy mới gia nhập quân đội chưa đầy hai năm nhưng tôi đã tham dự hầu hết các trận đánh lớn tại VN. Khe sanh. Pleime, Ashau, Chu Prong đều có tôi tham dự.

— Chắc ông có nhiều huy chương lắm ?

— Phải! Tôi đã được ân thưởng trên 20 huy chương đủ loại trong hai năm qua. Anh trung úy bạn tôi còn gan dạ hơn nữa. Minh anh có tới 40 huy chương.

Viên trung úy hơi bối rối, tỏ vẻ ngượng ngịu trước sự khoe khoang của bạn chưa kịp nói gì thì đã bị gạt phắt :

— Gạt đầu nhận đại đi ! Dân Xiêm chúng ngu si, biết mẹ gì đâu mà phải ngượng.

Thái vẫn thản nhiên hỏi thêm :

— Chắc các anh phải chịu sự huấn luyện cực nhọc lắm nên mới xuất sắc như vậy. Tôi có ở Việt Nam sáu tháng. Tôi mến người Việt lắm.

Viên trung úy vẻ mặt thoáng tươi lên. Ông hỏi Thái :

— Ông có sang Việt Nam rồi. Ông

sang năm nào, ở đâu ?

Thái cười òa trả lời bằng tiếng Việt :

— Tôi sang từ năm 1945 tới nay và ở Mỹ Tho.

Viên ông thiếu úy hơi ngượng, mặt thoáng ửng đỏ nhưng trấn tĩnh ngay. Ông đập lên vai Thái cười xòa :

— Bỏ khi, cùng Mít với nhau mà làm bọn này mất bao nhiêu thì giờ để ca tụng cuộc chiến đấu gian khổ của dân tộc... Các anh sang đây từ bao giờ ? Sắp sửa đi phương mô ?

Sau mấy câu xã giao và cái xiết tay, vẻ hoạt bát của ông thiếu úy đã chinh phục cảm tình của chúng tôi và cả bốn người dặt nhau vào uống nước trong drugstore gần đấy.

oOo

Thắng cảnh chót của Cựu Kim Sơn mà chúng tôi tới xem vào sáng hôm sau là cầu Golden Gate. Cây cầu sơn đỏ, một nhịp hơn một cây số này là cây cầu treo dài thứ nhì thế giới đứng sau cầu treo Brooklyn Nữ-Ước.

Năm người trong bọn chúng tôi háo hức mang theo bốn máy ảnh và khá nhiều phim màu với mục đích chụp thật nhiều hình ảnh kỷ niệm cạnh cây cầu độc đáo lừng danh này. Màu đỏ tươi của cây cầu, màu xanh của nước biển, màu xám của chân cầu như bức cổ thành và muôn màu di động của hàng trăm ngàn xe di chuyển, tất cả những thứ đó chỉ dùng làm bối cảnh cho một người đứng cười toe toét là chính mình thiết tưởng không còn tấm hình màu nào trên thế giới đẹp cho bằng. Nhưng tấm hình chụp cách

đây hai hôm, cầu nhỏ và mờ mịt quá.

Nhưng thời tiết sáng nay làm chúng tôi thất vọng. Dù đã đứng sững ngay dưới chân, nhưng sương phủ mờ mịt chiếc cầu chỉ lộ ra một đoạn chừng vài chục thước, màu sắt sơn đỏ tươi đẹp mọi ngày chỉ còn là một màu nâu, đục nhòe nhòe như ly đậu đỏ bánh lọc.

Chúng tôi đi bộ sang huê hoa viên Nhật Bản trong khu vườn Golden Gate gần đó. Ở đây có những kiến trúc cây cối đặc biệt Nhật Bản, có gian hàng bán bưu thiếp kỷ niệm và các sản phẩm Phù Tang do các cô gái Nhật duyên dáng trông coi.

Nói tới sinh hoạt của người Nhật ở Cựu Kim Sơn không thể không quên Trung Tâm Nhật Bản đang được kiến thiết. Người Nhật nuôi tham vọng biến trung tâm này thành khu riêng của Nhật trong Cựu Kim Sơn để phục vụ cho 10 ngàn người Nhật sống tại vùng này như người Tàu đã biến Chinatown thành một thứ Chợ Lớn trong nước Mỹ vậy.

Bên ngoài huê viên Nhật Bản, nhiều gia đình Mỹ nằm ngời rải rác trên cỏ. Hôm nay là ngày chủ nhật họ đưa gia đình tới đây picnic. Trên một vài con đường xung quanh công viên Golden Gate, từng toán thanh niên nam nữ híp py đầu tóc rối bù vận quần áo xanh đỏ loè loẹt, có cô chỉ bận quần lót và áo lá may bằng quốc kỳ Mỹ đang chạy lăng xăng chặn khách qua đường bán thứ báo riêng của họ.

Mặt trời lên cao. Chúng tôi trở lại chân cầu Golden Gate. Sương mù chưa tan được bao nhiêu. Chiếc cầu cũng chỉ rõ thêm được vài ba thước. Biết dù có

chờ tới chiều, cũng không thể chụp được những tấm ảnh rõ hơn, chúng tôi bèn rủ nhau đi vùng khác.

oOo

Sau sáu ngày lưu lại Cựu Kim Sơn, giờ đây cả bọn mười người chúng tôi lại tập hợp đông đủ tại phi trường để chuẩn bị bay sang miền Đông nước Mỹ. Những người bạn mới quen cũng có mặt đông đủ để chào tạm biệt chúng tôi, trong số này cố nhiên có cả cô Padelford.

Khi chiếc máy bay đã lên khá cao và xa thành phố vài cây số, Thái và tôi vẫn còn chăm chú nhìn Cựu Kim Sơn dưới mắt mình qua khung cửa hẹp như luyến tiếc. Cầu Golden Gate, cây cầu mê hoặc tôi khi tôi chỉ nhìn trong sách hay trên màn ảnh, khi tôi đặt chân tới Cựu Kim Sơn, khi tôi từ già nó, hôm nay éo le thay lại hiện rõ dưới chân đầy đủ, trọn vẹn, đỏ rực trong ánh nắng chan hòa.

Tôi bảo Thái :

— Cái cầu kia là, một kiến trúc làm hãnh diện cho Cựu Kim Sơn, có lẽ vì thế nên người Mỹ đặt tên là cầu Cửa Vàng. Nhưng giá để tôi đặt tên tôi sẽ gọi nó là Cửa Châu Á.

— Tại sao ?

— Vì nhiều lý do. Trước hết với cái tham vọng của một người da vàng có nền văn hóa cổ kính hơn dân bạch diện người Á châu vẫn thường coi châu Á bao gồm cả Thái Bình Dương, như vậy Cựu Kim Sơn chỉ là một cái cửa để chúng ta đi vào châu Mỹ. Riêng cái thành phố chưa đầy một triệu dân này, dù có cả người Pháp, người Ý, người Tây Ban Nha nhưng người Á vẫn làm nổi bật sắc thái của họ với khu Trung Hoa từ hàng trăm năm nay và Trung Tâm Nhật

Bàn sắp hoàn thành trong tương lai.

Bằng một giọng châm biếm thường lệ, Thái hỏi :

— Hết bả ? Còn lý do nào nữa không ?

Tôi cần mồi không đáp. Còn chứ ! Còn nhiều lý do lắm. Lý do gần gũi và thực tế nhất không ai chối cãi rằng Cựu Kim Sơn chính là thành phố để cho người châu Á biết nước Mỹ. Dù là lái buôn, du khách, chính trị gia hay du học sinh nếu từ Á châu tới thẳng Mỹ đều phải qua Cựu Kim Sơn. Ngay cả các quân nhân tới Mỹ bằng phi trường quân sự Travis cũng phải tới Cựu Kim Sơn rồi mới đến các quân trường hay đơn vị.

Nếu không có sự bắt buộc này thì sẽ có những người Á tới Mỹ chỉ biết có đồn trại mà họ theo học, chỉ biết có những

tỉnh nhỏ mà họ tới vì công việc riêng. Họ sẽ không biết tới những thành phố lớn tiêu biểu của Mỹ như Hoa Thịnh Đốn, Chicago, New York hay Cựu Kim Sơn. Muốn du lịch tại một quốc gia đặt tiền lên trên tất cả mọi sự như Mỹ phải chịu tốn kém lắm.

Do đó sự kiện bắt buộc phải ghé Cựu Kim Sơn là một điều may mắn cho những người châu Á nghèo nàn.

Tuy nhiên những lý do sau này của tôi, tôi chỉ nghĩ trong bụng mà không dám nói ra.

Tôi sợ bạn tôi buồn !

ĐẶNG-TRẦN-HUÂN

Trích trong **THÀNH PHỐ BUỒN THIU**
sắp xuất bản

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

CHUYỂN XE

Xuống hết đèo xe phải dừng lại một lúc trước khi qua phà Lăng-Cô. Cây cầu cũ đã bị mìn giật sập, công binh Mỹ đang xây cầu mới. Tạm thời xe qua phà bằng cầu nổi, đi một phía nên phải đợi. Trước khi qua cầu, ông lão bị trúng gió có mua một lon Coca uống. Đến giữa cầu, ném cái vỏ xuống nước, thế là xe bị giữ lại hơn nửa giờ nữa. Luật qua cầu, tuyệt đối không được ném bất cứ thứ gì đề phòng trường hợp, vật ném ra là những trái bộc phá. Gã lính Mỹ gác cầu ra dấu cho xe dừng lại và bắt anh tài xế lội xuống nước vớt cái vỏ Coca lên. Anh tài nhăn nhó. Cũng may khoảng nước chỗ chiếc lon đang nổi lênh bênh chỉ sâu đến đầu gối nên công việc cũng không vất vả gì. Mặc lại áo quần, anh đến bên gã lính Mỹ trò tài ngoại giao. Tôi đứng xa, không nghe rõ lời anh nói, chỉ thấy anh trở vào chiếc xe rồi hất mặt về đám hành khách đang đứng ngồi mỗi một, hướng về phía anh để xem kết quả cuộc điều đình. Thỉnh thoảng, những tiếng « You » và « O.K » vượt cao lên tôi nghe được. Anh lính Mỹ mỉm cười, bước thong thả tới lui không để ý, anh tài thì cứ chạy theo án ngữ trước mặt y, năn nỉ. Mỗi lần như thế, gã lính Mỹ lại đổi hướng. Lũ trẻ con miền bề da cháy nắng nám đen nám đỏ, bán kẹo cao su, nước ngọt, hàng quà vật bu theo coi, cười rộ. Một đứa lớn tiếng thông ngôn lại

cho anh tài xế biết, « hần nói giữ xe lại nửa giờ vì tội xả rác », Năn nỉ không xong, anh chán nản ngồi bệt xuống lề đường, lấy thuốc lá ra hút. Hành khách cầu nhàu kẻ vô ý. Nhưng vì là một cụ già đáng tuổi cha chú nên người ta không nổi nặng lời. Ông lão bối rối ra mặt, hết nhìn người này đến nhìn người kia, đôi mắt áy náy tội nghiệp. Ông phân trần và xin lỗi anh tài. Có ý cho hành khách trong chuyển xe cùng nghe !

— Tui mệt quá eng nờ. Mua lon Coca uống cho đỡ nhọc cồ họng. Thiết là chẳng có biết luật lệ cấm như rứa. Eng đừng phiền.

— Thôi mà, bác. Anh tài xế nhà ngum khóỉ trả lời nhã nhận. Không cho đi thì có dịp ngồi nghỉ xả hơi một chút. Bác thấy trong người đỡ chưa ?

— Khá rồi eng. Bị đám mưa khi hồi tui chóng mặt dữ, tưởng mớ nằm rệp rồi. Già cả thiết khổ quá eng ời.

Tôi đứng xoay lưng về phía hai người, ngắm xóm nhà của một họ đạo công giáo, làm nghề chài lưới, mà từ khúc quanh đồ dốc trên đèo trông thấy như một mô hình nổi. Biên khuất sau những mái tranh xám đen, phủ rợp lá những cây dừa thấp. Ở những khoảng hở, biên trông thấy từng miếng màu tím và lục nhạt.

Ngôi nhà thờ nhỏ tọa lạc trên một thế đất cao hơn, vươn khỏi hẳn những nóc nhà với chiếc tháp tự trắng chói nắng, nổi bật lên. Phía đất liền, dãy Trường-sơn nằm cách con lộ chỉ một khoảng ruộng hơn trăm thước. Những tảng đá to tựa cheo leo bên sườn núi hay xếp lại từng đống, mốc đen, nằm đó từ đời kiếp nào, nước chảy đã soi mòn thành đường khe, nổi bật lên trên lớp cỏ non như phủ những triền đồi thấp thoai thoải. Lưng chừng núi còn mờ hơi mưa, mây mỏng giăng từng đợt như những chiếc khăn lụa trắng. Tôi bỗng có ao ước được biến thành tảng đá vô tri nằm ở một xó rừng — Tôi mơ ước thiết tha được thành đá, tôi nói thật, những lúc tôi muốn mình bốc hơi tiêu tán đi mất biệt khỏi cõi đời khốn khổ, cái địa ngục mà tôi luôn luôn cố nghĩ, cố nói thành lời, là nó rất thân thiết, rất cần thiết và rất yêu dấu — Nhưng bây giờ xó rừng không phải là nơi yên ổn nữa, muốn làm kiếp đá cũng không được.

— Tui ở Đồng Hà lặn, eng nờ. Tiếng ông lão tâm sự với anh tài. Còn lên trên Cù nũa. Ngoài vĩ tuyến.

— Chu cha, xa dữ rứa. Anh tài chắt lưỡi, lấy một điều thuốc còn cầm ở tay. Chắc đêm ni bác phải ngủ lại Huế rồi. Mai mới về ngoài nớ được.

— Ở Huế có chỗ mô ngủ đờ không eng ? Ông lão lo lắng hỏi.

— Có chớ. Anh tài trả lời sốt sắng. Về đó bác hỏi thăm phòng ngủ Hương Bình ở đường Trần-Hưng-Đạo, gần bến xe, bác đi mô về rứa, đi một mình à ?

Anh vừa hỏi vừa mời lửa điều thuốc. Ông lão im lặng một lúc như đề lựa lời, rồi lên tiếng :

— Đi với mụ tui nớ eng. Tôi quay lại nhìn. Ông lão hất mặt về phía một bà cụ khoảng ngoài sáu mươi, đang ngồi một mình, vòng hai tay lên gối, xem mấy người lính Mỹ khiêng bao cát xây một lô cốt nhỏ bên cạnh bờ nước. Tóc của hai ông bà đều đã bạc trắng.

Bên kia cầu nổi, hai chiếc GMC đang chậm chậm đi qua.

Xe chở hai cỗ quan tài có phủ cờ vàng ba sọc đỏ. Trên mỗi xe mười thân nhân ngồi uể oải, đưa mắt buồn rầu nhìn những người đi đường. Sau quan tài, một người đàn bà mặc áo tang nằm gục, hai tay ôm lấy cổ áo quan, bất động. Tiếng khóc nho nhỏ, lạc khàn, nghe vắng vắng từ cỗ quan tài bay ra. Mấy đứa bé đầu chít khăn tang ngó lơ ngơ. Ông lão nhìn theo :

— Chắc lính hờ eng ? Không biết chết trận mô rứa. Tôi mấy đứa nhỏ tề quá. Anh tài trả lời đề che dấu lòng trắc ẩn hiện rõ trên gương mặt.

— Ồi hơi mô mà buồn bác, thời buổi ni người chết như ăn cơm bữa; mạng con người ta có ra chi mô. Cứ đề tâm mà thương mà khổ giùm, mãi hoài rồi đến mình cũng còm cõi chết theo. Ngó lơ mà sống cho qua buổi, bác nờ.

— Tui cũng mới đi chôn thằng nhỏ về đây chớ. Nó đi lính chi chi ở tận dưới Cà Mau rừng sát. Tới nơi mô có nhìn thấy mặt mũi nó. Nghe nói

nó bị đạn A, đạn B. Bốn mươi năm mươi chi đó, cháy đen cháy đỏ, ba bốn ngày mới đem về được. Người ta phải liệm liền. Cũng may còn thấy cái hòm nó ở nhà xác. Mụ tui ôm cái hòm té chết già. Thằng út đó eng. Hai đứa anh nó cũng đi lính, đóng trên Dakto. Nó ở nhà bị mấy ông bên tê về hăm dọa đủ điều. Rồi nó bỏ đi lính Q.G. Nó nói đi lính quốc gia có tiền xài. Từ ngày đi tới lúc chết nó chỉ gửi về một lá thư... Tui buồn, mà già quá rồi, khóc con không còn nước mắt để nhỏ cho nó một giọt. Mà tui cứ biểu mang con nó về quê cha đất tổ. Eng nghĩ coi, từ Cà Mau mà na cái hòm về tới ngoài vĩ tuyến thì hai cái thân già này chắc sẽ theo nó luôn, ở mô cũng là đất của tổ tiên, đất nước mình. Lúc sống không lo lắng được gì cho con, khi chết rồi còn kể số chi. Xương thịt rồi cũng tan ra thành đất. Nay mai đây vợ chồng già ni xuống âm phủ cũng gặp lại nó.

— Hai bác đi mấy hôm rồi? Ê nhỏ, đem ít cái bánh lại ăn coi. Anh tài xế hỏi, lớn tiếng gọi thằng nhỏ bán bánh ú.

— Bác ăn cái bánh với cháu. Anh mời ông lão.

— Cám ơn eng. Hôm được tin nó chết, vợ chồng tui bỏ rẫy bỏ ruộng đi liền. Có hơn hai tuần lễ rồi. Nói nghe tội, có biết đường biết sá chi mô eng, hỏi thăm lần lần rứa thôi. Ở bên xe, mụ già có mấy ngàn bạc lộn lưng, bị móc hết. Vào tiệm ăn cơm xong tới khi trả tiền mới hay. Cũng

tội, ông chủ quán tử tế bỏ qua, chớ không chắc ở tù rồi. Nhờ mấy anh em trong đơn vị nó góp tiền lại cho mới về được tới đây. Ông lão bóc vỏ cái bánh đưa lên miệng cắn. Răng ông đã rụng hết, hai chiếc nướu màu đỏ nhàn nhạt, nhần thín, nhai trộm trầy trộm trật.

— Còn eng chắc đã đi lính rồi? Ông vừa trệu trạo miếng bánh vừa hỏi.

— Dạ... Anh tài ngập ngừng Dạ. cháu được giải ngũ.

— May phước, eng bị thương chỗ mô rứa?

— Dạ, không bác nờ. Anh tài đưa bàn tay phải lên. Cháu bị cụt ngón tay trở ni nên họ chê. Tôi nhìn thấy ngón tay trở anh bị cụt phân nửa. Cháu chặt dứa bác à. Anh nói: chặt vắng luôn ngón tay. Lúc đi trình diện họ làm loi thôi ghê lắm. Họ nói cháu tự hủy hoại thân thể để khỏi đi lính Ông lão ngạc nhiên:

— Cụt ngón tay mà hủy hoại thân thể nổi chi?!

— Dạ... cụt ngón tay ni thì hết bóp cò bắn súng được.

Giọng nói thiếu tự nhiên và vẻ bối rối trên gương mặt anh tố cáo điều tôi nghĩ là đúng.

— Cháu bị ở tù mấy tháng đó bác à, anh tiếp lời. Mới được thả ra đầu năm ni.

— Thôi cũng được eng nờ. Ông lão tán đồng. Thời ni có tật là được phước. Hồn ông bà nhập vào con dao khiến cho eng chặt đứt ngón tay đó chớ.

Gã lính Mỹ khoác tay cho xe đi

Anh tài xế vội vàng nhòem dầy.

— Thôi mình lên đi, bác. Lần này cầu trời về thẳng một mạch. Hành khách lại lục tục lên xe, uể oải hơn mấy lần trước. Đã trót lỡ rồi, nhanh nhẹn thêm một chút cũng chẳng được gì. Một đám mây đen che khuất mặt trời, nắng dịu hẳn tuy nhiên gió Lào vẫn không ngớt thổi về rát mặt.

Trước khi lên đeo Phú Gia, nhìn về phía bên trái, chỗ một thế đất dốc, hành khách lại trông thấy bãi rác Mỹ chiếm một vùng rộng lớn. Nào vỏ bia hộp, lon coca, trăm ngàn thứ vật vãnh chất cao lên như một quả đồi thấp. Trong đồng rác không lồ đó, những người đi bươi nhặt di động chậm chạp dưới ánh nắng lửa, chỉ là những chiếc bóng đèn nhỏ. Đột ngột, một tiếng nổ vang lên trong không khí oi bức, âm thanh chát tai, lạc điệu. Một cột khói đen ngịt bốc lên ở chỗ mấy người bươi rác, tỏa ra một khoảng rộng. Hành khách chứng kiến tận mắt, thấy họ đồng loạt ngã xuống, sau đó có mấy người trở dậy, chạy sang. Một người đi cà nhắc rồi lại quy xuống. Tiếng kêu khóc vắng đến.

— Lựu đạn rồi, trời ơi ! tội tình. Một hành khách thảng thốt kêu lên. "Một trái M.79". tôi nghĩ. Người ta nhốn nháo.

— Tội nghiệp quá. Không biết có ai chết không ?

— Thật khờ. Ông tài ơi, ngừng lại xem,

— Lựu chi mấy thứ đồ hôi thúi nớ cho khờ thân rứa hả trời !

— Dân mình nghèo quá mà. Bà cụ vợ ông lão lên tiếng. Loài chó đói còn biết đi kiếm cứt ăn, huống chi con người. Mấy thứ người ta vất đi, rứa chó mót về bán cũng có tiền.

Xe tới nơi. Anh tài xế dừng lại, tôi và anh hối hả xuống xe chạy vào. Một vài hành khách còn đứng ở lề đường ngần ngại. Ba người đàn bà từ trong đồng rác lê ra, máu me đầy người. Một bà cụ già ôm vai, một người bùm mắt, mặt đầy những vết thương lăm lăm, máu chảy xuống từng dọc, một người đàn bà khác ôm đầu gối.

— Bà con cô bác ơi, cứu chúng tôi với. Họ khóc lóc thê thảm. Đám hành khách bối rối. Tôi tháo chiếc khăn tay trên đầu băng vết thương cho một người máu chảy ra từ con mắt trái như xối. Những người khác cũng lấy khăn, áo quần băng cho hai người còn lại. Bà cụ già bị vết thương nơi vai đã ngắt xiu.

— Làm răng chừ đây. Nhà thương quận gần đây không ? Ông lão cũng đã xuống xe, bối rối hỏi :

— Kêu đồn lính trên đèo kia. Có người trả lời :

— Anh tài chạy lên cho đồn lính hay đi. Tôi nói rồi tiến nhanh đến một em bé trai khoảng chín mười tuổi, bị gãy chân đang nằm rên rỉ. Máu chảy vung vãi chung quanh chỗ em nằm. Cạnh nó một đứa bé gái lớn hơn vài tuổi, bị thương ở bụng. Mắt nó nhắm nghiền, mặt và

đôi môi nhỏ đã tái xanh. Tôi lật người em lại thấy vết thương trở ra sau lưng. Tôi để nó nằm xuống lại, nó mở đôi mắt đại ra nhìn tôi, gọi « Má ơi, má ơ... ơ », nó rùng mình, đập cánh tay nhẹ nhẹ. Nó đã chết.

Tôi cởi áo ngoài băng vết thương cho đứa bé trai. Nó rên nho nhỏ, gọi « chị hai... chị hai ơi », tay nó còn giữ chặt một túi nylon đựng mấy hộp « ra-xông ». Có lẽ chúng nó là hai chị em. Lính trên đồn nghe nồ, xuống đến nơi. Người trung sĩ đứng chống tay bên hông nhìn tôi băng cho đứa bé, mặt đầy vẻ bất mãn :

— Khổ thân tụi mày. Anh ta nói rồi chứ ư. Một ngày đuổi năm lần bảy lượt mà tụi bay có nghe đâu. Anh ta quay ra gọi lớn : Vô băng cho thằng nhỏ này đi. Tôi vội bồng đứa bé chạy ra phía đường. Anh lính cứu thương đang loay hoay làm việc. Gã trung sĩ cũng theo ra, chợt thấy cái lon trên áo băng ở chân đứa bé, anh ta ngược lên nhìn tôi mặt dịu lại :

— Cái áo này... Anh ta ngập ngừng.

— Của tôi đó trung sĩ. Tôi đáp.

— Thật khổ đó thiếu úy à. Gã than

thở. Vụ này nữa là thứ ba hay thứ tư gì đó, từ khi có đồng rác này. Tụi tui rầy la, mắng chửi, dọa nạt đủ điều mà họ không nghe. Còn mấy ông nội Mỹ, đồ rác thi đồ, còn đem đồ luôn lựu đạn vào đó nữa. Anh ta đưa mắt nhìn qua mấy người bị thương một lượt, nói : Chưa kịp ăn mớ đồ sinh thúì đã ngã ra chết hết.

— Thiệt đó ông. Một bà hành khách đang đứng xó rớ, góp chuyện. Ở gần nhà tui trong Hội-An, bà kể, ông Tám bên nhà ăn thịt bò sinh, cả nhà bị ói mửa, ỉa chảy thiếu điều chết. Ai đời, thịt thúì người ta đem chôn còn xúm lại đào lên về ăn. Tụi Đại-hàn giáng báng súng lên đầu phun máu, rứa mà cũng không tởn. Hễ thấy chiếc xe chở rác là chạy theo rần rần như ruồi thấy cứt.

Chiếc trực thăng cứu thương của quân đội Mỹ do đồn lính gọi đã đến. Máy bay đảo một vòng rồi đáp xuống bãi cát bên kia đường. Nhúng tôi khiêng người bị thương lên. Máy bay cất cánh bay về hướng Đà Nẵng. Gió cánh quạt cuốn theo những chiếc nón mũ, giấy vụn bay lên, rơi xuống lá tả. Tôi mặc lại cái áo dính vết máu khô

SÁCH SÁNG TẠO

Đã phát hành tại khắp các tiệm sách :

VÀO THIÊN

Tập giai thoại tùy bút của DOÃN QUỐC SỸ

Đón đọc : **SÀU MÂY** truyện dài của DOÃN QUỐC SỸ

của đứa bé. Lên xe, người ta còn bàn tán, trao đổi nhau những giai thoại về đề tài rác Mỹ. Câu chuyện được khơi rộng ra từ những người nghèo khổ đi lượm rác tới những viên chức chính quyền địa phương nhờ rác Mỹ làm giàu... Một lúc sau không khí mới yên lặng trở lại. Xe qua khỏi đèo gặp chiếc xe bạn cùng hãng từ Huế vào. Hai bên bóp còi chào nhau. Chiếc xe từ Huế chạy chậm lại, anh tài thò đầu ra khỏi xe, chỉ bằng ngón tay cái về phía đoạn đường sau, cho tin có chuyến tàu hỏa bị mìn ở chân đèo Phước Tượng, quận Phú Lộc.

— Xe còn rộng không? Anh ta hỏi. Chở thêm vài người nữa kiếm tiền xài chơi. Anh tài xe tôi cười đại khái, không sốt sắng với đề nghị của người bạn vì xe đã hết chỗ. Đến Thừa Lưu Nước Ngọt, đám hành khách ngủ gà ngủ gật lại có dịp xôn xao. Ở đó, một cánh quân Mỹ vừa mới hành quân về. Quân trang, súng ống còn dính đầy bùn đất đề ngồn ngang hai bên lề đường. Dưới bến sông, những quân nhân Mỹ áo quần nhem nhuốc đang tắm giặt. Những đứa bé trai, gái bu theo bán thuốc lá, nước ngọt ướp lạnh. Người ta cũng thấy những cô gái trang điểm phấn son cầu thả đang cười đùa chót chả với những lính Mỹ khác trên cabin máy chiếc GMC đậu dọc theo vệ đường. Cả một quang cảnh náo nhiệt, sống động dậy lên hai bên cầu. Nhưng điều làm cho các hành khách chú ý không phải quang cảnh đó, chính là hơn chục cái xác người ướt sũng nước, trắng nhợt, chẳng ra làm sao,

được xếp song song 1 hàng bên cạnh bờ ruộng, đầu hướng ra quốc lộ 1.

Tôi lướt mắt nhìn qua rồi vội vàng quay đi.

— Ngó không được con mắt đến. Chị bạn hàng thò đầu ra nhìn rồi vội vã rút vào, nét mặt biến đổi như vừa mới phạm tội. Còn trẻ hết. Chị ta nói không nhìn ai. Cỡ mười sáu mười bảy tuổi. Nghĩ thiệt tội, bằng tuổi con cháu mình. Không biết con cái nhà ai. Nói xong, chị ta thấy sự bày tỏ cảm tình có phần không được hợp pháp, nên đưa mắt nhìn ngang nhìn ngửa. Thấy không ai để ý, chị ta yên tâm.

— Biết có phải VC không chớ. Ông lão đi thăm con chết từ lâu giữ im lặng, lên tiếng. Có khi dân thường. Ông phát ngôn bừa bãi, không e dè. Ở chỗ tui, tui nhỏ trốn chui trốn nhui hết. Bên ni về thì nói theo bên tê. Bên tê về thì nói theo bên ni. Bên mô cũng sợ hết ráo. Người mình thì ai cũng giống ai chớ. Da vàng vàng, mũi xẹp xẹp, làm răng biết được ai là VC ai là Việt-không-Cộng. Hễ ai nói rằng thì dân thành ra rứa. Ráng chịu. Mấy eng Mỹ thấy ai mặc đồ đen thì cho là VC hết. Đi cày bộ phải mặc đồ tây răng.

Xe rẽ xuống con đường đất mới đắp vòng qua thửa ruộng, tạm thay thế chiếc cầu bị mìn sập.

— Mới hôm qua đó Thiếu úy. Anh tài nhìn qua tôi nói. Tôi thấy dưới bờ ruộng chiếc xe đồ lật ngửa, đầu máy cháy nám. Trên nền vàng, 1 bên hông, 2 chữ Phúc-Hưng rực lên đỏ

chối. Chung quanh còn rơi rớt những nén nhang, bát gạo. Một cái miếu nhỏ mới được dựng lên, gỗ thông ván thùng đạn còn mới. Bên trong chưng bình hoa nylon và bát nhang bằng 1 khúc thân chuối. « Cứ mỗi vụ mìn nổ lập một miếu thờ, trên đoạn quốc lộ này có lẽ rồi đây cứ trăm thước có một cái miếu » Tôi lơ mơ nghĩ :

— Hai chục mạng vừa ngum vừa bị thương, thấy mà lạnh mình. Anh tài kể tiếp. Đoạn này còn đỡ đó. Qua khỏi đèo Phước-Tượng rồi mới kinh hồn. Đi như đi trên giấy tử thần. Thiệt là bán mạng kiếm cơm, đòi máu ăn tiền. Tôi không trả lời nhưng chăm chú nghe anh nói. Anh cười khan rồi tiếp lời. Thằng Tur Mái Nhà — có lẽ anh ta có hàm răng hô xia ra chẳng ? — Lái chiếc xe đó. Mới lấy vợ, ở An-Cựu. Nổ làm răng không biết mà văng mất cha nó bộ đồ nghề. May mà chết luôn, chớ không vợ nó thấy rầu thúi ruột. Anh cười khan nữa. Tôi nghe khó chịu vì giọng cười khô của anh. Thà anh ta khóc còn hơn.

Tôi nhìn ra ngoài. Xe đang chạy qua một xóm nhà mới dựng của dân tỵ nạn Cộng sản. Tôi biết được nhờ tấm bảng viết nguệch ngoạc dựng ở lề đường. Những cái chòi nhỏ, ra vào phải cúi khom người, được cất bằng đủ thứ vật liệu góp nhặt, vừa đủ để một cái giường. Buổi tối, vợ chồng, con cái chui rúc lên ngủ. Những cái chòi hứa hẹn rất nhiều, một hôm nào đó, chỉ một cơn gió vừa vừa thổi cũng đủ

bốc đem đi. Mấy đứa trẻ mặt búng da chì. bụng ỏng ngồi tiêu trên mô cát trắng bên đường, mọc lơ thơ mấy cụm xương rồng lá tròn, nhìn những chuyến xe qua lại làm thú tiêu khiển. Đời sống của đám dân ở đó ra sao tôi không rõ, khi họ phải rời bỏ nhà cửa ruộng vườn ? Mỗi ngày 12 đồng, một lon gạo, hằng sáu tháng chưa được lãnh chẳng ? Hình ảnh những ngôi nhà bị phóng hỏa, đám dân nghèo khó được lừa lên xe chở đi trong những cuộc hành quân bình định hiện ra trong trí tôi. Nhìn những cái chòi chơ vơ giữa khoảng đồng cát tôi bỗng đâm ra tức giận vu vơ... « Tao nhớ có lần đến nhà ông nọ ở Sài Gòn. Ngôi nhà tọa lạc trong 1 khuôn viên rộng, xanh tươi hoa lá. Khi đứng ở ngưỡng cửa, tao ngần ngại không dám bước vô vì thấy nền nhà được lót thảm hoa rực rỡ. « Có phải bỏ dép ở ngoài không ? » Tao tự hỏi như vậy. Ông ta phải mời « anh cứ vào tự nhiên » mấy lần, tao mới dám vào. Căn phòng khách làm tao bàng hoàng như lạc vào động thiên thai. Máy lạnh giữ nhiệt độ trung bình, không khí trong căn phòng mát rượi. Trên tường trang hoàng tranh nguyên tác của các danh họa quốc tế. La liệt những món kỷ vật sưu tập từ các quốc gia trên thế giới. Tao được dẫn đến quầy rượu « dùng một ly nhỏ ». Ông ấn một nút điện, bức tường gỗ láng bóng tự động mở ra. Rượu đủ các loại sắp từng tầng mấy trăm chai. Ly pha lê đủ các kiểu. Mỗi kiểu dùng riêng cho một thứ rượu. Tao được ông đưa đi xem các phòng ngủ với chiếc

giường đồng Hồng Kông sáng ngời. Phòng học con cái, phòng đọc sách, nhà bếp. Đâu đâu tao cũng thấy những món đồ lạ mắt và không biết dùng để làm gì. Cuối cùng là nhà xe. Bốn chiếc xe hơi bốn màu dùng cho sáng trưa chiều và một chiếc loại si bo, ông mua cho đứa con trai còn đang du học bên Pháp". Đó là lời của người bạn tôi kể lại. Nó vừa tốt nghiệp kiến trúc, được ông ta gọi đến đặt vẽ một đồ án xây biệt thự nghỉ mát ở Vũng Tàu.

— Tao chịu hết nổi. Nó nói đề kết luận. Tôi cũng chịu hết nổi. Không phải tôi có cái hân hạnh được vào ngôi nhà sang trọng của ông nọ ở Saigon mà vì tôi vừa trông thấy những căn chòi thiếu náo kia và nhớ lại lời bạn.

Lúc xe đồ dốc đèo Phước-Tượng từ xa người ta đã trông thấy quang cảnh nhốn nháo chỗ chuyển xe hỏa bị mìn. Đầu máy ngã chúi xuống con lạch nhỏ. Những toa sau trật đường rầy lật nghiêng sang một bên. Hành khách trên chuyến tàu đang khiêng hành lý, dắt díu, bồng bế băng qua thửa ruộng ra đứng lố nhố suốt một khoảng đường. Dân chúng quanh vùng đến xem làm quăng đường bị tắt nghẽn. Xem lam đến rước khách máy nổ vang trời, khói trắng un lên mù mịt. Người ta chen lấn, xô đẩy, giành nhau lên xe. Tiếng cãi vã la lối, tiếng gọi nhau, tiếng trẻ nhỏ khóc tạo nên một âm thanh vô cùng hỗn độn. Phải khó khăn một lúc xe mới qua khỏi quăng đường đó. Một người đàn bà năn nỉ xin anh tài cho

chị «ngồi chậi ngồi chội» về Huế nhưng anh tài từ chối. Khi xe qua khỏi chị ta chửi với theo:

— Mụ cha cô bà mỗ tở nó, mình đi trả tiền chớ phải xin xỏ chi na. Cái đồ «cô độc», làm bộ làm tịch thấy mà phát ghét. Tôi cười, anh tài cũng cười.

— Thấy chưa thiếu úy. Ở đời khó khăn lắm chớ phải dễ gì. Chắc bà nội nó muốn ngồi trịn khu lên đầu tui quá.

Trên đường, mười anh lính nghĩa quân uể oải vác súng trở về đồn, sau một ngày nằm đường. Trời sắp xế chiều. Dãy núi Bạch Mã phủ mờ hơi đá, ngả sang màu tím nhạt. Dãy núi hùng vĩ biết bao. Những năm trước đây còn là một thắng cảnh mùa hè, bây giờ không thể lên đến cây số 4. «Họ thịt liền», dân chúng ở Cầu Hai nói vậy.

Bắt đầu từ Cầu Hai, anh tài xế luôn luôn cho xe chạy giữa đường, bất kể gò cao hay ổ gà sâu lút mắt cá chân.

— Tụi nó hay chôn mìn hai bên lề. Anh tài giải thích, đất mềm dễ đào. Nhưng cũng nhờ trời, nếu chôn giữa đường thì mình lãnh đủ. Máy dò mìn của mình có khi tìm không ra. Họ bọc nẹp trái mìn lại, mấy cha lính dò mìn nói rứa. Trên khúc đường chưa quá một cây số, tôi đếm thấy bốn lỗ mìn nổ, dấu đất còn mới. Một chiếc xe đồ hiệu Phước-Tượng và một xe «đốt» còn nằm dưới ruộng. Trên xe hành khách ngồi im phăng phắc, gương mặt mọi người như se lại nhỏ thó, chỉ còn những đôi mắt mở

to ra, nhưng nhìn vào một thế giới vô hình, trên trời, chờ đợi.. Có lẽ họ không dám nghĩ đến điều họ chờ đợi, nhưng chính điều đó đã chi phối cả tinh thần lẫn thể xác khiến cho họ trở nên dờ dẩn vô hồn. Tôi nghe nho nhỏ có tiếng niệm Phật Quan Thế Âm và giọng cầu kinh xin Chúa ban phúc lành. Trong kính chiếu hậu, một bà cụ đang lần chuỗi bồ đề. Người ngồi bên cạnh, lần tràng hạt Mân Côi.

— Chết có số thiếu úy à, anh tài xế nói, cố gắng giữ cho giọng được bình thường. Nỗ chết biết liền, hơi mơ lo cho mệt. Tui lái đường này mỗi ngày hai chuyến, xe trước xe sau bị, tui ở giữa êm ru.

Nét căng thẳng tốt độ hiện rõ trên từng khuôn mặt mà lòng tin và ước vọng được che chở bởi quyền lực của đảng vô hình dường như không thể trấn tĩnh họ. Về xao xuyến, lắc lư, run rẩy như ngọn đèn dầu trước cơn gió lạ, còn cố gắng thôi thóp. Từng tiếng động, từng sự rung chuyển nhỏ nhất nhất, từ mặt đường truyền lên khối sắt cũng được họ ghi nhận một cách tinh tế, và cũng như khối sắt, thân thể họ lẫn tâm hồn họ cũng đắm chìm trong cơn run rẩy. Mỗi lần chiếc xe sụp xuống ổ gà vòng lên, tất cả mọi người lại giật nảy mình như trải qua một tai biến, sau đó họ thấy mình còn sống sót lấy lại chút lòng can đảm luôn luôn bị phản bội. Riêng tôi, thật khó tả lại cái trạng thái bàng hoàng ngất ngư kéo dài trên suốt quãng đường đó. Trên quãng đường mà cội nguồn

của sự chết nằm khiêm tốn chỉ trong một tác vuông đất, được dấu kín ở một nơi vô định. Có thể nó có đó hay không — im lìm ẩn mình dưới bộ mặt hiền lành của mặt đất, của một bụi cỏ xanh mơn nguy trang — nhưng mà nỗi sợ hãi thì hiện diện trong từng tế bào máu trong thân thể tôi. Ngồi trên băng xe nhưng lúc nào tôi cũng triền miên trong cảm giác nhẹ bẫng của sự bay bổng, sự tan biến hành vô tri. Tôi không rõ là tôi có chuẩn bị hay không để đón tiếp cái giây phút trở nên vô hồn đó. Một cảm giác lan man, nhầy nhụa, u tối, thật kinh tởm. Nhưng tôi có một ước vọng không rõ ràng. Dầu là trong hoàn cảnh nào, tôi không muốn trở thành một thương binh. Bởi lẽ, nó có vẻ mỉa mai chua xót và khôi hài thể nào đó trong mắt nhìn thiên hạ. Thời này đâu có phải là cái thời lý tưởng cho một thương binh “chống nạn cày bừa” và “có con trâu xanh hết lòng giúp đỡ”. Nó có vẻ bất đắc dĩ rất đáng thương. Phương chi trở thành một thương binh trong trường hợp không chiến đấu, không có chút tự vệ này. Tôi có cảm tưởng mình là một tử tội đã bị bịt mắt trong giờ hành quyết, còn nuôi một hy vọng mỏng manh những họng súng đang chia vào người chưa lấp đạn, hoặc những viên đạn đã bị thối... Anh tài xế chỉ cho tôi chỗ mặt đường mới đắp lại đất còn rục màu vàng.

— Tuần trước đó. Anh ta nói, giọng hơi lạc đi. Mới đầu một chiếc xe lam bị, đi bốn mạng. Chiếc xe

nhà binh Mỹ tới không dám qua, gọi chiếc xe đồ mìn. Nhưng chưa kịp dò đã cán nồ một trái nữa, đi thêm năm con, vị chỉ là chín con cả thảy. Mấy giờ rồi thiếu úy ? Tôi xem đồng hồ :

— Năm giờ hơn.

— Còn ngoài 30 cây nữa. Chạy thẳng về tới bến sáu giờ. Anh tài tiên đoán.

— Chỗ Đá bạc bữa nì ra sao ? Tôi hỏi. Anh tài lưỡng lự.

— Cũng hên xui rứa thôi. Làm răng biết được. Giờ này cũng hơi ngại.

— Dám chạy luôn không ?

— Còn tùy.

Xe đã sắp đến Đá bạc rồi, chỉ còn qua một quãng đèo ngắn nữa thôi. Chúng tôi còn nỗi lo ngại bị quân du kích ra chặn ở quãng Đá-bạc. Một cái mìn đập hay một chướng ngại vật gì đó. Chiếc xe ngừng lại. Hành khách được "mời xuống học tập". Anh làm gì, làm ruộng hả. Còn anh, dạ buôn bán. Anh này, học sinh. Anh kia, sinh viên. Cởi giày ra coi, chân có bị nổi mảy cục chai — vì đi giày « sô » — không. Có hả, nguy quân hả. Đứng riêng ra một bên. Bà con cô bác phải..., phải..., nguy quyền. bác và đảng, quân đội giải phóng, đả đảo, ủng hộ... Xong được thả hay bị dắt lên núi, hay thanh toán tại chỗ, còn tùy hứng... Xe qua Đá-bạc, bình yên. Mặt đầm phẳng lì. Những gộp đá trầm mình lơ nhô trên mặt nước sáng như một tấm gương lớn. Xe gần giáp chân trời, núi Túy vân và Voi-phục xám đục, lẫn trong màn trời. Chuyển đồ máy đưa khách

từ Vinh - Lộc sang vừa cập bến. Hành khách đa số là dân chài lưới, đồ lên với những thúng cá tươi, tôm, cua biển, sò huyết... xe chỉ dừng lại một chốc, anh tài xé vào trình giấy ở trạm kiểm soát. Chị bạn hàng và bà cụ người Bắc mua sò huyết tươi. Quang cảnh rộn rịp, vui vui như một phiên chợ chồm hồm khiến mọi người quên đi trạng chốc lát nỗi kinh hãi.

— Chỉ còn một chút từ đây tới Truồi nữa thôi, anh tài xé nói. Qua khỏi Truồi thì bớt lo rồi. Gương mặt mọi người như nở ra, sáng sủa hơn. Họ trao đổi với nhau những câu bông đùa nhẹ nhàng, chế nhạo sự lo sợ họ mới vừa trải qua.

Cầu Truồi đã hiện ra, chỉ còn khoảng hơn hai trăm thước. Bỗng một tiếng réo xé không khí rất quen thuộc vút qua. Liền đó là tiếng nổ xé tai, chát chúa. Một đám khói đen tỏa ra trên mặt lộ cách chiếc xe không xa. Con sợ hãi của hành khách theo tiếng nổ bùng ra. Họ hốt hoảng nhốn nháo lên, còn bàng hoàng chưa rõ nguyên nhân thì một tiếng rít lại đến, tiếp theo tiếng nổ.

— Pháo kích ! Tôi la to. Rời khỏi xe mau. Anh tài xé thẳng gấp, chiếc xe xốc lên dừ dội. Những trái đạn 82 ly bay tới, rớt xuống nồ liên tục. Hành khách nhào ra khỏi xe. Họ bò lăn bò càng nằm sát bên bờ ruộng. Anh tài xé và tôi nấp chung chỗ, sau một mìn đất. Mãi một lúc lâu sau, tôi mới nghe tiếng phản pháo của Pháo đội ở Phú Lộc và tiểu đoàn pháo binh ở Phú Bai. Nhưng đó

mới là đợt pháo kích thứ nhất. Khoảng mười phút im tiếng, trong khi người ta đang di tản những người bị thương, đợt pháo kích thứ hai xảy đến. Lần này những quả đạn rơi trúng đích, nhằm vào cầu Truồi và đồn nghĩa quân. Chợt tôi nghe tiếng rít rất gần rồi tiếng kêu xè xè phát ra. Do kinh nghiệm, tôi cúi đầu sát đất. Quả nhiên, một tiếng nổ bùng tai, chát óc làm ngực tôi tức ran, hai tai ù lên. Đất đá bay rào rào như có một trận mưa sạn. Bụi, cát lẫn với cỏ, lá cây phủ lên cả người. Mùi thuốc đạn hăng nồng. Khét lẹt. Đó là trái đạn cuối cùng của đợt pháo kích. Một lúc sau, tôi định thần, lắng nghe cảm giác đau đớn, nhưng thấy người vẫn bình thường. Đề được chắc chắn, tôi sờ soạng khắp cả người, không thấy chỗ nào chảy máu, tôi yên tâm. Tôi quay sang anh tài, thấy anh còn úp mặt xuống đất nằm bất động. Tôi lay lay vai anh ta :

— Có hề gì không ?

— Không. Tôi hỏi lần thứ hai mới nghe anh trả lời nho nhỏ. Còn thiếu úy ? Anh vừa hỏi tôi vừa đưa tay sờ từ đầu đến chân.

— Thiệt phước đức ông bà phù hộ, anh nói. Nổ ở mô mà gần rứa ? Chúng tôi nghe tiếng kêu khóc của những người bị thương gần đó, nhưng không làm gì được. Pháo binh ta tiếp tục phản pháo. Hai chiếc UTT lên, phóng rốc két xuống dãy núi. Mãi lâu sau khi hai chiếc trực thăng trở về, tôi nghe trên đồn lính có tiếng người nói, tiếng chân chạy huỳnh huých. Người ta gọi nhau

chứa một đám cháy phía trong chợ. Đợt pháo kích đã ngớt. Tôi kéo anh tài xé :

— Chắc hết rồi, dậy đi. Nói xong tôi vội vàng chạy đến chỗ phát ra tiếng kêu khóc. Chung quanh chỗ trái đạn rớt quang cảnh thật tang thương. Xác người nằm ngổn ngang. Máu trộn với bụi đất, gạch đá và quần áo rách nát lầy nhầy. Tôi thấy mọi người hãy còn nằm yên, chưa biết ai sống chết, phải đến xem từng người một. Trái đạn định mệnh rớt đúng ngay chỗ các hành khách nằm chung khiến không một người nào thoát hiểm. Chị bạn hàng và bà cụ người Bắc tử thương, bốn người bị thương, trong số có vợ chồng ông lão đi thăm con chết và cô gái ngồi bên cạnh tôi. Kề cả anh tài xé và tôi là tám. Chuyển xe lúc khởi hành chín người.

— Còn một người nữa lạc mô hề ? Anh tài xé chạy tới chạy lui tìm kiếm. Mãi sau mới tìm thấy người thứ chín còn ngồi trên xe, băng sau cùng, nhờ có tiếng trẻ khóc. Chính là người đàn bà trẻ im lặng. Chị bị mảnh đạn vào đầu, máu tuôn thấm ướt cả khoảng ngực hở. Chị đã chết, trong khi đang ôm đứa con cho bú, đầu ngã nghiêng trên chiếc nệm tựa lưng. Lúc khiêng chị ra khỏi xe người ta mới hay chị cụt một chân lên tới đầu gối và chị phải đi bằng nạng. Chiếc nạng cũng bị miếng ghim đầy, chị gác ngang ở băng sau. Có lẽ vì vậy mà chị không xuống xe được. Đứa bé mới sinh khoảng hai tháng, da còn đỏ, đang ngủ thiếp. Trong giấy tờ của

chị, chúng tôi tìm thấy một bức thư của người chồng, hiện là tân binh quân dịch đang thụ huấn tại Trung tâm huấn luyện Đống-Đa. Anh ta viết rằng anh muốn thấy mặt đứa con trai hằng mong mỏi mà chị vừa sinh cho anh: « Em đem con đến cho anh trông thấy mặt nó. Chắc nó giống anh lắm phải không em? ». Một bà lão đến xem, nhận giữ giùm đứa bé để trao lại cho Ba nó. Rồi anh sẽ được trông thấy mặt đứa con và cả mặt vợ anh, nhưng với một đôi mắt đã nghìn đời khép kín.

Chiếc xe bị mảnh đạn ghim lỗ chỗ như một cái mặt rỗ đậu mùa. Lốp trước rách một lỗ lớn. Tôi phụ với anh tài xế thay chiếc bánh xơ cua. Xong việc thì mặt trời đã sụp. Nắng nhuộm cảnh vật một màu vàng úa.

— Mấy cha nội chơi đến nước này thì hết đỡ. Anh tài xế cho xe nổ máy. Pháo kích giữa ban ngày ban mặt thì lộng hành quá cỡ rồi. Lúc xe khởi hành, những người bị thương đã được di tản đến bệnh viện Quận. Tôi ngồi bên cạnh anh tài. Thế là chuyển xe chỉ còn lại hai người. Anh tài nhấn hết ga cho xe lao đi vùn vụt.

— Về cho kịp, kéo mấy công đồn đóng mình nắn nỉ mệt lắm. Tôi không trả lời. Bây giờ giá chiếc xe có lạc tay lái đâm xuống vực tan tành tôi cũng không để ý đến nữa. Con đường từ Truồi về đến Huế bình yên, nếu qua quãng Dạ Lê Hạ, Dạ Lê Thượng không bị mấy ông du kích về sớm thử đạn AK vào xe. Trạm kiểm soát Việt-Mỹ ở Phú Bài chặn lại xét xe. Anh

tài xế nhờ tôi nhận vợ mấy món đồ Mỹ anh đã mua ở chợ t.ời Đà Nẵng. Tôi nói của tôi mua về xài. Gã quân cảnh Mỹ mỉm cười « ô kê ô kê ».

Xe rẽ vào bến. Mấy chiếc xích lô chạy đến giành mỗi, nhưng thấy xe trống, bỏ đi.

Tôi và anh tài xế cùng giơ tay ra nắm lấy, siết chặt, nhìn nhau một lúc lâu, nhưng không ai thốt lời nào. Cuối cùng, cả hai cùng mỉm cười rồi chia tay.

Thành phố đã lên đèn. Trên phố Trần-hưng-Đạo, những mái tóc thề óng mượt, những tà áo lụa phảng phất của các cô gái phất phơ trong gió chiều. Hiệu ăn tạp nập người ra vào. Rạp chiếu bóng Tân-Tân chiếu phim « Giăng gô phục hận », vừa mãn xuất, người đồ ra đầy nghẹt cả đường. Tôi xuống bờ sông Hương ở bến Thương Bạc rửa sơ mình mày. Mấy bà chủ đồ mời: « Cậu xuống chơi, có con nhỏ mới ở dưới quê lên ». Tôi lắc đầu: « đề khi khác ». Tôi đến tiệm giặt ủi thay một bộ quần áo hồ thẳng nếp. Mấy người trong tiệm giặt nhìn tôi có vẻ tò mò, dò hỏi:

— Mới đánh lộn chó có chi lạ mà nhìn. Tôi nói. Dành gái bị đánh lộn máu đầu. Tôi cười, họ cũng cười. Tôi ra quán Lạc Sơn ăn một tô mì cao lầu hai vắt, uống tách cà phê nóng, gọi đứa bé đánh bóng đôi giày để sáng mai thứ hai chào cờ. Gặp mấy thằng bạn khen tôi bữa nay diện keng. Tôi cười lơ là, lững thững về nhà lỏi của Thượng Tứ. Lúc sắp đến đoạn đường

rẽ vào nhà, tự nhiên tôi cảm thấy nôn nao ham muốn. Tôi đi thẳng lên động mụ Bé, ở ven hồ Tịnh Tâm để gặp Hoa, cô gái chơi quen thuộc có một thân thể nầy lửa. Về đến nhà đã gần chín giờ. Bà cụ hỏi tôi về chuyện nào mà giờ đó mới đến.

— Con ăn cơm chưa, mẹ dọn.

— Con về từ lúc trưa, bận đi chơi với người bạn. Con ăn cơm ở nhà nó rồi. Tôi trả lời bà rồi cởi áo quần đi tắm.

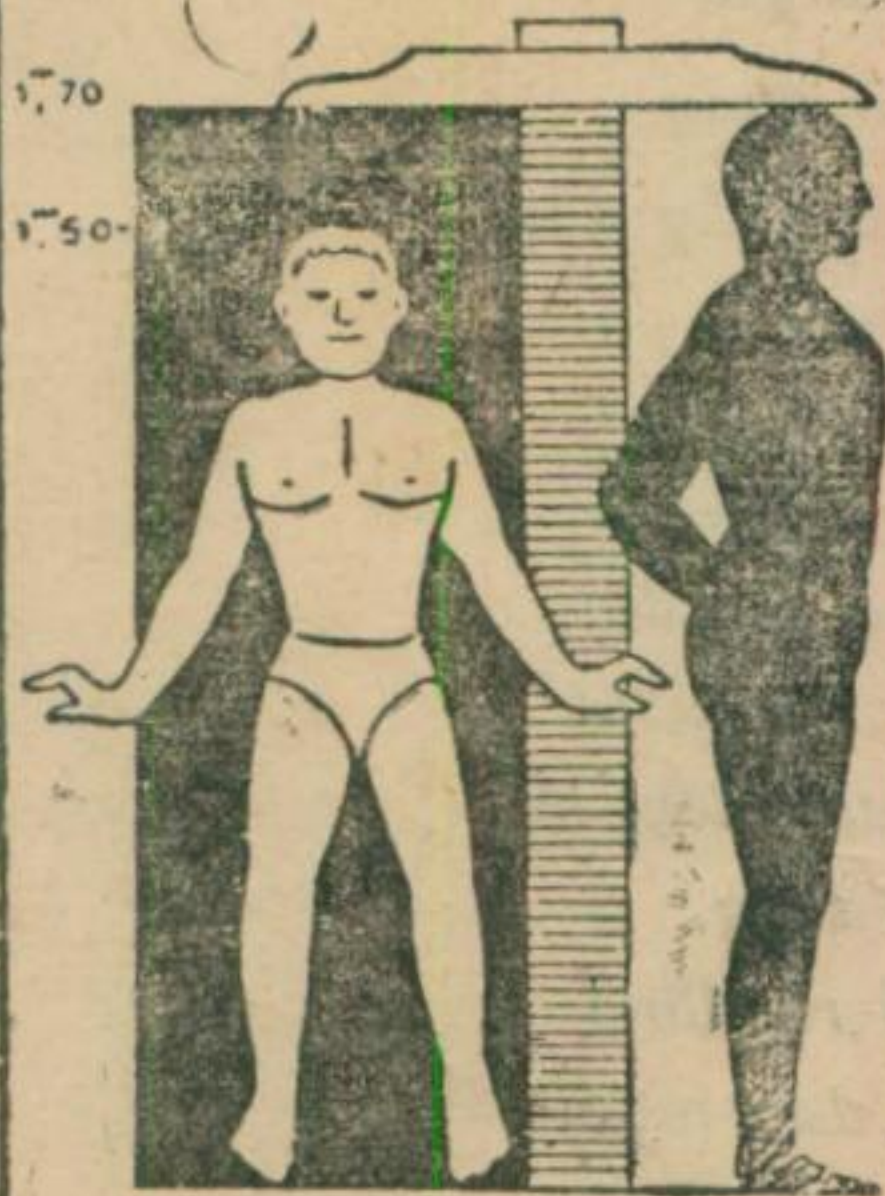
Ngày mai tôi lại đến sở làm công việc của tôi. Vẽ trên tờ truyền đơn hình ảnh mấy người lính ốm o gầy còm, có chừa những chữ «bệnh» và «đói», những chiếc đầu lâu đội mũ bọc vải nhựa có gắn cái huy hiệu ngôi sao. Và viết một bản văn chiêu hồi bắt đầu bằng dòng chữ: «Hỡi các bạn cán binh CS...»

(tháng 6-1970)

KINH-DƯƠNG-VƯƠNG

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NÍT MAU
BIẾT ĐI
- CÙNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ
- NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

S6 KN 18-MBYT/QCPD

Thư về xóm nhỏ

Thơ PHAN LONG YÊN

Thân tặng Võ Phiến

Sau lúc ấy... rồi sao em nhỉ ?
Quê hương còn bãi sắn, nương dâu,
Nơi chúng ta lưu luyến buổi đầu,
Trao kỷ niệm suốt đời thương nhớ,
Lúc họ đến, anh rời xứ sở,
Bước chân đi lòng thấy nao nao...
Nhìn đồng quê nước mắt tuôn trào,
Đành giã biệt màu xanh, tuổi trẻ !

Giờ trôi nổi chân trời, góc bể,
Nhớ làm sao ! cảnh cũ người xưa.
Còn không em, xóm nhỏ canh khuya,
Tiếng ai hỏ, ai hò giã gạo.
Ai kéo vải dưới trăng mờ ảo,
Bến lữ cưỡi nếp bóng xa quay...
Trên đường quê, đàn trẻ nhảy dây,
Hay tụ họp sân đình u mọi.
Có những đứa ngồi im không nói,
Lấy hơi, nín thở đếm sao trời...
Còn không em, xóm nhỏ ven đồi,
Những mái rạ chiều lên bốc khói.
Những con lạch uốn mình đêm tối,
Mang chân tình rẽ lối về sông.
Sáng tình sương còn kẻ ra đồng
Vui cày cấy, nặng tình đưa muối ?

Cho anh biết quê nhà lần cuối,
Có những gì thay đổi nghe em !
Đừng để anh thao thức trắng đêm,
Cho hy vọng trở thành tuyệt vọng !

Còn một chút tình quê để sống,
Thăm lặng trong ý nhạc, lời thơ,
Mong tâm hồn khuấy khuấy bơ vơ,
Đợi nắng mới trao tình hoa lá...

(Trích tập TÌNH QUÊ sắp xuất bản)

Người ngồi nhớ núi

Thơ ĐÔNG TRÌNH

Chiều một mình trên núi,
Rụng buồn như lá cây,
Tàn rơi đâu thuốc mỗi.
Người về rừng không hay.

Một cánh hoa thật vàng,
Không hề mang tên gọi.
Thung lũng sâu ngút ngàn.
Cỏ thơm trên đụn kén.

Ta làm thân du tử
Mẹ ngồi buồn trăm năm
Em người tình cố xứ
Vai xõa tóc chưa tròn.

Xin một ngày trở lại
Đưa em lên toa tàu
Áo vàng hoa cúc mới
Nón nghiêng như làm cao

Xin một ngày trở lại,
Nắng rơi trên lối mòn,
Mẹ mừng run tay gậy,
Ngoài vườn hương cau thơm.

Ta một mình với núi,
Rụng không hết lá buồn.
Ta một mình thở khói,
Vào thiên nhiên có đơn.

TÌM ĐỌC:

THÀNH CÁT TỬ HÂN

của NGUYỄN TRỌNG-KHANH

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

BASTOS *Luxe*



巴士多金
名貴地牌
貴地金
大超牌
方等煙

Siêu đẳng thượng hảo hạng

Thời sự thế giới

TỪ-TRÌ

Thời sự thế giới hiện thời đang đánh dấu bằng cuộc bầu cử Quốc-hội tại Hoa-kỳ. Cuộc bầu cử này tuy không mang lại cho ông Nixon những kết quả mong muốn nhưng địa vị của ông cũng không bị đe dọa nhiều trong một thời hạn ngắn. Cuộc bầu cử Mỹ tuy sôi nổi cũng không làm cho người ta quên tấn thảm kịch đã xảy ra tại nước giáp giới với Mỹ là Gia-nã-đại. Những người thiểu số Gia-nã-đại gốc Pháp được thế giới nhắc nhở tới nhiều sau cái chết của ông Pierre Laporte, Tổng trưởng Bộ Nhân Công tại tiểu-bang Québec.

Trong khi đó vấn đề đi tìm hòa bình cho Trung Đông vẫn bị sa lầy tuy các phe liên-hệ đã quyết định kéo dài cuộc hưu chiến thêm ba tháng nữa.

Cuộc bầu-cử Quốc-hội tại Hoa-Kỳ

Ngày 3.11 vừa qua dân chúng Mỹ đã bầu lại toàn thể dân biểu Hạ nghị viện và 1/3 Thượng-nghị-sĩ. Đề giúp cho đảng Cộng-Hòa của ông được thắng lợi trong cuộc bầu cử này, Tổng-thống Nixon đã cò động cho đảng một cách hết sức tích cực. Ông đã đưa ra đề nghị 5 điểm đề tái lập hòa bình tại Việt Nam, ông đã ra lệnh rút thêm quân khỏi Việt Nam. Đó là những biện pháp hòa hoãn trấn an dân Mỹ để kiếm phiếu. Ngoài ra ông Nixon còn đi cò động bầu cử trên khắp nước Mỹ. Tại San Jose thuộc tiểu-bang Californie ông còn bị các sinh viên và thanh niên nhục mạ, ném đá và trượng thối. Đây là lần

đầu tiên trong lịch sử Hoa-kỳ một Tổng-thống bị dân chúng trong nước đối xử như vậy. Trong cuộc biểu tình bạo động của sinh viên tại San Jose, an ninh và sinh mạng của Tổng-thống Mỹ bị đe dọa trầm trọng đến nỗi người ta đã liên-tưởng tới vụ ám sát Tổng-thống Kennedy ở Dallas năm 1963. Tuy ông Nixon tỏ ra hết sức bình-tĩnh và leo lên nóc xe, dơ hai tay làm chữ V để biểu-hiệu chiến thắng nhưng đoàn tùy tùng của ông đã hết sức run sợ cho ông. 1 điều làm người ta hết sức ngạc nhiên là một lần nữa hệ-thống cảnh sát và cận vệ có nhiệm vụ bảo-đảm an-ninh cho Tổng-thống Hoa-kỳ lại tỏ ra bất-lực và bàng hoàng trước các hành vi bạo động này. Ngay sau đó cả Tổng-thống Nixon lẫn Phó Tổng-thống Spiro Agnew đã dùng những lời lẽ cứng rắn đề lên án những người biểu tình. Theo ông Nixon thì những thanh niên cuồng tín này chỉ là một thiểu số và giờ đã đến lúc đa số thăm lắng ủng hộ ông cần phải dứt khoát với họ bằng cách bỏ phiếu cho Đảng Cộng-hòa. Ông Agnew, với những lời lẽ thẳng thừng thường-lệ, đã gọi bọn người này là những « rác rưởi của Hoa-kỳ cần phải quét sạch khỏi xã-hội ».

Nhiều người đã cho rằng ông Nixon cố tình áp dụng một chính-sách « chơi với lửa » để lấy cảm tình của cử-tri vào phút chót. Nhưng nếu những giả-thuyết này đúng thì cuộc

bầu cử vừa qua đã không mang lại cho ông Nixon những kết-quả mong muốn. Thật vậy đảng Dân-chủ vẫn nắm được đa số ở cả Thượng lẫn Hạ-nghị-viện. Tại Hạ-nghị-viện, đa số Dân-chủ lại còn thêm được 9 ghế. Tại Thượng-viện, 4 Thượng-nghị-sĩ chống đối ông Nixon mạnh là các ông Mike Mansfield, Edward Kennedy, Robert Byrd và Hugh Scott đã được tái cử một cách dễ-dàng. Tuy nhiên tại Thượng-nghị-viện đảng Cộng-hòa nếu vẫn còn là thiểu số, thì lại chiếm thêm được hai ghế. Những vị Thượng-nghị-sĩ ủng hộ Tổng-thống Nixon cũng được tái đắc cử.

Như vậy người ta có thể tạm thời kết-luận rằng dân chúng đã không đồng ý với chính-sách đối nội của Tổng-thống Nixon bằng cách đưa thêm đối thủ của ông vào Hạ-viện, vì tại Hoa-kỳ, Hạ-viện có nhiều thẩm-quyền về mặt đối nội hơn là Thượng-viện. Ngược lại Thượng-viện được Hiến-pháp trao cho quyền kiểm-soát chính sách đối-ngoại của Hành-pháp. Tại Thượng-viện sự-kiện đảng Cộng-hòa thêm được 2 ghế có thể cho người ta nghĩ rằng chính-sách đối-ngoại của Tổng-thống Nixon đã được quốc dân Mỹ ủng hộ. Trong tương lai Tổng-thống Nixon sẽ được rảnh tay hơn để áp dụng chính sách Việt-Nam của ông và có thêm uy tín để nói chuyện với phe Cộng-sản.

Nhưng các kết-luận này dù sao cũng không có một giá-trị tuyệt đối vì tại Hoa-kỳ Tổng-thống và đa số tại Quốc-hội không thuộc cùng một

đảng là một hiện-tượng thông thường. Hơn nữa các đảng ở Hoa-kỳ không có kỷ-luật chặt chẽ như ở Anh nên một Thượng-nghị-sĩ của đảng Dân-chủ vẫn có thể bỏ phiếu cho một vị Tổng-tổng của đảng Cộng-hòa. Người ta đã nói rằng Hoa-kỳ có 49 tiểu-bang, 49 đảng Dân-chủ và 49 đảng Cộng-hòa. Tuy cũng mang nhãn-hiệu Cộng-hòa, nhưng một nghị-sĩ Cộng-hòa miền Nam có quan-điểm về vấn-đề kỳ-thị chủng-tộc gần-gũi với một nghị-sĩ Dân-chủ miền Nam hơn là với một nghị-sĩ Cộng-hòa miền Bắc. Như vậy các kết-luận chỉ có giá-trị khi người ta biết được quan-điểm của từng vị nghị-sĩ một và hiện thời thì khó mà nói được là ông Nixon sẽ thành công hay thất bại.

Bạo động tại Gia-nã-đại

Phong trào bạo động trong những năm gần đây đã lan tràn khắp thế giới. Gia-nã-đại cũng không tránh khỏi hiện-tượng này. Từ trước tới nay các vụ bất cóc chính trị chỉ xảy ra tại Nam-Mỹ. Người ta không thể ngờ rằng chúng có thể xảy ra tại một quốc gia ổn cố như Gia-nã-đại. Những người Gia-nã-đại gốc Pháp, từ trước đến nay vẫn đòi độc-lập hay tự-trị, nhưng cuộc tranh đấu này chỉ có tính cách lý-thuyết, Năm 1967 Tướng De Gaulle, khi sang thăm Gia-nã-đại, đã đổ dầu vào lửa bằng cách hô khẩu-hiệu "Québec tự do muôn năm." Nhưng người Gia-nã-đại gốc Pháp chỉ muốn dựa vào sự ủng hộ của Pháp để đòi quyền bình-đẳng với những người gốc Anh

mà thôi. Họ thừa hiểu rằng nếu tách rời khỏi cộng-đồng quốc-gia, Québec sẽ sụp đổ về phương-diện kinh-tế vì Pháp không đủ giàu mạnh để viện-trợ cho họ.

Trong những ngày vừa qua cuộc tranh đấu đòi độc lập bỗng bước vào một giai-đoạn bạo-động. « Mặt trận Giải-phóng Québec » đã bắt cóc ông Pierre Laporte, Tổng-trưởng Nhân-công của Tiểu-bang Québec, để đòi thả 23 người của Mặt-trận bị chính quyền bắt giam. Chính-phủ Québec, do ông Bourassa lãnh đạo cho rằng Mặt-trận « bịp » nên không chịu thỏa mãn lời yêu cầu trên. Và tại đây người ta tin rằng các vụ ám-sát chính-trị chỉ có thể xảy ra tại các nước Nam-Mỹ hay Trung-Đông mà thôi. Ông Bourassa còn áp dụng những biện-pháp mạnh bằng cách xin chính-phủ Liên-bang ở Ottawa gửi quân tăng cường, bắt gần 400 người tình nghi trong đó có luật-sư của « Mặt trận » là Robert Lemieux, ban-bố, tình-trạng khẩn-trương... Đó là những biện-pháp đặc biệt vì người Gia-nã-đại xưa nay vẫn quen thuộc với mọi quyền tự-do, được luật Habeas Corpus của Anh bảo đảm.

« Mặt-trận Giải phóng Québec » đã phản công lại bằng cách thắt cổ và cắt mạch máu cổ tay ông Laporte. Vụ sát hại man rợ ông Laporte đã khiến cho dư luận thế giới vô cùng xúc động. Dân Gia-nã-đại bắt đầu coi Mặt-trận là một tổ chức khủng bố. Những đòi hỏi chính-đáng của những người gốc Pháp đã bị mất nhiều cảm tình. Hố ngăn cách giữa hai cộng-đồng những người gốc Pháp và những người gốc Anh lại càng thêm ra.

Những người gốc Pháp dần dần sẽ phải đi tới một tình trạng bắt buộc phải tranh đấu bằng bạo lực. Đồng thời chính phủ Liên-bang ở Ottawa của Thủ-tướng Trudeau đã bị mất nhiều uy - tín. Ông Trudeau là một người gốc Pháp nhưng sự nghiệp của ông dựa trên sự ổn cố của Liên-bang. Mỗi mưu toan ly-khai chỉ có hại cho ông nên ông đã nhất quyết chống lại mọi đòi hỏi ly-khai của những người Gia-nã-đại cùng một gốc với ông. Để củng cố địa-vị của mình, ông đã đưa ra những biện-pháp cách-mạng như duyệt lại liên-lạc của Gia-nã-đại với Minh-ước Đại-Tây-Dương, thừa nhận Trung-cộng v.v... Làm như vậy ông đáp ứng đúng áp nguyện vọng của dân chúng là tỏ ra độc-lập đối với Hoa-kỳ. Do đó Hoa-kỳ bất bình đối với chính phủ Ottawa và hiện thời Hoa-kỳ nắm tới 70% tiền đầu-tư trong nền kinh-tế Gia-nã-đại, nên người ta ngại rằng Hoa-kỳ có thể ngầm ủng hộ Phong-trào giải-phóng Québec để phá ông Trudeau. Và Mặt trận Giải-phóng Québec cũng đặt nhiều hy vọng vào sự ủng hộ của Hoa-kỳ. Một mầm cách-mạng đang nhen nhúm ngay trên Bắc-Mỹ có tiếng là trù phú và ổn cố.

Vấn đề Trung-Đông trước Liên-Hiệp-Quốc

Sau gần ba tháng hưu chiến, cuộc thương-thuyết giữa Do-thái và Ả-rập vẫn chưa được khởi sự. Vấn - đề Trung-Đông lại được đưa trước Liên-Hiệp-Quốc. Tổng-trưởng Ngoại-giao Do-thái Abba Eban đã tới Nữu-Uớc đề « tố cáo chứ không phải là đề án lại các lời tố cáo ». Nhưng ông

Eban, ngay từ hôm đầu đã vấp phải một « mặt trận » Ả-rập tấn công ông liên tiếp. Các đại-diện Ả-rập và đồng-minh đã lần lượt lên diễn-đàn tố cáo Do-thái chiếm đất Ả-rập một cách bất hợp-pháp. Đại-sứ Arabie Saudite đã đưa ra cuốn «Present at the creation» của cựu Ngoại-trưởng Mỹ Dean Acheson để chứng-minh rằng chính ông Dean Acheson đã chống lại việc thành lập một quốc gia Do-thái. Những tấn công này nhằm mục-đích yểm-trợ cho quyết nghị mà phe Ả-rập dự-tính đưa ra để yêu cầu nối lại cuộc hoà đàm mà không đề ý tới các lời tố-cáo của Do-thái và Hoa-kỳ về vụ Ai-cập vi-phạm hưu-chiến bằng cách võ trang bên bờ kinh Suez.

Cả hai bên đã chấp thuận tiếp tục cuộc hưu chiến thêm 3 tháng nữa (từ 5-11-70 cho tới 5-2-1971) để hoà-dàm. Ai-cập tuy thay đổi tập-đoàn cầm quyền nhưng cũng tỏ vẻ ôn-hòa. Ông Sadat đã được bầu làm Tổng-thống và ông Mahmoud Fawzi được cử làm Thủ-tướng đều là những phần tử tuy không thân Mỹ nhưng ôn-hòa. Cả ông Ali Sabri thân Nga lẫn ông Zakaria Mohieddine thân Mỹ đều bị loại. Cho tới khi nào một trong hai phe thắng thì chính quyền vẫn do phe trung-lập của ông Sadat nắm giữ. Vì các ông Sadat và Fawzi không phải là loại « người hùng » nên chính-sách đối-ngoại nhất là thái độ đối với Do-thái sẽ biểu lộ hết sức mềm mỏng.

TỪ TRÌ

Sách mới • Chương trình mới

bộ **GIẢNG-VĂN** soạn đúng chương trình mới
của Bộ Giáo Dục do giáo sư **TRẦN-BẰNG-PHONG**

GIẢNG VĂN	lớp 6	(đệ thất cũ)
GIẢNG VĂN	lớp 7	(đệ lục cũ)
GIẢNG VĂN	lớp 8	(đệ ngũ cũ)
GIẢNG VĂN	lớp 9	(đệ tứ cũ)
GIẢNG VĂN	lớp 10	(đệ tam cũ)
GIẢNG VĂN	lớp 11	(đệ nhị cũ)

BỘ TÂN TOÁN HỌC

do Ban Tu Thư **KHAI-TRÍ** soạn đúng chương trình mới
của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục

Bán tại : Nhà sách **KHAI-TRÍ** 62 Lê-Lợi — SAIGON

SINH HOẠT

THỜI SỰ KHOA HỌC

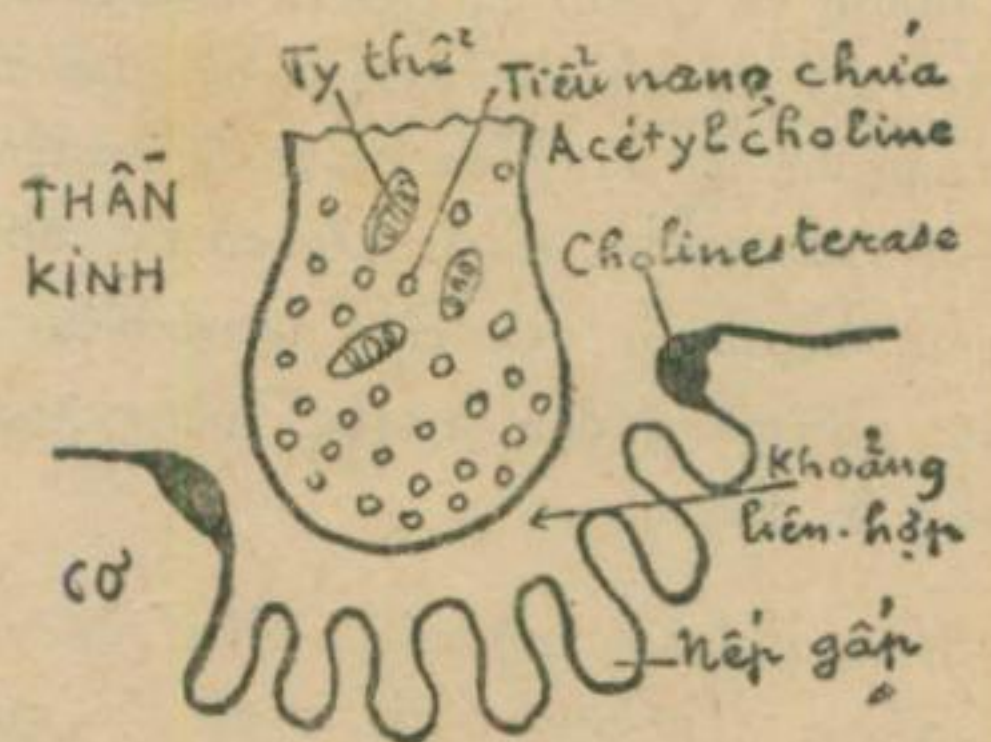
Giải Nobel 70

Năm nay giải Nobel về Y-khoa đã được Hàn-lâm-viện Thụy-điển trao tặng cho 3 nhà khoa-học thuộc 3 quốc-gia khác nhau: Giáo-sư Ulf von Euler, Thụy-điển, Huân-tước Bernard Katz, Anh quốc và Bác-sĩ Julius Axelrod, Hoa-kỳ.

Viện-hàn-lâm Thụy-điển coi công-trình của 3 nhà khoa-học này, mặc dù riêng biệt nhau, đã cùng «khuyến-kích rất nhiều cho công việc tìm ra những phương thuốc trị các rối loạn về thần-kinh và tâm-lý». Cả 3 đều đóng góp vào sự hoàn-hảo-hóa các hiểu biết về cơ-chế dẫn truyền luồng thần-kinh từ não bộ xuống các cơ-năng vận-động cũng như xuống các cơ-quan khác trong cơ thể. Huân-tước Bernard, trưởng-khu sinh-vật-lý của Đại-học-đường Luân-đôn là người đã tìm ra chất Acetylcholine, một hóa-chất được tiết ra tại nơi tiếp-hợp thần-kinh-cơ. Nơi tiếp-hợp này chính là nơi những nhánh thật nhỏ của sợi thần-kinh liên-lạc chặt chẽ với các sợi cơ vân, nhưng bao giờ nó cũng nằm bên ngoài các màng bao sợi cơ: như thể có nghĩa là thần-kinh và cơ không bao giờ liên lạc trực tiếp với nhau, trái với những điều mà chúng ta có thể quan-sát thấy được

khi giải phẫu một bắp thịt chẳng hạn.

Giữa những đơn-vị cơ-thể nhỏ nhất của một thần-kinh và một bắp thịt là một khoảng cách rất nhỏ chỉ có thể thấy được dưới kính hiển-vi điện-tử: khoảng liên-hợp chứa đầy một dung dịch ngoại bào.



Những ty-thể trong phần tận cùng của thần-kinh được coi như có nhiệm-vụ tạo nên chất Acetylcholine tích-trữ trong các tiểu nang. Nơi đầu nếp gấp của màng sợi cơ bao quanh phần thần-kinh có chứa chất Cholinesterase, chất này có tác dụng phá hủy Acetylcholine để cho luồng thần-kinh sau có thể được tiếp tục truyền đi.

Khi một luồng thần-kinh truyền tới nơi tiếp-hợp thần-kinh-cơ, nó làm vỡ một số tiểu-nang và phóng thích Acetylcholine vào khoảng liên-hợp. Chừng 2 phần ngàn giây sau khi được tiết ra Acetyl tác dụng ngay vào màng bao sợi

cơ. Khoảng thời gian tác dụng ngắn ngủi này đủ để tạo nên một sự thay đổi điện-thế trên màng bao và kích-thích sợi cơ. Số lượng Acétyl. còn lại bị phá hủy ngay sau đó trong vòng vài phần ngàn giây dưới tác dụng của Cholinesterase.

Thật ra, sự có mặt của một hóa-chất trung-gian trong việc dẫn truyền luồng thần-kinh đã được đặt thành giả-thuyết từ năm 1895 do Oliver và Schafer. Năm 1921, Leowi đã chứng thực lần đầu tiên giả thuyết đó bằng một thí nghiệm trên tim một con chó. Cũng vào năm đó Cannon và Uridil đã tìm ra một chất do gan tiết ra khi kích-thích hệ giao-cảm liền hệ mà sau này Von Euler đã đặt tên là Nor Adrenaline. Chất này có rất nhiều ở hệ-thần-kinh giao cảm ngoại-biêng và giữ nhiệm-vụ dẫn truyền luồng thần-kinh ở nơi này.

Von Euler là một nhân viên của viện Caroline hoàng gia, cơ quan đã tuyển chọn những nhà bác học xuất sắc nhất trên thế-giới để trao giải thưởng Nobel hằng năm. Thân phụ của Von Euler cũng là một nhà khoa-học tâm tiếng, ông đã chiếm giải Nobel về hóa-học năm 1929.

Bác sĩ Axelrod, trưởng-khu dược-liệu-học tại Viện Bảo-vệ sức khỏe tinh-thần quốc-gia ở Bethesda, đã đóng góp công lao của mình vào việc kiện-toàn sự hiểu biết về cơ-chế điều-hòa việc sản xuất Nor-Adrenaline cũng như cơ-chế ức-chế chất này.

Đừng vội mừng

Bà mẹ nào mà khi thấy con mình

mỉm cười lần đầu tiên lại chẳng cảm thấy sung sướng. Thật ra, khi đứa hài nhi cười, chưa hẳn là nó nhận ra mặt cha mẹ nó. Theo kinh nghiệm của bác-sĩ Emde, một nhà chuyên môn về nhi-khoa thì ít ra phải 3 tuần lễ sau khi sanh, hài-nhi mới biết cười khi có các kích thích từ bên ngoài. Trong vòng 2 tuần lễ đầu tiên, trẻ vẫn thường mỉm cười trong lúc ngủ nhưng nguyên nhân của hiện tượng này là do sự kích-thích từ bên trong cơ thể đứa hài nhi phát nguyên từ sự phát triển của cuống não. Sự kích thích này có thể nhiều đến 9 hay 10 lần trong khoảng 1 giờ rưỡi của giấc ngủ.

Cách đây không lâu cũng một bác sĩ Hoa-kỳ chuyên về tâm-lý nhi-khoa đã thực hiện một sáng-kiến ngộ nghĩnh khi ông thu băng các tiếng khóc của mấy vị thân chủ tí hon của ông. Kết quả là ông đã thu được hơn 100 kiểu khóc khác nhau, mỗi kiểu tiêu biểu cho mỗi trạng thái tinh thần của đứa trẻ. Ông đã đề nghị mỗi bác sĩ nhi khoa nào cũng nên có một cuộn băng của ông để cho việc chẩn đoán bệnh được chính xác và dễ dàng hơn.

Cái mà mấy chú bé sợ nhất là cái ống chích ! Trong khi tìm hiểu cảm tưởng của trẻ em đối với các vị bác sĩ như thế nào khi chúng bước chân vào phòng mạch, phần lớn chúng đã vẽ hình ảnh của vị bác sĩ như một quái vật cầm trong tay cái ống chích. Không thấy chú bé nào vẽ vị bác sĩ dưới một cái nhìn thiện cảm.

Trẻ con phải rất nên coi chừng !

TỬ ĐIỆP

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Trở về nguồn

Ông Lạc Trịnh Ngàn Hồng, chủ nhà « *Tìm xưa* » cách đây hơn 2 tháng có gửi một lá thư cho một số báo chí đề trình bày chủ trương *Tìm lời Việt* thay lời Hán của ông áp dụng trong cuốn sách mà ông biên soạn mang tên là « *Thử tìm lời Việt so lời Hán* ».

Trong thư ông cho rằng « người dân Việt bị nhào nặn, gò ép trong lò nhuộm giống của người phương Bắc » tức là sách vở Hán trong 2.000 năm và Nguyễn Thuyên, Lê Quý Ly. Nguyễn Huệ lần lượt đã ra công phá vỡ cái « lò nhuộm giống » ấy, mà các vị này không làm nên việc vì « bị bọn một sách mực nát thọc gây bánh xe ».

Ông cho rằng « từ ngày có chữ Việt gốc La-tinh của Cha Cả Đờ-Rốt và cũng nhờ sức ép của người Phờ-Răng-Xe » thì sách vở Việt gặt bỏ được chữ Hán nhưng lời Hán vẫn còn vương vấn mãi trong lời ăn tiếng nói của người dân Việt và từ năm 1945 đến nay thì người dân Việt lại dùng lời Hán một cách bừa bãi, ngớ ngẩn. Thí dụ : *Lịch trình khám xe, Xe ra vào thường trực, Lành mạnh hóa, Đường xa-lộ, Dãy núi Trường Sơn, Sông Hồng Hà, Linh hải-quân, Đi du lịch, Đi hành quân, Về hồi chánh v. v...*

Do đó ông Lạc Trịnh Ngàn Hồng muốn phổ biến cuốn sách « *Thử tìm lời Việt so lời Hán* » trên các báo chí, nhất là các nhật báo (mà ông gọi là các « *Tờ Tin* »). Cuốn sách của ông

sẽ là « *Gây Thần cho những ai thật lòng muốn trở về nguồn* ».

Trong « *Lời Việt so lời Hán* », có lời Việt, lời Hán và thêm cả lời Pháp nữa. Thí dụ :

Lời Hán là *Ác*, thì lời Việt là : *Dữ, dữ tợn, xấu, xấu xa* (méchant, cruel).
Hán : *Ác* chiến Việt : *Đánh dữ dội*

<i>Ác thú</i>	<i>Muông dữ</i>
<i>Á Thánh</i>	<i>Thánh Em</i>
<i>Á Châu</i>	<i>Côi Ê-di-a (Asie)</i>
<i>Á Đông</i>	<i>Đông Ê-di-a</i>
<i>Ám tả</i>	<i>Viết ngấm (dictée)</i>

Đặc biệt trong cuốn sách trên, các lời thơ chen lẫn lời Hán của Kim-vân-Kiều, Lục-vân-Tiên, Tần-cung-oán, Chinh-phụ-ngâm v.v... đều được sửa lại bằng lời Việt ; các chuyện xưa tích cũ cũng được ông viết lại « *lột bỏ các Thần Thánh* » đi... Thí dụ : *Ác tả* là : *quạ nghiêng, bóng xế, quạ sa*, nên « *Trải bao thỏ lặn ác tả* » (Kim-vân-Kiều) được sửa là : « *Qua bao thỏ lặn quạ nghiêng* » hay « *quạ sa* ».

Ái ân là : *Yêu nhau, thương nhau*, nên « *Kề làm sao xiết muôn vàn ái ân* » (Kim-vân-Kiều) được sửa là « *Kề làm sao xiết muôn vàn yêu nhau* »...

Người ta có thể đồng ý hay không đồng ý với tác giả « *Tìm Lời Việt* » về ít hay nhiều điểm trong cuốn sách và trong chủ trương của ông, nhưng phải nhận rằng sự hăng say trở về nguồn của ông là một ý hướng thật tốt đẹp, nhất là trong thời đại này.

Thế Uyên và Kiểm duyệt

Thế Uyên là một khách hàng quen thuộc của Sở kiểm duyệt. Từ khi anh xuất bản sách, người ta thấy Thế Uyên luôn luôn vất vả chạy tới chạy lui để can thiệp cho tác phẩm này bị cắt xén hay tác phẩm kia bị phối hợp... Đến nay thì anh gửi hẳn một kháng thư cho Ông Tổng-trưởng Thông Tin « về sự cấm xuất bản cùng việc kiểm duyệt cắt xén quá nhiều ba cuốn sách » do anh viết :

1) Cuốn *Trận Điện-Biên-Phủ* của Jules Roy, Thế Uyên dịch và đưa kiểm duyệt từ 1968 cho tới nay vẫn chưa được phép xuất bản. Trong khi đó cũng truyện dịch này đã được đăng gần hết trên nhật báo Công-Luận và Trận Điện-biên-phủ thuật theo tài liệu bút ký của Võ-nguyên-Giáp cũng được đăng trên nhật báo Thần Phong nữa.

2) Tập đoàn văn *Đoạn đường Chiến binh* đã bị kiểm duyệt bôi xóa tới 1/2 tổng số trang. Có đoạn đã được phép in thành sách trước đây mà nay cũng

bị bôi bỏ. Các bài phê bình nhạc Phạm Duy, Trịnh Công Sơn... cũng bị bỏ toàn bài, không một lời giải thích.

3) Tập *Tiểu luận* cũng bị « bôi xóa da beo » như trên.

Cuối thư Thế Uyên có nhắc đến chính sách chung về kiểm duyệt và anh đã viết như sau :

« Có thể nói qua chính sách kiểm duyệt, quý Bộ đã tạo ra sự chia lìa giữa chính quyền và người cầm bút. Sự chia lìa này, nếu còn tồn tại, sẽ hết sức bất lợi cho chế độ quốc gia trong một tương lai không xa lắm, khi có ngưng bắn. Chiến tranh sắp nặng về chính trị và văn hóa : lúc đó vũ khí chính và nhân sự của chúng ta đâu còn thể là xe tăng, máy bay và quân sĩ nữa

« Đó là trình bày theo tình chiến hữu của những người cùng trong giới tuyến quốc gia. Còn về lý, tôi xin nhắc thật lễ nhắc rằng chính sách kiểm duyệt hiện hành của quý Bộ đã vi phạm vào Hiến pháp do Tổng thống và các vị chỉ huy các ngành hành pháp đã long trọng tuyên thệ bảo vệ ».

THU-THỦY

Nguyệt san

CHÍNH VĂN

TỜ BÁO CỦA NHỮNG NGƯỜI SUY TƯ VÀ XÚC ĐỘNG TRỀ

Chủ nhiệm chủ bút : NGUYỄN-MẠNH-CÔN

108 trang bài, bìa và 6 trang phụ bản offset màu

TRUNG TÂM NHÂN XÃ

(Anthroposocialism Center)

2, Nguyễn văn Thịnh Saigon

Hoàng-Xuân-Việt sáng lập và điều khiển

T.T.N X : Là Học-viện đầu tiên ở V.N. đề xướng giáo-dục Hậu-học-đường nhằm phát-triển toàn diện con người, giảm bớt thất bại, tận dụng khả-năng, bồi-túc đại-học bằng những khoa Tự-Lập thân ứng dụng ngay trong cuộc sống thực-tế muôn mặt.

T.T.N X. : Phổ biến Nhân-xã-học, 12 tháng dự-bị, 36 tháng chuyên-khoa, là môn học được trình-bày trong 74 tác-phẩm của Ông Hoàng-Xuân-Việt thuộc loại Học Làm Người từ 20 năm nay nên Trung-tâm tuyệt-đối đứng ngoài chính-trị và Tôn-giáo, lại càng không liên-hệ gì đến một đảng nọ mang trùng tên.

12 MÔN : Do giáo-sư cấp Đại-học và Học giả tên tuổi dạy và dùng trên 200 sách loại Học làm người làm sách giáo-khoa, là: 1) Hùng biện, 2) Xử thế. 3) Lãnh đạo, 4) Dụng nhân, 5) Tò chức, 6) Khoa học ứng dụng, 7) Tâm luyện, 8) Bán hàng, 9) Hôn nhân. 10) Hướng nghiệp, 11) Viết văn và làm báo, 12) Thuật tư tưởng.

ĐẶC ĐIỂM : Vừa HỌC giáo-khoa vừa HÀNH bằng sinh-hoạt tập-thể. Mỗi tuần buộc đọc một quyển sách. Sau mỗi giờ học uống trà, nghe nhạc. Mỗi tháng du-ngoạn tinh-tâm. Mỗi tối chủ nhật Hội thoại và văn nghệ. Mỗi tuần nghe một diễn giả nói chuyện. Giảng đường tiện nghi, thanh lịch.

Nhập khóa 1/10, 1/11 và 1/12

1895

Quyền tự vị Việt Nam đầu tiên ra đời, ấy là bộ ĐẠI NAM QUỐC ÂM TỰ VỊ của Huỳnh Tịnh Paulus Của.

1937

Quyền VIỆT NAM TỰ ĐIỂN của HỘI KHAI TRÍ TIẾN ĐỨC đã ấn hành xong.

1970

Nhà sách Khai Trí cho xuất bản bộ :

TỰ-ĐIỂN VIỆT-NAM

đầy đủ nhất hiện nay, do ông LÊ-VĂN-ĐỨC và một nhóm văn hữu Việt Nam soạn trên mười năm nay, và ấn loát ròng rã trong ba năm, ông LÊ NGỌC TRỤ hiệu đính, dày trên 2.000 trang, khổ to, in toàn trên giấy trắng hảo hạng, đóng làm hai quyển.

Bán tại : Nhà sách KHAI TRÍ 62, Lê Lợi SAIGON

Sách mới Lá Bối

HUYỀN GIÁC CHỨNG ĐẠO CA

Một khúc ca quen thuộc của văn hóa Đông Phương từ bao thế kỷ. Quen thuộc vì đó là thơ và đạo.

Bằng thơ, con người vượt lên cơ tâm của tình cảm.

Bằng đạo, con người vượt lên cơ trí của triết học.

Cơ tâm, cơ trí: đó là thân phận người. Cần vượt qua,

Vượt qua để làm gì? để đến đâu? để trở thành gì?

Những khắc khoải ngàn đời của kiếp sống. Xin đón đọc:

TRÚC THIÊN giới thiệu CHỨNG ĐẠO CA

LÁ BỐI ấn hành, Việt Hán Anh Ngữ, trung tuần tháng 11-70

NHÁNH RONG PHIÊU BẠC

của VÕ-HỒNG

Câu chuyện một em bé lạc loài, nạn nhân của giặc giã, của những đày ải dồn dập nơi thị thành. Ai đã say mê đọc Vô Gia Đình của Hector Malot sẽ còn say mê hơn nữa khi đọc NHÁNH RONG PHIÊU BẠC của Võ-Hồng, bởi vì câu chuyện mang đầy đủ tinh chất xót xa thâm thúy của Xã-hội thời chiến hôm nay và bởi vì ngòi bút của VÕ-HỒNG luôn luôn giữ nét dịu dàng tha thiết.

Một cuốn sách làm ấm lòng độc giả người lớn lẫn trẻ em.

LÁ BỐI xuất bản